

ĐOẢN QUỐC SỸ

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

ĐOẢN QUỐC SỸ

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

(Hoàn cảnh nước nhà nhìn tổng quát suốt khoảng tiền bán thế kỷ XX)¹

A. Giai đoạn văn thân Cần Vương bết mạt

Giai đoạn này khởi đầu với cuộc nổi lên chống Pháp của Trương Định tại Chợ Lớn, Tân An, Gò Công vào năm 1862 và chấm dứt vào năm 1895 là năm Phan Đình Phùng chết vì bệnh kiết lỵ trong núi.

B. Giai đoạn Canh tân và Đông Du (1895-1912)

Đầu thế kỷ XX ghi dấu một giai đoạn đấu tranh dưới hình thức mới: giai đoạn Đông Du và Canh tân. Sở dĩ có cuộc chuyển hướng này vì các sĩ phu nước nhà đã rút được những bài học kinh nghiệm quý giá: các cụ biết rằng vì khí giới của mình còn quá thô sơ nên việc chống Pháp toàn bằng võ lực sẽ không thoát khỏi thất bại. Ấy là chưa kể ta gần như thường xuyên sống trong cảnh thiếu thốn về lương thực và tài chính. Các cụ đã thấy gương Nhật Bản khoảng 1858 cũng bị lực lượng quân sự cơ giới Tây phương áp đảo, nhưng Nhật Bản đã hiểu ngay bài học tiến hóa, kịp thời canh tân để chưa đầy 50 năm sau trả đòn đánh bại nước Nga trong những trận hải, lục chiến ở Phụng Thiên và cửa bể Nhật Bản (1905).

Trong giai đoạn này ta có thể ghi chép những sự kiện sau đây:

1. Về phương diện võ lực kháng chiến.

Cuộc khởi nghĩa Đề Thám vẫn tiếp tục chiến đấu du kích cho tới 1910. Ngoài ra chỉ còn những vụ âm mưu lẻ tẻ đánh phá các đồn trại, đầu độc hoặc mưu sát quân lính và nhà chức trách Pháp.

¹. Viết theo tài liệu của Nghiêm Xuân Hồng – Lịch trình diễn tiến của Phong trào Quốc gia Việt Nam – Quan điểm 1958.

2. Về phương diện canh tân

Thời bấy giờ phong trào Canh tân đã sôi nổi lắm ở Trung Hoa và những sách mới của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu được phiên dịch sang tiếng Việt. Lúc đó, Tăng Bạt Hổ, một chiến tướng Cần Vương tại Bình Định, sau khi thất bại bỏ đi chu du các nước Tàu, Nhật, lúc trở về cổ động các nhân sĩ xuất dương hoạt động cứu quốc. Phan Sào Nam liền cùng Tăng Bạt Hổ đi khắp Nam Bắc để liên lạc với các đồng chí và tuyên truyền việc xuất dương du học. Tại Quảng Nam, hai cụ họp các đồng chí để thành lập Việt Nam Quang Phục Hội (1904) tôn Kỳ ngoại hầu Cường Để làm hội trưởng xuất bản cuốn Lưu Cầu Huyết Lệ Tâm Thư để cổ võ tinh thần cách mạng du học. Sau đó Phan Sào Nam và Tăng Bạt Hổ liền sang Nhật giao thiệp với các yếu nhân trong chính giới Nhật để sửa soạn đưa Kỳ ngoại hầu Cường Để sang Đông Kinh.

Cuộc cổ võ Đông Du này được hưởng ứng nhiệt liệt và các vị như Phan Chu Trinh, Lương Ngọc Quyến, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Lương Ngọc Can... đều tham gia xuất dương hoạt động.

Cuộc Đông Du này có hai mục đích cốt yếu: một là đào luyện nhân tài cách mạng, hai là mua khí giới gửi về giúp phe kháng Pháp trong nước.²

Năm 1906, Phan Chu Trinh ở Nhật về, gửi một bức thư công khai cho chính phủ Pháp ngày 15-9-1906 yêu cầu phải thành thực cải cách cho Việt Nam. Kế đó các nhà Nho Duy tân ở Bắc Hà: Lương Ngọc Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Phan Tuấn Phong, Lê Đại, Dương Bá Trạc, Đặng Kinh Luân, Phan Huy Thịnh v.v.. thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục tại Hà Nội, ngay từ ngày đầu đã có ngay trên 1.000 học sinh. Tất cả cấp giấy bút, miễn học phí và học kiêm

². Các cụ vận động mua khí giới của Nhật, ngoại giao với Nhật, Tàu, Xiêm để được sự ủng hộ của các nước đó. Riêng cụ Phan Chu Trinh không chấp nhận chủ trương này nhưng vẫn tích cực hoạt động chung.

ba thứ chữ: Việt, Hán, Pháp. Đó là lần đầu tiên môn chữ Việt viết theo lối La mã được giảng dạy tại nhà trường, điểm này sẽ ảnh hưởng rất nhiều tới việc giáo dục dân chúng. Một điểm mới lạ thứ hai nữa trong chương trình Đông Kinh Nghĩa Thục là học trò con gái có thể theo học cùng với con trai được, điểm này làm mầm cho sự cải tiến nữ giới.

Tóm lại một mặt Đông Kinh Nghĩa Thục theo đuổi mục đích canh tân những tập tục sinh hoạt của quốc dân, một mặt khác muốn bí mật đào luyện những phần tử ái quốc và tìm cách cho họ xuất dương hoạt động.

Vì có sự hưởng ứng nhiệt liệt của các giới, nên các nhà chức trách Pháp thấy lo ngại và trường Đông Kinh Nghĩa Thục chưa hoạt động đầy một năm đã bị đóng cửa. Các vị chủ trương đều bị đưa ra tòa và kết án tử hình, song vì có sự can thiệp của hội Nhân Quyền nên chuyển sang án đầy Côn Đảo.

C. Giai đoạn quá độ (1912 – 1920)

Gọi là giai đoạn quá độ vì với giai đoạn này chúng ta chấm dứt một tình trạng xã hội cũ để bước sang một tình trạng mới, với những nhà lãnh đạo mới, nêu lên những tư tưởng mới.

Tới đây người Pháp đã nắm vững được tình thế trong quốc nội cũng như ngoài quốc tế. Người Pháp đã điều đình ký hiệp ước Nhật để chính phủ Nhật trục xuất các nhà ái quốc của ta ra khỏi nước họ, khiến các vị này đành trở về Hương Cảng Thượng Hải. Tại nước nhà, âm mưu khởi nghĩa của Duy Tân tại Huế (1916), của Đội Cấn tại Thái Nguyên (1917) đều bị bại lộ. Tuy phong trào khởi nghĩa trong giai đoạn này ít sôi nổi nhưng ta có thể nhận định những biến chuyển quan hệ sau đây:

1. Trên phương diện kinh tế xã hội

Giai đoạn này (khoảng từ 1912 đến 1920) đã thúc đẩy mạnh mẽ xã hội Việt Nam bước sang một chế độ kinh tế và

một thể thức phân hóa xã hội khác hẳn trước kia. Có điều cần phải nhấn mạnh rằng tại các xã hội Âu Tây những biến chuyển kinh tế xã hội đều do đà tiến nội tại của nó mà phá vỡ những cơ cấu cũ và thiết lập những tương quan mới, trong khi những biến chuyển tại xã hội Việt Nam lại được thúc đẩy do một nguyên nhân bên ngoài tức là sự đột nhập của lực lượng cơ giới tư bản đế quốc Pháp. Tại những miền rừng núi và đồn điền người Pháp cho khai khẩn các hầm mỏ và trồng các cây kỹ nghệ để lấy nguyên liệu chuyển về Pháp. Tại những thành thị, họ thiết lập nhiều cơ sở thương mại, vận tải và nhiều xí nghiệp kỹ nghệ để lợi dụng nhân công giá hạ.³

Sự phát triển của nền thương mại và công kỹ nghệ này khiến xã hội Việt Nam phân hóa thành những tầng lớp như sau:

- Lớp tư sản mại bản (làm trung gian cho tư bản đế quốc).
- Lớp tiểu thương, tiểu công kỹ nghệ (phần lớn lớp này từ thôn quê ra thành thị lập nghiệp).
- Lớp thợ thuyền vô sản (tại những xí nghiệp hầm mỏ)

2. Trên phương diện tư tưởng và chính trị

Lý tưởng trung quân mờ nhạt, lý tưởng dân chủ và dân tộc giải phóng đột nhập mạnh mẽ vào tâm hồn người dân Việt vì những biến cố bên ngoài (cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) do Tôn Dật Tiên lãnh đạo, cuộc cách mạng vô sản (1917) tại Nga). Thêm nữa ngay tại trong nước, Toàn quyền Albert Sarraut hứa hẹn cởi mở chế độ (Thái độ ve vuốt đó để nắm vững dân chúng, mộ thêm binh sĩ sang Pháp cho cuộc chiến tranh 1914-1918, đồng thời mở quốc trái với khẩu hiệu: *Rồng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc*).

Vì lý tưởng trung quân mờ nhạt, vai trò sĩ phu tới đây gần như chấm dứt hẳn, nhường sân khấu chính trị cho lớp

³. Nhất là vào thời kỳ thế giới đại chiến 1914-1918, kỹ nghệ thương mại tại chính quốc bị ngừng trên không thể xâm nhập vào thị trường Đông Dương, bởi vậy các ngành công kỹ nghệ của người Pháp cũng như của người Việt ở nơi đây mới gặp dịp thuận tiện mà phát triển mạnh.

người mới chịu ảnh hưởng văn hóa Tây phương, họ nêu cờ khởi nghĩa với lý tưởng quốc gia dân tộc hoặc tự do dân chủ.

D. Giai đoạn toàn thịnh của quan niệm quốc gia thuần túy (1920-1930)

Gọi vậy vì trong giai đoạn này chỉ có những phong trào quốc gia mới gây nổi những vang dội mạnh mẽ trong quần chúng Việt Nam. Ta có thể kể sự thành lập của những đảng phái chính trị sau đây:

1. Phong trào Lập Hiến

Năm 1923, phong trào Lập Hiến được đề xướng trong Nam do các ông Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, cơ quan ngôn luận là tờ *Tribune Indochinoise*. Lập trường của phong trào công nhận sự hợp tác Pháp-Việt với những sự cải mở cần thiết về chính trị và kinh tế khiến cho nước Việt Nam dần dần có thể theo kịp ngoại quốc.

Phong trào này đã gây được ảnh hưởng khá mạnh vào những năm 1924-1926: trong vụ tranh cử vào Hội đồng thuộc địa năm 1925, toàn thể những ứng cử viên lập hiến đều được trúng cử.

Phong trào cũng có tổ chức những cuộc phát động quần chúng như vào dịp tang cụ Phan Chu Trinh (tháng 3 năm 1926). Nhưng phong trào mất dần tín nhiệm vì sau này chỉ tranh đấu lấy quyền lợi thiết cận cho tầng lớp mà họ tiêu biểu như:

- Đòi tự do gia nhập luật sư đoàn.
- Đòi mở rộng luật lệ về việc gia nhập Pháp tịch (!)
- Đòi tự do kinh doanh (để mở rộng nền công nghệ, thương mại mới phôi thai mà họ là những người nắm giữ).

2. Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội

Năm 1925, một chi bộ Việt Nam của Hội Á Tế Á Nhược Tiểu Dân Tộc được thành lập tại Quảng Châu do Nguyễn Ái

Quốc, Lâm Đức Thu, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong chỉ huy dưới quyền lãnh đạo tối cao của Borodine. Chính tổ chức đó sau này đổi tên là Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Minh Hội, dùng tờ tuần báo Thanh Niên làm cơ quan tuyên truyền bí mật. Cuối 1925 họ phái đảng viên về hoạt động trong nước, bí mật tổ chức tiểu tổ và trà trộn vào các phong trào quốc gia như Tân Việt Cách Mạng Đảng để lũng đoạn nội bộ. Tháng tư 1927, ban chỉ huy của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng phải dời sang Hồng Kông vì Tưởng Giới Thạch tấn công khủng bố các lực lượng Cộng sản tại Hoa Nam và Quảng Châu. Tại cuộc đại hội đầu tiên ở Hồng Kông của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội có sự bất đồng ý kiến giữa các đại biểu, phải dời đến tháng 3 năm 1930 Nguyễn Ái Quốc mới thống được các ý kiến để đổi Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội thành Đông Dương Cộng Sản Đảng⁴. Tháng tư năm sau (1931) đảng này được Đệ tam Quốc Tế thừa nhận. Trụ sở Ban chấp hành trung ương được thiên về Sài Gòn.

3. Tân Việt Cách Mạng Đảng

Cũng năm 1925 một đảng cách mạng có khuynh hướng quốc gia được thành lập tại miền bắc Trung Bộ thoát lấy tên là Phục Việt sau đổi tên là Tân Việt Cách Mạng Đảng, lãnh đạo bởi các sĩ phu đã chuyển sang tân học và đã từng bị đày đi Côn Đảo. (Các cụ Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên...) Đảng Tân Việt không chịu đi với đảng Nguyễn An Ninh trong Nam và cũng không chịu thống nhất lực lượng với Việt

⁴. Cùng vào năm 1930 Xô Viết Nghệ An bị Đệ tam Quốc tế lên án là manh động bỏ rơi. Nguyên do: Sau cuộc thất bại của Quảng Châu công xã năm 1927, Mao Trạch Đông rút về Hồ Nam nghiên cứu lại lý thuyết nông dân. Ông Ngô Đức Trí (con cụ Ngô Đức Kế) người lãnh đạo phong trào Xô Viết Nghệ An trước đây đã từng theo học ở Nga. Khi Đệ tam có sự mâu thuẫn nội bộ giữa Staline và Trolsky thì ông bỏ Nga về Paris. Nhờ có bọn lính thủy ủng hộ dẫu điếm ông về được nước để lãnh đạo Xô Viết Nghệ An đúng lúc Staline chủ trương nhượng bộ đế quốc để hoàn thành cách mạng vô sản ở Nga. Vì vậy Xô Viết Nghệ An bị Đệ tam lên án là manh động và bỏ rơi. Đế quốc được mặc sức khủng bố suốt từ Nghệ An, Hà Tĩnh, qua Bình Trị Thiên, vào đến tận Quy Nhơn. Riêng ở Nghệ An tên chánh mật thám Marty – con rể Albert Sarraut – đã ra lệnh bắn hàng rẫy người xâu tay vào với nhau.

Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. Ảnh hưởng của đảng khá mạnh vào những năm 1925-1926 trong những cuộc bãi khóa của học sinh, những cuộc biểu tình của dân chúng – như vào dịp tang cụ Phan Chu Trinh – để phản đối chính quyền bảo hộ.

4. *Việt Nam Quốc Dân Đảng*

Năm 1927, một nhóm thanh niên ái quốc (Phạm Tuấn Tài, Nhượng Tống) thành lập tại Hà Nội “Nam Đồng Thư Xã”, chủ trương xuất bản những sách nói về cuộc Cách mạng Tân Hợi Trung Hoa, về Tôn Dật Tiên và Tam Dân chủ nghĩa, v.v...

Dần dần, những sách đó gây được ảnh hưởng trong quần chúng nên đã bị nhà cầm quyền tịch thu và đóng cửa thư xã.

Từ đó nhóm Nam Đồng Thư Xã dưới ảnh hưởng của Nguyễn Thái Học đã chuyển thành một tổ chức bí mật và đến tháng 11-1927 Việt Nam Quốc Dân Đảng ra đời dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu. Đảng này được tổ chức theo kiểu Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tôn Dật Tiên, cũng đề xướng Tam dân chủ nghĩa để nhằm mục đích đuổi Pháp và thiết lập được chế độ Cộng hòa dân quốc. Tới đầu năm 1929 Đảng đã kết nạp được hàng ngàn đảng viên (học sinh, binh sĩ, phụ nữ). Tờ nội san bí mật của Đảng lấy tên là *Hồn Cách Mạng*. Chủ trương của Đảng là dùng võ lực và gây một phong trào khủng bố rộng lớn để trừng trị những kẻ có tội với quốc gia dân tộc. Ngược lại Đảng cũng bị sở mật thám Pháp theo dõi và đàn áp mạnh mẽ. Nhiều chỗ chứa bom cùng vũ khí khác của Đảng bị khám phá. Tình hình ngày một căng thẳng, ban chỉ huy của đảng biết trước thất bại cũng đành quyết định khởi nghĩa để “nếu không thành thân thì thành nhân” như lời Nguyễn Thái Học tuyên bố. Đêm 10-2-1930 cuộc khởi nghĩa bùng nổ tại Yên Bái, Lâm Thao và một vài tỉnh khác.

Kết cục khởi nghĩa đã thất bại: Nguyễn Khắc Nhu tuân tiết trại mật trận Lâm Thao, Nguyễn Thái Học lẩn trốn. Sau

cùng Nguyễn Thái Học cũng bị bắt để cùng với 12 đồng chí nữa lên đoạn đầu đài.

5. Đảng Nguyễn An Ninh

Tại Nam Bộ vào năm 1927 Nguyễn An Ninh thành lập đảng của ông tại Hóc Môn nhưng chỉ hoạt động được hơn một năm trời thì bị Pháp khủng bố tan rã. Nguyễn An Ninh bị đày ra Côn Đảo.⁵

6. Việt Nam Toàn Quốc Cách Mạng Đảng

Cùng vào năm 1927 cụ Nguyễn Hải Thần có thành lập tại Quảng Đông một đoàn thể lấy tên là Việt Nam Toàn Quốc Cách Mạng Đảng, kết tập một số phần tử xuất dương tản mát trên đất Trung Hoa nhưng sự hoạt động không thâm hoạch được kết quả gì đáng kể.

Trong khoảng thời gian này (1920-1923), tuy nước nhà đã có đủ màu sắc chính trị (quốc gia, quốc tế) nhưng chỉ những phong trào quốc gia là gây được ảnh hưởng đáng kể nên mệnh danh giai đoạn này là giai đoạn toàn thịnh của phong trào quốc gia tưởng cũng là đích đáng lắm.

E. Giai đoạn tranh chấp giữa khuynh hướng Quốc gia và khuynh hướng Quốc tế vô sản (1930-1945)

Sau đợt bị đế quốc khủng bố đẫm máu 1930, phong trào quốc gia phải tạm ngừng hoạt động. Thời kỳ này lại đương bị kinh tế khủng hoảng, trí thức thất nghiệp, thợ thuyền, nông dân bị xô đẩy vào cảnh đói rét lầm than. Đó là những điều kiện khách quan rất thuận lợi cho phe vô sản hoạt động mạnh mẽ. Năm 1932, có nhiều vụ đình công, biểu tình nông dân nổi

⁵. Nguyễn An Ninh du học tại Pháp, đỗ cử nhân luật về nước cho ra tờ báo *La cloche fêlée – Tiếng Chuông Rè* (1927), rồi lên Tây Ninh giúp cho sự phát triển của đạo Cao Đài. Khi bị đày ra Côn Đảo đã một lần được tha, sau đó ít lâu lại bị bắt. Thực dân đày ông vì ghép ông vào tội liên lạc với Phan Văn Hùm, Đệ tứ. Cũng vì lý do này, tới Côn Đảo, ông bị phe Đệ tam hành hạ đến phát điên mà chết. Mả ông bị phe Đệ tam san phẳng. Mùa xuân 1958 kẻ viết tập sách này có dịp theo một phái đoàn ra thăm Côn Đảo, nhân đó tới viếng mộ ông khi đó được Chính phủ Quốc gia cho sửa sang lại.

loạn tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi... Hàng ngàn người bị bắt hoặc bị đày ra Côn Đảo, nhưng đế quốc càng khủng bố thế lực đảng vô sản càng được bành trướng.

Cùng năm 1932 hàng ngũ vô sản mọc thêm một phái nữa: Đệ tứ quốc tế lãnh tụ là Tạ Thu Thâu. Đầu năm 1933, Đệ tam và Đệ tứ cùng liên kết để chủ trương tờ *La lutte* tại Sài Gòn, trong đó những người như Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm (Đệ tứ), Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai (Đệ tam).

Khoảng 1936-1937 phong trào đấu tranh chống đế quốc bộc phát nhờ những biến chuyển của thời cuộc tại chính quốc Pháp. Nguyên vào thời này, trước hiểm họa chiến tranh có thể gây ra bởi Đức quốc xã, Đảng Cộng sản Pháp hợp tác với đảng Xã hội thành lập Mặt trận Bình Dân nắm chính quyền. (Ông Léon Blum, đại biểu của Đảng Xã Hội Pháp giữ chức Thủ Tướng, ông Marius Moutel, một trong những yếu nhân của đảng Xã Hội Pháp, nắm giữ Bộ thuộc địa). Vì thế mà tại nước nhà phe Đệ tam cũng muốn rập theo chiến lược ấy của Đảng Cộng sản Pháp.

Một cuộc khoáng đại hội nghị ở Quảng Châu (Trung Hoa), rồi ở Thái Hà Ấp (Việt Nam) của những cán bộ xú ủy và Trung ương đảng bộ đã quyết định thành lập một mặt trận chính trị gọi là Mặt Trận Phản Đế Cứu Quốc Giải phóng Đồng Minh Liên Hiệp, rập theo đúng lối tổ chức của Mặt Trận Bình Dân Pháp. Mặt Trận Phản Đế này ra đời vào tháng 5-1936 mà chính cương điều lệ chẳng khác gì Mặt Trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, tức Việt Minh năm 1940.

Nhìn tổng quát nền văn học chữ Quốc ngữ từ khởi thủy cho đến Tự Lực Văn Đoàn

1. Đầu thế kỷ XX, thời kỳ quan trọng trong Văn học sử nước nhà, đó là thời kỳ chuyển từ chữ Nho, chữ Nôm sang chữ Quốc ngữ.

Trước thế kỷ XX, nền tảng văn học Việt Nam là chữ Hán và chữ Nôm là những thứ chữ chỉ có một thiểu số sử dụng, vì vậy sự phổ biến thật là hạn chế:

a) Về hình thức: Phần nhiều chỉ có văn vần, ít văn xuôi.

b) Về nội dung: Trọng văn hóa Trung Hoa, và thường phổ biến tư tưởng Trung Hoa, ít chú ý đến văn minh Việt.

- Không thực dụng, chỉ chú trọng từ chương.

- Văn học là riêng của giới sĩ phu, ít đa động tới quần chúng.

Sự phát minh chữ Quốc ngữ đã có từ giữa thế kỷ XVII (cuốn tự điển đầu tiên về tiếng Việt in tại La Mã năm 1651) nhưng chữ Quốc ngữ qua mấy thế kỷ không làm thay đổi nền tảng văn hóa cũ vì thứ chữ này trong khoảng thời gian đó chỉ thu hẹp trong phạm vi truyền giáo mà thôi. Ngay đến khoảng giữa thế kỷ XIX (hai thế kỷ sau khi các Giáo sĩ đã đặt ra chữ Quốc ngữ), Nguyễn Trường Tộ với trí óc cách mạng bậc nhất thời đó vẫn hầu như chưa nghĩ đến cách sử dụng chữ Quốc ngữ viết bằng mẫu tự La tinh, nên Ông chỉ đề nghị bỏ chữ Nho dùng Quốc văn mà Quốc văn này được viết bằng một thứ chữ Nôm dựa theo chữ Nho.

Phải chờ đến biến cố chính trị lịch sử là sự thành lập chế độ thuộc địa Pháp, chữ Quốc ngữ mẫu tự La tinh mới bắt đầu thông dụng, nền tảng văn học mới ở nước ta mới tạo thành để thích ứng với tình thế. Trong thời này, chữ Pháp và nền học Pháp đoạt dần ưu thế, chữ Quốc ngữ chỉ dạy sơ sài ở Tiểu học và Trung học, đến bậc Đại học thì chữ Quốc ngữ mất hẳn.

Nếu không tìm lối thoát, chắc chắn văn hóa Việt Nam phải chìm vào nô lệ.

Các nhà văn hóa thức thời chỉ còn biết bầu víu vào chữ Quốc ngữ để xây dựng nền văn hóa mới phát huy và cái hay cái đẹp của nền văn minh Việt, phổ biến những tư tưởng

Đông, Tây để thích ứng với đời sống, như vậy vừa chống chọi được với nền văn hóa Pháp, vừa giữ vẹn được bản sắc dân tộc.

II. Sự xây dựng nền tảng văn hóa mới, và triển vọng của nền văn hóa chữ Quốc ngữ

A. Sự xây dựng nền tảng văn hóa mới

Chúng ta tạm chia ra làm ba thời kỳ:

a. Thời kỳ khởi thủy: Đó là thời kỳ chập chững. Tác phẩm không ngoài chuyện vặt, kể ra một cách vụng về, lời văn non kém. Chúng ta thấy có:

- Trương Vĩnh Ký, tác giả của *Chuyện đời xưa, Chuyện khôi hài*, v.v...

- Paulus Của, tác giả *Chuyện giải buồn* và đứng trông nom tờ *Gia Định Báo*, tờ báo đầu tiên của nước Việt Nam.

b. Thời kỳ xây dựng (1900-1930): Trong thời kỳ này sáng tác văn nghệ rất ít, nhưng đã tạo được các thể văn này: văn dịch, văn báo chí (bình luận, nghị luận, tin tức), văn khảo cứu, văn thuật sự, văn tiểu thuyết. Thời kỳ này gồm các nhóm:

- *Đông Dương Tạp chí*

- *Nam Phong*

- Một số tác giả biệt lập như Nguyễn Khắc Hiếu, Trần Tuấn Khải, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Văn Ngọc.

c. Thời kỳ phát triển: Thời kỳ này kể từ 1930 trở đi. Nền văn học mới phát triển mạnh mẽ, mọi văn thể xuất hiện, khuynh hướng rất nhiều: Phóng sự, kịch, tùy bút, truyện ngắn, truyện dài. Các tác giả: Lan Khai, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng và các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn.

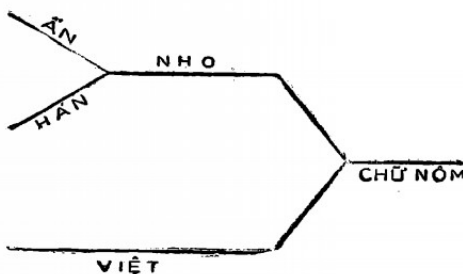
Thời kỳ này phát triển được cũng là nhờ thời kỳ xây dựng trước.

B. Triển vọng của nền văn học chữ Quốc Ngữ

Huyết thống, địa dư, phong thổ, khí hậu, lịch sử mật thiết hòa lẫn chung đúc nên hồn dân tộc biểu lộ bằng tiếng nói rồi ghi lại bằng chữ viết. Như vậy chúng ta thấy rõ ngôn ngữ văn tự có ảnh hưởng rất lớn và có quan hệ mật thiết đến hưng vong của giống nòi. Dân tộc càng văn minh tân tiến, càng phải chú trọng đến ngôn ngữ văn tự của mình. Lời nói cách viết có mạch lạc, mọo mục có rõ ràng mới chứng tỏ trình độ văn hóa cao.

Trước khi phát minh chữ Quốc ngữ, lối chữ nôm của ta xưa có nhiều khuyết điểm, bởi không có quy chế rõ ràng, vả lại muốn biết chữ Nôm phải biết chữ Hán nên chỉ một thiểu số học được. Tuy nhiên chữ Nôm vẫn là cố gắng của tổ tiên chúng ta mong thoát ảnh hưởng Hán để duy trì và xây dựng một nền quốc học độc lập.

Chữ Nôm do chữ Hán ghép thành nên biểu hiện sự tổng hợp cụ thể mật thiết của tinh hoa Việt và Trung Hoa. Nếu ta nhận định rằng chữ Hán từ thế kỷ thứ X trở đi đã thu hút tinh hoa của Ấn Độ (Trong thời này, Đường Tam Tạng đã sang Tây Trúc lấy kinh) thì ta có thể giả định chữ Nôm là một kết tinh của cả Ấn, Hán, Việt:



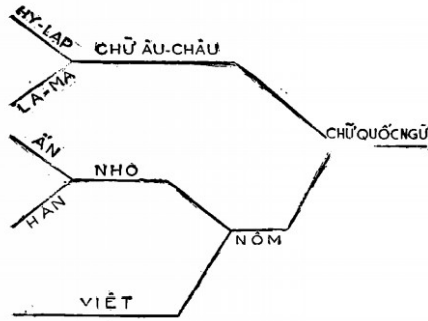
Kể từ thế kỷ thứ XVII mấy vị cố đạo dựa theo chữ La tinh chế ra chữ Quốc ngữ, người Việt đã có một lợi khí văn hóa vô cùng sắc bén. Thoạt tiên chúng ta phải ghi nhận rằng dân tộc nhà được cái may hơn các dân tộc láng giềng là khắp

xứ từ Bắc chí Nam – trừ một vài vùng thổ âm nhỏ và số ít phát âm sai biệt – đều nói một thứ tiếng. Chuyển từ chữ Nôm sang chữ Quốc ngữ chúng ta đã chuyển từ loại chữ biểu ý (*écriture idéographique*, chữ tượng trưng ý niệm) sang loại chữ tiêu âm (*écriture phonétique*, chữ nghe sao ghi vậy) dễ dàng, tiện lợi. Tương lai nền văn học chữ Quốc ngữ thực rực rỡ khó bề lường trước được. Trong số các học giả ngoại quốc nghiên cứu về nguồn gốc tiếng Việt, ông Frey nêu một thuyết cho rằng tiếng Việt là mẹ các thứ tiếng trong hai tác phẩm: *L’Annamite, mère des langues* (1892) và *Annamites et Extrêmes Occidentaux, Recherches sur les origines des langues* (1894). Thuyết của ông Frey tuy táo bạo chưa được chứng minh nhưng ít nhất cũng chứng tỏ khả năng phong phú cổ hữu của tiếng Việt. Gần đây một vị giáo sư Pháp khác, ông Gustave Meillon cho rằng tiếng Việt là một trong những thứ tiếng văn chương nhất, thi vị nhất, giàu âm điệu nhất thế giới.

Để làm giàu tiếng nói thì về văn học, triết học, chúng ta đã mượn ở kho từ ngữ Hán Việt, về khoa học chúng ta có thể trực tiếp mượn những từ ngữ Tây phương.

Chính là linh cảm thấy rõ tầm quan trọng của chữ Quốc ngữ mà Phạm Quỳnh nói: “Chữ ta còn, nước ta còn”. Nguyễn Văn Vĩnh nói: “Nước Nam ta sau này hay hay dở là nhờ ở chữ Quốc ngữ”. Bác sĩ Nguyễn Văn Luyện trong cuốn *Le Vietnam, une cause de paix* (1945) đã rất đại lượng và sáng suốt mà viết: “*Si jamais la France aura a répondre devant le tribunal de l’humanité, elle pourra présenter le Quốc ngữ pour se disculper*” (Nếu một ngày kia nước Pháp phải ra trước tòa án nhân loại, nước Pháp có thể đưa chữ Quốc ngữ ra để gỡ tội cho mình).

Sự quan hệ của chữ Quốc ngữ đối với dân tộc, Quốc gia Việt Nam đã dĩ nhiên là thế, nhưng phân tích sâu sắc hơn chúng ta sẽ nhận thấy: nếu chữ Nôm như trên đã nói, là kết tinh của ba nền văn minh Ấn-Hán-Việt, thì chữ Quốc ngữ chính là biểu tượng hình thức tổng hợp văn minh thế giới:



Ý thức được khả năng vô tận của ngôn ngữ văn tự Việt Nam, chúng ta có quyền tin tưởng vào tiền đồ rực rỡ của nền văn minh dân tộc.

(Hai biểu đồ trên đây, tác giả ghi nhận theo ý kiến của bạn Việt Tử)

III. Đông dương tạp chí

Ra đời từ 1913, tuy không xuất bản liên tiếp được như *Nam Phong* nhưng đã cố gắng ra hàng tuần nên góp được phần lớn vào việc xây dựng văn học. Nguyễn Văn Vĩnh chủ trương, Phan Kế Bính và Nguyễn Đỗ Mục là hai biên tập viên đặc lực.

Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) nhận thấy người mình cần phải tìm lối thoát cho văn hóa bằng cách rút tía các tinh hoa của văn học Âu Châu điều hợp với nền tảng tinh thần cũ, khơi mào những thể văn mới làm lợi khí cho văn học mới. Muốn công cuộc vĩ đại này được thành tựu thì phải có một chữ viết và một tiếng nói đủ khả năng hướng dẫn cuộc tiến hóa. Chữ Việt đã sẵn có nhưng còn ở thời kỳ phôi thai, ít ai tin ở sứ mệnh của nó. Kế đặc sách nhất ông dùng là cho dịch và in những bộ tiểu thuyết thật hấp dẫn để ai cũng phải tìm đọc, cũng phải bàn tán, hoặc chưa biết chữ thì học để mà đọc: *Chuyện Trê Cóc, Thơ Ngụ Ngôn, Miếng Da Lừa, Những Kẻ Khốn Nạn. Ba Người Lính Ngụ Lâm Phảo Thủ ...* Qua thời đầu với ít khuyết điểm về văn dịch, sau đó ông đạt được một giọng văn hay, giản dị, tự nhiên, phong phú, vững vàng.

Trước đây khi in bộ *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*, ông đã viết một bài tựa trong đó có câu “Nước ta mai sau hay hay dở cũng là nhờ ở chữ Quốc ngữ”. Câu nói bất hủ này đã là một lời tiên tri về cuộc xoay chuyển của văn hóa dân tộc sau này.

Quả nhiên sau đó chữ Quốc ngữ đã là một lợi khí sắc bén trong việc phát triển văn hóa mới và tranh đấu cho nền độc lập của xứ sở.

Trong khi Nguyễn Văn Vĩnh theo Tây học và dịch những văn phẩm Tây phương sang tiếng Việt Nam thì hai văn hữu của ông: Phan Kế Bính và Nguyễn Đổ Mục là hai nhà thơ, dịch những tác phẩm Hán văn. Văn dịch của hai ông cũng rõ ràng, chân xác mà vẫn hoàn toàn Việt Nam. Bản dịch nổi tiếng của Phan Kế Bính là *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*, của Nguyễn Đổ Mục là *Đông Chu Liệt Quốc*.

Chúng ta có thể nói nhóm *Đông Dương Tạp Chí* dịch sách mà nên sự nghiệp, nguyên do cũng vì đã dịch để phổ thông chữ Quốc ngữ và xây dựng tiếng Việt, làm cho tiếng Việt “nên Câu, nên Đoạn, nên một Văn pháp” (lời ông Vĩnh). Trong các sách dịch nhóm đó lại khéo chọn những sách hấp dẫn, vừa phổ biến những tư tưởng tiến hóa, vừa đề cao nền học thuật cũ, để lấy làm căn bản nhóm *Đông Dương Tạp Chí* với ba ông Vĩnh, Bính, Mục đã dịch để xây dựng văn học vậy.

IV. Nam Phong

Nam Phong do Phạm Quỳnh chủ trương cùng với sự cộng tác của Nguyễn Bá Học, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Hữu Tiến. Xuất bản từ tháng 7-1917 đến cuối năm 1934 mới đình bản, tất cả được 210 số. Suốt 17 năm trường, Phạm Quỳnh tận tụy làm việc hô hào, cổ võ nền Quốc văn. Ta bảo tồn được Quốc hồn, Quốc túy, đồng thời thái độ được tinh hoa học thuật Đông Tây, nền văn hóa ta trưởng thành và tiến bộ phần lớn là công của ông Phạm Quỳnh. Nhưng chúng ta cũng không quên phần bất lợi: *Nam Phong* ở một khía cạnh khác, là lợi khí chính trị của Thực dân.

- Giữa lúc mọi tư tưởng, khuynh hướng, tổ chức cách mạng bị đàn áp gắt gao thì *Nam Phong* ra đời.

- Thuyết Pháp-Việt đề huề, thuyết Trung Dung (tiên bộ cầm chừng) đã làm hao mòn chí tranh đấu quyết liệt của những phần tử ái quốc.

- *Nam Phong* làm bội nhược chí tiến thủ cường tráng của thanh niên bằng những tiểu thuyết ngôn tình nhu cảm như: *Hoa Đào Trước Gió*, *Chiếc Bóng Song The*, *Thuyền Tình Bể Ai*, *Vân Lan Nhật Ký*, *Song Hồ Ba Bể*, *Tổ Tâm*, *Tuyết Hồng Lệ Sử*.

Nhưng nhược điểm đó chẳng qua như vết hoen của thời đại, hào khí quật cường truyền thống của dân tộc không vì *Nam Phong* mà tiêu tan và vai trò tiên phong của *Nam Phong* trong công cuộc xây dựng nền văn học mới vẫn được hậu thế ghi nhớ.

V. So sánh văn nghiệp của Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh

Giữa một thời khủng hoảng, học thuật cũ bị chà đạp, nền học thuật mới chưa có gì, các nhà văn và trí thức lúc ấy, trong đó có ông Vĩnh và ông Quỳnh đều đồng ý dùng chữ Quốc ngữ làm lợi khí xây dựng văn học mới. Muốn vậy phải làm cho Quốc ngữ được phổ thông và tiếng Việt trở nên phong phú, dễ hiểu.

Để đạt mục đích đó, ông Vĩnh đã dịch những bộ tiểu thuyết hấp dẫn nhất của Âu Tây như “*Truyện Ba Người Lính Ngự Lâm Pháo Thủ*”, “*Qui-Li-Ve Du Ký*”, “*Những Kẻ Khốn Nạn*” cùng những hài kịch của Molière...

Trái lại, ông Quỳnh đã dịch hoặc đã trứ tác những tác phẩm khó phổ biến nặng nề tư tưởng học thuật.

Nói rằng ông Quỳnh kém thực tế cũng không đúng hẳn. Phải chăng ông Quỳnh đi sau ông Vĩnh nên thấy rằng không cần làm một việc mà ông Vĩnh đã làm; ông Quỳnh theo một mục đích xa hơn trong việc xây dựng tiếng Việt, ông đã chuộng

những vấn đề thật cao như: *Văn Minh Luận, Học Thuyết Rousseau, Voltaire, Montesquieu, Phật Giáo Lược Khảo...*

Ông Quỳnh, tuy có dịch kịch nhưng không dịch hài kịch phổ thông, vui, hấp dẫn như ông Vĩnh mà dịch bi kịch dễ gây buồn nản (*Le Cid, Horace...*)

Khách quan mà xét, công trình của hai ông Quỳnh, Vĩnh cùng đáng tán thưởng như nhau. Phải có ông Vĩnh chuẩn bị trước cho tiếng nói rõ ràng, phong phú, có phép tắc. Và rồi phải có ông Quỳnh ra công tìm tòi để cho tiếng Việt, đủ chữ diễn tả mọi vấn đề học thuật. Hai ông không những chung một mục đích mà còn bổ túc lẫn cho nhau trong công cuộc xây dựng nền tảng văn học mới nước nhà.

Sau này chuyển sang thời kỳ phát triển, các nhà văn tiền chiến (1930-1945) đã thúc đẩy được nền văn học nước nhà tới mức khá phồn thịnh, chính cũng là nhờ thời kỳ xây dựng trước của hai ông Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh.

Một số văn hữu đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn

Tự Lực Văn Đoàn dù đặc sắc đến mấy cũng chỉ là thành phần của một trào lưu văn học nói chung trong một thời. Bởi vậy ở đây thiết tưởng chúng ta nên có một cái nhìn tổng quát để bao gồm những hoạt động văn nghệ đương thời. Chúng ta lần lượt xét:

- Một nhóm đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn
- Một vài nhà văn điển hình đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn
- Một vài nhà thơ điển hình đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn

Mấy nhóm đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn

Nhóm Hàn Thuyên

Giữa ngày Nhật đặt chân lên mảnh đất Đông Dương để chia quyền lợi với Pháp, một số trí thức Đệ tứ đứng ra thành lập nhóm Hàn Thuyên.

Khác hẳn với Tự Lực Văn Đoàn nhóm này mở đầu bằng một loại biên khảo như Nguyễn Đức Quỳnh, với *Lịch Sử Thế Giới, Gốc Tích Loài Người*; Nguyễn Bách Khoa với *Nhân Loại Tiến Hóa Sử, Văn Chương Truyện Kiều*; Nguyễn Hải Âu với *Kinh Tế Học Nhập Môn...*, dịch thuật có Đặng Thái Mai, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Đình Lạp, Chủ Thiên, Trương Tửu viết tiểu thuyết, Vi Huyền Đắc viết kịch; họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung trình bày bìa.

Về phần biên khảo nhóm này muốn đi sâu vào mọi mặt lịch sử chính trị, học thuyết kinh tế theo quan điểm Mác-xít.

Về loại sáng tác, Nguyễn Tuân có thái độ (qua giọng văn và qua các nhân vật của ông) đài điểm, quý phái, rất cổ kính, ưa khinh bạc, phóng túng.

Chu Thiên (tên thật là Hoàng Minh Giám) tả lại một thời dĩ vãng của trường ốc thời xưa, trong cuốn *Bút Nghiên*. Nguyễn Đức Quỳnh viết *Thằng Cu So, Thằng Phượng, Thằng Kinh* tiểu thuyết giáo dục hướng thượng, phân tích cuộc đời một thằng bé nhà quê từ lọt lòng cho đến khi học tới lớp nhì A cần phải tranh đấu với bản thân và trường đời nhỏ bé ra sao?

Nhóm Xuân Thu nhã tập

Xuân Thu nhã tập là một nhóm văn nghệ gồm có Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh, Phạm Văn Hạnh, (nòng cốt) và những nhà thơ cộng tác hưởng ứng như Nguyễn Lương Ngọc, Đinh Gia Trinh, Diệu Anh...

Những vở kịch hoặc dài hoặc ngắn của Đoàn Phú Tứ lời văn bay bướm tài hoa được sự hưởng ứng nồng nàn của tuổi trẻ.

Thơ của Nguyễn Xuân Sanh rất chau chuốt về kỹ thuật nhiều hình ảnh nhưng bí hiểm. Thơ Nguyễn Xuân Sanh mà không có lời giải thích của Đinh Gia Trinh bên cạnh thì thực khó có ai hiểu nổi những điều nhà thơ muốn nói.

Thí dụ hai câu dưới đây trích trong bài *Buồn Xưa*.

Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi

Hồn xanh ngát chở dẫu xiêm y

có nghĩa là: Buổi chiều trong hoa quỳnh, vắng nghe nhạc, ngửi thấy hương trầm, trông thấy mi kỹ nữ của cả một thời xưa. Hồn ta say sưa vì đẹp dĩ vãng (hồn màu xanh tươi, ngát hương) chở mang dẫu xiêm y của các mỹ nhân thời xưa múa khúc nghệ thường.

Một vài nhà văn điển hình đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn

Các nhà tiểu thuyết

Lan Khai (1906-1946)

Chúng ta có thể nói Lan Khai là nhà văn đã khai thác truyện đường rừng trước tiên (*Tiếng Gọi Trong Rừng Thẳm, Suối Đàn...*). Về tiểu thuyết dã sử, nhiều nhà phê bình văn học đồng ý là *Ai Lên Phó Cát* là cuốn truyện dã sử giá trị nhất của Lan Khai. Ông có viết truyện xã hội nói về cảnh khổ sở của người dân Việt qua cuốn *Lâm Than*. Ông lại còn viết truyện phong tục đồng quê *Cô Dung*. Nhưng điem trội ở Lan Khai vẫn là truyện đường rừng rồi đến truyện dã sử.

Nguyễn Triệu Luật (1903-1946)

Chuyên viết truyện dã sử và thường dùng tài liệu sử trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí (Ngô Tất Tố dịch). Tác phẩm: *Bà Chúa Chè* (1938), *Loạn Kiêu Binh* (1939), *Chúa Trịnh Khải* (1940), *Hòm Đụng Người*, *Rắn Báo Oán* (1941).

Phan Trần Chúc (1907-1946)

Ông vừa viết tiểu thuyết dã sử vừa viết biên khảo.

Tiểu thuyết dã sử: *Lê Hoan* (1939), *Sau Lũy Trường Dục* (1942), *Hồi Chuông Thiên Mục...* Những cuốn biên khảo: *Vua Hàm Nghi* (1935), *Vua Quang Trung* (1940), *Danh Nhân Việt Nam Qua Các Triều Đại* (1942), *Văn Chương Quốc Âm Về Thế Kỷ 19* (1944).

Vũ Trọng Phụng (1912-1939)

Ông viết phóng sự, tiểu thuyết ngắn và dài. Những tác phẩm của ông như *Cạm Bẫy Người*, *Kỹ Nghệ Láy Tây*, *Cơm Thầy Cơm Cô*, *Lục Sĩ*, *Giông Tố*, *Dứt Tình*, *Láy Nhau Vì Tình*, *Vỡ Đê*, *Làm Đĩ*, *Không Một Tiếng Vang*, *Trúng Số Độc Đắc*, *Số Đỏ*... đều do nhà Mai Lĩnh và Tân Dân xuất bản. Nhưng mọi người đều đồng ý rằng sự nghiệp của nhà văn tiền chiến này căn cứ vào hai tác phẩm xuất sắc nhất của ông: *Giông Tố* và *Số Đỏ*.

Ngô Tất Tố (1894-1954)

Ông là một nhà Nho. Ông viết hai loại chính: biên khảo văn học và sáng tác.

Loại biên khảo có *Thi Văn Bình Chú*, *Lão Tử*, *Mặc Tử*...

Loại sáng tác có *Việc Làng*, *Tắt Đèn*, nhưng đáng kể là cuốn *Lều Chông* vẽ lại cả một thời đại vàng son của một thế hệ Nho sĩ đã qua đi.

Nguyễn Công Hoan (1903-1977)

Ông viết những truyện trào phúng hoặc những truyện tố cáo nếp sống khắt khe của xã hội phong kiến. Tác phẩm: *Thanh Đạm (1933)*, *Lá Ngọc Cành Vàng (1934)*, *Cô Giáo Minh (1936)*, *Tắt Lửa Lòng (1936)*, *Tám Lòng Vàng (1937)*, *Tơ Vương (1938)*, *Bước Đường Cùng (1938)*, *Tay Trắng Trắng Tay (1940)*, *Trên Đường Sự Nghiệp (1941)*, *Tranh Tôi Tranh Sáng (1946)*, *Ép Duyên (1948)*.

Một vài nhà văn về biên khảo, phê bình, dịch thuật

Phan Văn Hùm (1902-1946)

Sinh năm 1902 ở Búng, Lái Thiêu (Nam Phần), ông đứng trong lập trường Đệ tứ với Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch nên bị Cộng sản thủ tiêu vào năm 1946. Ông đã từng ra Hà Nội theo học ngành Công chánh, khi tốt nghiệp trở về

Nam bộ làm vườn, không ra làm việc với Pháp. Năm 1929, vì ông là bạn của Nguyễn An Ninh, nên bị thực dân lấy cớ vụ lộn xộn ở Cầu Bến Lức bắt giam ông vào Khám Lớn Saigon. Năm 1933 ông qua Paris du học, đậu cử nhân triết học (tốt nghiệp ở Sorbonne). Về nước ông xuất bản tờ *La Lutte* và *Đồng Nai*. Năm 1937 ra ứng cử nhân viên Hội đồng quản hạt (Conseiller Colonial). Năm 1939 lại bị vào tù vì một bài trên báo *La Lutte*. Năm 1942 ra tù, ông bị đưa đi quản thúc ở Tân Uyên (Biên Hòa).

Trong tác phẩm “*Ngôi Tù Khám Lớn*” (Bảo tồn – 1929), ông tả những cảnh náo nê trong khám và lên án thực dân bằng một giọng văn căm hờn. Ông cho rằng đúng như lời Nguyễn An Ninh, vào tù trái tim sẽ nát như tương hay sẽ cứng như đồng: *En prison le coeur se brise ou se bronze*.

Những tác phẩm biên khảo của ông: *Biện Chứng Pháp, Phật Giáo Triết Học (Tân Việt 1941), Vương Dương Minh (Tân Việt 1941), Nỗi Lòng Đồ Chiểu*

Ông quả là một nhà biên khảo văn học giá trị, một học giả uyên thâm rất có công với nền văn học của chúng ta.

Hoàng Xuân Hãn (1908-1996)

Ông du học ở Pháp, đậu thạc sĩ Khoa học. Năm 1945 ông có tham gia Chánh phủ Trần Trọng Kim làm Tổng trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Tác phẩm đã xuất bản: *La Sơn Phụ Tử, Lý Thường Kiệt, Danh Tì Khoa Học (Tự Điển)*.

Các sách biên khảo và chú giải có tính cách giáo khoa như: *Hà Thành Thất Thủ, Thi Văn Việt Nam Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo ...*

Vũ Ngọc Phan

Ông là một nhà văn biên khảo và phê bình có giá trị. So với các nhà phê bình đồng thời như Thiệu Sơn, Trương Chính, Hoài Thanh... ông làm việc có hệ thống hơn cả.

Tác phẩm dịch của ông là *An Na Kha lệ Ninh, Tiêu Nhiên Mỹ Cơ*.

Năm 1942 ông viết bộ phê bình văn học *Nhà Văn Hiện Đại* gồm bốn tập. Ở đây ông không theo lối phê bình đại cương cũ, mà dùng phương pháp phân tách tỉ mỉ từng tác giả.

Hoài Thanh – Hoài Chân

Hai ông là tác giả cuốn *Thi Nhân Việt Nam*. Tác phẩm này có tính cách một cuốn thi tuyển kèm theo những lời giới thiệu khuynh hướng thi ca của từng thi nhân.

Nhượng Tống

Tên thật là Hoàng Phạm Trân. Có chân trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ông viết báo, rồi viết văn dịch sách. Năm 1950 ông bị ám sát ở Hà Nội vì lý do chính trị.

Tác phẩm đã xuất bản: *Lan Và HỮu* (1940), *Sử Ký Tư Mã Thiên* (1944) (dịch trích diễm). *Tây Swong Ký* (biên chú), *Ngự Điều Ván Đập* (dịch với Phạm Văn Hùm) nguyên tác của Đồ Chiểu; *Đại Việt Sử Ký* (dịch của Ngô Sĩ Liêm), *Ly Tao* (dịch thơ Khuất Nguyên), *Nguyễn Thái Học*...

Một vài nhà thơ điển hình đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn

Vũ Hoàng Chương

Tác phẩm: *Thơ Say* (1940), *Mây* (1943), *Trương Chi, Hồng Diệp* (1944), *Rừng Phong* (1954).

Bài dưới đây trích trong tập thơ “Mây”

Đời tàn ngõ hẹp

Gối vải mộng phong hầu,

Vàng son mở gác xếp

Bình tình mưa còn mau

Chiều tàn trong ngõ hẹp
Mưa lùa gian gác xếp
Ngày trắng theo nhau qua
Lá rơi đầy ngõ hẹp
Đời hiu hiu xé tà
Ôi ta đã làm chi đời ta
Ai đã làm chi lòng ta
Cho đời tàn tạ lòng băng giá
Sương mong manh quạnh chớm thu già
Mãi mê theo sự nghiệp
Quá trón lỗ giàu sang
Mưa rơi chiều ngõ hẹp
Lá vàng bay ngổn ngang
Dù vương nhau mười chiếc lá khô vàng
Xuân đời chưa hưởng kịp
Mây mùa thu đã sang
Giác hồ nghe phát phối
Cờ biển nhịp mơ màng
Đường hoa son phấn đợi
Áo gấm về xênh xang
Chập chờn kim ốc giai nhân
Gió lạnh đưa vèo
Khoa danh trên gôi rụng tàn theo
Nao nao đàn sáo phai dần

*Hạnh phúc tàn theo
Nửa gói thê nhi lá rụng vèo
Song hồ lơ lửng khép
Giường chiếu ảm hơi mưa
Chiêm bao giờ thoáng hương thừa
Tan rồi mộng đẹp
Ôi thời xưa
Ta đã làm chi đời ta xưa
Ta đã dùng chi đời ta chưa
Thiên thu ngờ sự nghiệp
Chiều mưa rồi đêm mưa
Gió lùa gian gác xếp
Đời tàn trong ngõ hẹp.*

Lưu Trọng Lư

Sinh năm 1919 tại làng Cô Lao hạ, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình (Trung Phần). Ông có viết tiểu thuyết (*Cô Nguyệt, Huyền Không Động, Chiếc Cánh Xanh*) nhưng địa vị của ông là ở thi ca, ông là một thi nhân có những vần thơ sâu nề nhẹ, với những hình ảnh vô cùng gợi cảm của thiên nhiên vạn vật. Tập thơ *Tiếng Thu* của ông xuất bản vào năm 1939.

Đọc bài thơ lục bát sau đây chúng ta phải đồng ý với Hoài Thanh – Hoài Chân mà thấy bóng người con gái quay tơ như ẩn sau màn mây mờ, biết có nàng nhưng không thấy nàng, và cũng đừng tìm nàng làm chi, cứ để mặc cho lòng trôi theo âm hưởng đặc biệt của bài thơ ngân nga dằng dặc buồn và đều như tiếng guồng xa. Sau khi đọc xong bài thơ ta thấy bát ngát một trời đất ta không hiểu, thi nhân cũng không hiểu.

Thơ Sầu Rụng

*Vầng trăng từ độ lên ngôi,
Năm năm bến cũ em ngôi quay tơ.
Để tóc vương vãn thơ sầu rụng,
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo.
Năm năm tiếng lục se đều ...
Những ngày lạnh rớt gió vèo trong cây.
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay,
Mùi hương hàng xóm bay đầy mái đông.
Nghiêng nghiêng mái tóc hương nồng,
Thời gian lặng rớt một giòng buồn tênh.*

Và đây là những vần âm thanh dịu hiền và băng khuâng của mùa thu:

Tiếng Thu

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thỏ thức
Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ.
Em không nghe rìng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp lên lá vàng khô.*

Hàn Mặc Tử

Tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22-9-1912 ở Đồng Hới. Cuộc sống của ông qua nhiều nghề: thư ký, nhà

buôn, làm báo... vô cùng nghèo khổ. Năm 1936, sau khi du lịch Huế, Nha Trang... ông mắc bệnh hủi, rồi mất ở Quy Nhơn ngày 2-9-1940.

Trước khi mắc bệnh hủi, thơ ông có dáng hấp hiện dụ (Gái Quê 1936).

Chúng ta hãy đọc bài *Tình Quê* dưới đây trích trong tập trên:

*Trước sân anh thơ thẩn,
Đăm đăm trông nhận về,
Mây chiều còn phiêu bạt,
Lang thang trên đôi quê.
Gió chiều quên dừng lại,
Dòng nước luôn trôi đi,
Ngàn lau không tiếng nói,
Lòng anh dường đê mê.
Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi tới trăng thề.
Dù ai không ngóng đợi,
Dù ai không lắng nghe,
Tiếng buồn trong sương đục,
Tiếng hờn sau lũy tre.
Dù ai bên bờ liễu,
Dù ai dưới cành lên,
Vội ngày xanh hờ hững,
Cố quên tình phu thê,*

Trong khi nhìn mây nước.

Lòng xuân cũng não nề.

Nhưng từ sau ngày mắc chứng nan y, thơ ông đau khổ não nuột, hơi thơ mạnh bạo và có một bản sắc rõ ràng. Về loại thơ này dưới đây tóm tắt lời phê bình của hai ông Hoài Thanh – Hoài Chân trong *Thi Nhân Việt Nam*.

Trong “*Thơ Điên*” của Hàn Mặc Tử, vườn thơ của người rung rinh không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh.

Có những câu gần với ta:

Ngã nghiêng đôi cao bọc trắng ngủ,

Đầy mình lóm đóm những hào quang.

Lại có những cảm giác với ta rất thường, với Hàn Mặc Tử lại rất ghê sợ:

Mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng,

Trôi thây về xa tận cõi vô biên.

Tập *Xuân Như Ý* là một ngôi đền thờ Chúa của Hàn Mặc Tử. Ở đây phảng phất không khí Athalie (vở kịch của Racine) ngộp vẻ huy hoàng, trang trọng, uy linh, huyền ảo. Với Hàn Mặc Tử thơ có một quan hệ phi thường. Thơ chẳng những đề ca tụng Thượng đế và cũng đề nói người ta với Thượng đế:

Đường thơ bay sáng láng như sao sa,

Trên lục trắng mười hai hàng chữ ngọc.

Cho nên mỗi lần thi sĩ há miệng cho thơ trào ra là chín tầng mây náo động, muôn vì tinh tú xôn xao.

Tập thơ *Cảm Châu Duyên* ghi sự gặp gỡ của thi nhân với một người con gái có cái tên khả ái là nàng Thương Thương. Có lẽ nàng yêu thơ Hàn Mặc Tử và Hàn Mặc Tử cũng không biết gì hơn về nàng, nhưng như thế cũng đủ để thi nhân đưa

nàng vào tháp thơ. Thi nhân có khi mơ thấy mình như Tư Mã Tương Như đương nghe lời Trác Văn Quân năn nỉ:

*Đã mê rồi! Tư Mã chàng ôi,
Người thiếp lao đao sượng cả người.
Ôi! Ôi! Hãm bớt cung cầm lại,
Lòng say đôi má cũng say thôi...*

Song những phút mơ khoái lạc ấy có được là bao? Tỉnh dậy người thấy:

*Sao trù mền thân yêu đâu vắng cả?
Trơ vợ buồn và không biết kêu ai!
Bức thơ kia sao chẳng viết cho dài,
Cho khăng khít nồng nàn thêm chút nữa.*

Mối tình với nàng Thương Thương còn khiến Hàn Mặc Tử viết ra hai vở kịch thơ: *Duyên Kỳ Ngộ* và *Cảm Châu Duyên*. Ở *Duyên Kỳ Ngộ*, thi nhân diễn tả đến một chốn nước non thanh lịch chưa từng in dấu chân người.

Với lời hai ông Hoài Thanh – Hoài Chân kết luận về Hàn Mặc Tử:

Người đã sống trong túp lều tranh, phải lấy bì thơ và giấy nhật trình che mái nhà cho đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến không sao nuốt được vì khổ quá. Đã trong cảnh cơ hàn lại thêm chứng bệnh kinh khủng. Một người đau khổ nhường ấy, lúc sống là hững hờ bỏ quên, lúc mất rồi thì xúm lại kẻ khen người chê. Chê hay khen đều có cái gì như bắt nạt.

Nguyễn Bính

Sinh năm 1919 ở Nam Định.

Thi phẩm đã xuất bản: *Lỡ bước sang ngang*, *Mây Tần*, *Mười Hai Bến Nước*, *Tâm Hồn Tôi*, *Hương Cổ Nhân*. Thơ

Nguyễn Bính rất gần ca dao, với những bài tình tứ nhẹ nhàng man mác, diễn đạt dưới thể lục bát. Chúng ta hãy đọc bài *Lãng Lơ* dưới đây:

*Láng giềng đã đổ đèn đầu,
Chờ em ăn giập miếng giàu em sang.
Đôi ta cùng ở một làng,
Cùng đi một ngõ vội vàng chi anh?
Em nghe họ nói mong manh,
Hình như họ biết chúng mình với nhau.*

*Ai làm cả gió đất cau,
Mấy hôm sương muối cho giàu đồ non.*

Đoàn Văn Cừ

Xin tóm tắt lời của Hoài Thanh – Hoài Chân nói về ông:

Trong các nhà thơ đồng quê, không ai có ngòi bút dồi dào mà rục rờ như Đoàn Văn Cừ. Đoàn Văn Cừ biết nhận xét tinh vi lại có hồn thơ phong phú. Màu nét nào cũng ngộ nghĩnh vui vui. Thịnh thoảng giữa những câu tả chân chặt chẽ, chen vào một câu bất ngờ vụt ngời lên như một vùng sáng giữa bức tranh:

*Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.*

Và bao giờ cuối mỗi bài cũng có một vài câu khêu gợi. Cuối bài *Chợ Tết*:

*Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
Lá đa rụng rơi bên quán trọ.*

Cuối bài *Đám Cưới Mùa Xuân*:

*Chỉ còn nghe vắng vắng tiếng chim xuân,
Ca ánh ỏi trên cảnh xuân tẩm nắng.*

Những câu ấy khép vào một thế giới và mở ra một thế giới. Khép một thế giới thực, mở một thế giới mộng. Cảnh trước mắt vừa tan thì tình trong lòng cũng vừa nhóm.

Nguyễn Nhược Pháp

Sinh năm 1914 tại Hà Nội, mất năm 1938.

Tác phẩm đã xuất bản: *Ngày xưa (1935)*. Trong thi phẩm này ông đã làm sống lại cả thời xưa. Dĩ vãng trong thơ ông không nặng nề như Sử học, không tráng lệ mơ màng như ở Phạm Huy Thông, đây là một thời xưa gồm những màu sắc tươi vui, ngộ nghĩnh.

Trong *Sơn Tinh và Thủy Tinh*, đây cảnh Thủy Tinh cười ròn vàng đến xin cưới:

*Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đôi năm mươi hòn ngọc trai.
Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
Trước thành tấp tểnh đi hàng hai.
Thủy Tinh bị hụt bèn ra lệnh cho đồ đệ:
Cá voi quác mồm to muốn đớp,
Cá mập quắp đuôi cuồng nhe răng.
Càng cua lỏm chồm giò như mác,
Tôm càng chạy quắp đuôi xôn xao.*

Nụ cười của Nguyễn Nhược Pháp thật hiền lành, thanh tao. Những người, những cảnh khiến thi nhân cười và cũng khiến thi nhân mến. Thi nhân mến cô bé đi chùa Hương và

san sẻ mọi ước mơ sung sướng, hay băng khuâng của cô.

Người thông cảm nỗi niềm ly biệt với My Nương khi nàng từ biệt cha già, từ biệt kinh đô ra đi theo chồng:

Lầu son nàng ngoạn trông lần nữa,

Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.

Một điều nhận xét nữa của hai ông Hoài Thanh – Hoài Chân: Những câu thật tinh tứ, ghép bên những câu thật buồn cười mà không chút bỡ ngỡ. Cái duyên của Nguyễn Nhược Pháp là ở chỗ đó.

Vũ Đình Liên

Sinh năm 1913 tại Hà Nội, Thi cảm chính: Tình thương người và lòng hoài cổ. Hai nguồn cảm hứng này gặp nhau trong bài thơ kiệt tác *Ông Đồ* dưới đây:

Ông Đồ

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua.

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu?

*Giấy đỏ không buồn thắm
Mực đọng trong nghiên sâu.*

*Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ*

Phạm Huy Thông

Sinh năm 1918 ở Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản: *Yêu Đường (1933, Anh Nga (1934), Tiếng Địch Sông Ô (1935), Tần Ngọc (1937)...*

Ngay cả khi tả những tình cảm buồn mơ, thơ ông vẫn huy hoàng tráng lệ:

*Ta sẽ đưa binh Nam đi vùng vẫy
Khắp bốn phương trời đất mịt mù mừng tằm
Buồn mệnh mông chuyển động tiếng loa gầm
Tiếng gươm ca, tiếng trống hồi ngựa hí.*

(Giác Mộng Lê Đại Hành)

*Hương muôn hoa như êm đêm quyến luyến,
Vùng cây khuya nghinh gió dưới trăng ngà.
Nhưng đêm biếc rồi tàn giăng xuân biển,
Và vùng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa.
(Anh Nga)*

Chế Lan Viên

Tên thật là Nguyễn Ngọc Hoán, sinh năm 1920 ở Quy Nhơn.

Thi phẩm đã xuất bản: *Điều Tàn (1937)*. Trong thi phẩm này Chế Lan Viên đã nói lên nỗi đau khổ uất hận của giống Chàm bị tiêu diệt. Ông dựng lên cả một thế giới đầy sọ dừa, xương máu và yêu ma.

Chỗ này một yêu tinh nghe tiếng cầm canh, chột nhớ nơi trần thế:

*Rồi lấy ra một khớp xương rợn trắng
Nút bao dòng huyết đẫm khi tanh hôi
Tìm những “miếng trần gian” trong tủ cạn
Rồi say sưa, vang tiếng reo cười.*

Nơi kia ông dựng lại cảnh chiến địa rợn rùng, xương trắng máu đào:

*Đây chiến địa nơi đôi bên giao trận
Muôn cô hồn tử sĩ hét âm vang
Máu Chàm cuộn thàng ngày niền oán hận
Xương Chàm luôn rào rạt nổi căm hờn.*

Cũng cần ghi chú thêm rằng sử dĩ chúng ta xét đến một số văn hữu đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn để có một cái nhìn tổng quát về văn học thời đó và cũng chỉ ở thời đó thôi (thời tiền chiến), còn từ sau kháng chiến hướng sáng tác của một số nhà văn, nhà thơ (Nguyễn Công Hoan, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Vũ Đình Liên, Phạm Huy Thông ...) bỏ con đường dân tộc sang con đường duy vật, ca ngợi căm thù giai cấp thì đó là bước ngoặt của riêng họ, họ sẽ chịu sự phê phán của các nhà viết văn học sử sau này mà ở đây chúng ta không bàn đến.

Sau khi đã lần lượt xét những nhóm với một số nhà văn, nhà thơ điển hình đồng thời với Tự Lực Văn Đoàn, giờ đây chúng ta bắt đầu riêng xét đến Tự Lực Văn Đoàn.

Tổng quát về Tự Lực Văn Đoàn

I. Bối cảnh lịch sử

A. Chính trị

Trên đây chúng ta đã xét tổng quát hoàn cảnh lịch sử của dân tộc nhà suốt khoảng đầu thế kỷ thứ XX. Nay chỉ cần nhắc lại mấy việc chính xác với thời Tự Lực Văn Đoàn.

Từ năm 1926 trở đi Việt Nam Quốc Dân Đảng bành trướng mạnh. Thực dân khủng bố ráo riết. Ngày 10-2-1930 vì tiến thoái lưỡng nan, Việt Nam Quốc Dân Đảng khởi nghĩa một cách miên cưỡng “Không thành thân thì thanh nhân!” (Lời tuyên bố trước khi quyết định khởi nghĩa của lãnh tụ Nguyễn Thái Học). Ngày 17-6-1930 Nguyễn Thái Học cùng với mười hai đồng chí lên đoạn đầu đài tại Yên Bái.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1930-1935 làm phá sản tiêu thương. Đồng thời sự giảm bớt công chức đã được nêu lên thành vấn đề với danh từ “trí thức thất nghiệp”.

B. Văn hóa

Trên đây chúng ta đã nói đến công của hai ông Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh trong công cuộc xây dựng nền văn học chữ Quốc ngữ của nước nhà; song một mặt khác ta cũng không nên quên hai tờ Đông Dương Tạp chí và Nam Phong Tạp chí do thực dân đỡ đầu với thâm ý dùng văn hóa để chống lại văn hóa (chống lại ảnh hưởng rất mực quan trọng của Đông Kinh Nghĩa Thục). Ngay số đầu Đông Dương Tạp chí có bài xã luận mạt sát những bậc lão thành cách mạng nặng lòng dân tộc như cụ Phan Bội Châu. Nam Phong tiếp nối Đông Dương Tạp chí, phổ biến Văn hóa Pháp, ve vãn dân chúng bằng cách cũng đề ra một hướng tiến bộ nhưng là một thứ tiến bộ cầm chân, mệnh danh là “hướng tiến bộ trung

dung” lấy những tư tưởng phong kiến làm nòng cốt để che đậy dã tâm của họ.

Để chống lại liều thuốc ngu “Pháp Việt đề huê” này, cụ Phan Sào Nam đã cho phổ biến những câu thơ như:

Nó coi mình như trâu, như chó,

Nó coi mình như cỏ, như rơm.

...

hay:

Ngày mong mỗi vài con ấm tử

Đêm vui chơi một lũ hầu non.

Trang hoàng gác tía lầu son,

Đã hao mạch nước lại mòn xương dân.⁶

Sự thực chủ trương ru ngủ của hai tờ *Đông Dương Tạp chí* và *Nam Phong* có làm mờ nhạt đi khá nhiều ảnh hưởng của *Đông Kinh Nghĩa Thục* với “*Tuyệt Hồng Lệ Sử*” dịch của Từ Trầm Á, với giọng văn sướt mướt khóc chềnh của Nữ sĩ Tương Phố (viết năm 1923).

Trời thu thảm đạm một màu,

Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em.

Trăng thu bóng ngả bên thềm,

Tình thu ai để duyên em bẽ bàng.

⁶. Qua một thời bôn ba hải ngoại, bị bắt, suýt bị tử hình, khi cụ Phan sau rốt bị thực dân đưa tới giam lỏng ở Huế, cụ lại nêu chủ trương “Pháp Việt đề huê”. Lẽ cố nhiên chủ trương “Pháp Việt đề huê” của cụ chỉ là một giai đoạn để có thì giờ thâm nhập được văn hóa Tây phương rồi sau đó sẽ “gây ông đập lưng ông.” Nhiều nhà cách mạng còn nêu thêm một lý do: Sau khi đã qua Nhật, cụ hiểu thâm ý tàn ác của người Nhật, cụ thấy rõ đưng hồng nhờ và gì ở người Nhật. Mãi sau này khoảng 1943-1945 người Việt mới được trực tiếp nhận chân những điều đó, khi người Nhật tới hất cẳng Pháp ở Đông Dương và tung ra thuyết Đại Đông Á đường mật nhưng gian trá của họ. Càng nghĩ chúng ta càng thấy thương các bậc tiền bối cách mạng trong trường hợp các vị “tĩnh một mình”.

Với giọng văn khốc vợ bi thiết không kém của ông Đông Hồ:

Cảnh năm trước vẫn là năm trước

Tình năm xưa đã khác năm xưa

Này trăng này núi này hồ

Mà người cùng ngắm bây giờ là đâu?

Sau cùng, cuốn tiểu thuyết *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách là cả một liều thuốc độc làm lụn bại hết chí tiến thủ của thanh niên ta, khiến họ coi việc đâu khổ vì tình, chết vì tình, cao quý không kém gì cái chết vì nước, vì đạo.

Chính sách của thực dân khôn ngoan thật, thâm độc thật nhưng các nho sĩ của ta đã lợi dụng ngay *Nam Phong* để tương kế tựu kế cổ động kín đáo cho tinh thần yêu nước (Nguyễn Bá Học, Dương Bá Trạc, Sở Cuồng, Lê Dư ...) Kể từ năm 1919 trở đi các trường cao đẳng về Luật, về Thuốc, về Sư phạm đã mở để đào tạo tại chỗ những cán bộ cần thiết cho guồng máy thống trị thực dân. Nhưng có mấy nhà tri thức cam tâm làm tôi đòi cho thực dân và quên hẳn giống nòi? Chính ở những trường trên thực dân đã đào tạo nên những Nguyễn Thái Học, Ký Con...

II. Sự thành lập Tự Lực Văn Đoàn

1. Lý do thúc đẩy bên trong

Trước tình trạng lụn bại của công cuộc cách mạng võ trang trước, cái tệ những tham quan ô lại, trước thái độ vị kỷ uơu hèn của một số người tân học lấy vợ đẹp, nhà lầu, ô tô làm lẽ sống duy nhất; và nhất là trước cảnh nghèo đói, dốt nát quá bi thảm của dân quê, một nhóm thanh niên thấm nhuần văn hóa Tây phương đã ý thức được vai trò lịch sử của mình, đứng ra thành lập Tự Lực Văn Đoàn năm 1932.

2. Điều kiện thuận tiện bên ngoài

Mấy năm trước đây khi Toàn quyền Robin đã cho ném bom triệt hạ làng Cổ Am vì tướng Nguyễn Thái Học trốn

ở đây.⁷ Tới năm 1930 thì Việt Nam Quốc Dân Đảng hoàn toàn tan vỡ, mười ba liệt sĩ lên đoạn đầu đài tại Yên Bái. Các phóng viên Pháp được chứng kiến cảnh đó, khi trở về mẫu quốc cũng phải tuyên bố rằng không ngờ đồng bào họ ở hải ngoại đã sa đọa đến thế. Còn lòng người dân Việt thì khỏi phải nói, từ thành thị đến thôn quê không khí căm uất như dầu dội lửa đỏ.

Để mở nắp “sì hơi an toàn”, Robin nói rộng quyền tự do báo chí, đề cao tư tưởng xã hội. Khi đó chi nhánh đảng Xã hội (SFIO) bên này có tờ *Le petit populaire* làm cơ quan tranh đấu. Chính vào dịp cởi mở đó, Tự Lực Văn Đoàn mới có được hoàn cảnh thuận tiện mà xuất đầu lộ diện.

3. Thành phần Tự Lực Văn Đoàn

Thành phần nòng cốt của Tự Lực Văn Đoàn gồm các nhà văn, thơ sau đây: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng (Trần Khánh Dư), Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ), Tú Ly hay Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Xuân Diệu (Ngô Xuân Diệu), với sự cộng tác của nhiều văn nghệ sĩ khác như về họa có Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Cát Tường; về nhạc có Nguyễn Xuân Khoát; về kịch có Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ; về phóng sự có Trọng Lang; về tiểu thuyết có Đỗ Đức Thu, Trần Tiêu, Thanh Tịnh, Bùi Hiển, về thơ có Đỗ Huy Nhiệm, Vũ Đình Liên, Phạm Huy Thông...

4. Nội dung của hai tờ báo Phong Hóa và Ngày Nay

Nội dung tờ *Phong Hóa* (1932-1937) cũng như tờ *Ngày Nay* (1935-1941) đại thể gồm bốn phần như sau:

⁷. Theo một vài dư luận giới cách mạng thì Robin cho ném bom xuống Cổ Am còn để triệt một anh hùng trong bóng tối nữa của Việt Nam Quốc Dân Đảng là Trần Cảnh. Chính ra tên họ thực nhà cách mạng này là Nguyễn Đức Cảnh, vì là con nuôi của cụ Trần Mỹ, người làng Cổ Am nên đổi sang họ Trần. Trần Cảnh thoát chết trong lần ném bom của Robin, nhưng về sau cũng bị bắt. Lần đầu bị bắt này, liệt sĩ đã nhảy tự gác hai xuống, đã cắn lưỡi, đã lao mình từ trên xe lửa xuống đường mà không chết. Khi thực dân giải ông đến Saigon thì ông trốn thoát. Nhân dịp Tết Nguyên Đán kia, vị liệt sĩ của chúng ta tìm đường lẩn về quê ở Hưng Yên thăm bố mẹ thì bị bắt lần thứ hai.

- Phần xã luận
- Phần tiểu thuyết
- Phần trào phúng
- Phần thông tin (Khoa học thường thức)

III. Chủ trương Tự Lực Văn Đoàn

Chủ trương của Tự Lực Văn Đoàn gồm hai phần: đả phá và xây dựng

A. Phần đả phá

1. Về chính trị

Tự Lực Văn Đoàn đả phá chính sách “chia để trị” của thực dân (Sự phân chia nước Việt Nam thành ba kỳ, việc chấn hưng Phật giáo, không vì Phật giáo mà cốt để gây tinh thần chia rẽ giữa người Việt theo Phật giáo với người Việt theo Công giáo); đả kích chính sách truy lạc hóa thanh niên (chợ phiên cứu dân bị lụt để sa đọa thanh niên), phản đối sự thi hành lại hòa ước 1884, nghĩa là sự tái lập nha kinh lược Bắc kỳ; phản đối sự tạo lập những Bộ không làm gì hết (riều Bộ Kinh tế của Nguyễn Khoa Kỳ là giết hàng năm 9.000 ve sấu và 3.000 sấu đất); đả kích sự hống hác của tụi quan lại, kỳ hào; đả kích những ông dân biểu tư vấn thuộc loại “nghị gật” hoặc thuộc loại tay sai của thực dân “Chánh phủ biểu”.

2. Về xã hội

Tự Lực Văn Đoàn đả phá tinh thần hương đảng, tranh chấp thủ lợn, phao câu ở chốn đình trung; đả phá óc mê tín dị đoan; đả phá chế độ đại gia đình cùng tính cách hẹp hòi của luân lý Khổng Mạnh, bóp nghẹt tự do cá nhân (uy quyền tuyệt đối của cha mẹ, sự nô dịch pháp phụ nữ, gây nên những hủ tục ép duyên, gả bán, làm lễ, đa thê, sự tranh chấp gia tài); chế riều những tập tục hủ lậu khác như *Húi Tóc* của ông Đỗ Thận, *Hàm Răng Đen* của ông Nguyễn Văn Tố.

3. Về văn học

Tự Lực Văn Đoàn đã kích loại văn chương sáo và rỗng cũ; đã kích lối văn “sướt mướt” sầu mây khóc gió; đã kích sự mất gốc của mấy người như Trang La (La tinh) Nguyễn Mạnh Tường, Trang Mẹo Phạm Duy Khiêm chỉ chú trọng nói và viết tiếng Pháp⁸; chế riễu lý luận Mác-Xít Phan Văn Hùm, lý luận giây cà ra giấy muống của Phan Khôi. Mục *Tin Văn Vắn* của Lê Ta giọng châm biếm rất cay độc; mục *Hạt Đậu Nhỏ* để chỉ trích những cái dở, cái lầm trong các bài văn đồng thời.

B. Phân Xây Dựng

1. Về chính trị

Tự Lực Văn Đoàn đòi hỏi canh tân chống phong kiến, chống thực dân để tiến tới tinh thần dân chủ. (Sau 1945 Tự lực Văn Đoàn đòi hỏi Hiến pháp, đòi hỏi dân chủ thực sự, v.v...); đề cao vẻ đẹp cao quý về tinh thần vị tha của những con người hoạt động cách mạng giải phóng dân tộc. (Dùng trong *Đoạn Tuyệt* và *Đôi Bàn*).

2. Về xã hội

Tự Lực Văn Đoàn kêu gọi sự cố gắng và tham gia của lớp người mới vào sự cải thiện xã hội; ca tụng sự cố gắng nhân đạo hóa tư bản (như đời sống của vợ chồng Hạc trong *Gia Đình*).

Năm 1936 thành lập hội Ánh Sáng để bài trừ “Nhà hang chuột” và thay thế bằng những căn nhà rẻ tiền nhưng ngăn nắp sáng sủa (do hai kiến trúc sư Luyện và Tiếp vẽ kiêu). Những nhà ánh sáng này đã được dựng thành một kiểu mẫu trên bãi Phúc Tân kê Hà Nội. Sau này thực dân giải tán Hội này vì ngờ đó là một hoạt động chính trị trá hình.

⁸. Cho đến nay ông Phạm Duy Khiêm còn coi thường khả năng diễn đạt tư tưởng của tiếng Việt, còn ông Nguyễn Mạnh Tường thì sự thực ông sử dụng tiếng Việt cũng trau chuốt như tiếng Pháp vậy.

Như vậy, Tự Lực Văn Đoàn luôn luôn gây cho mọi người nhất là thanh niên một thái độ quyết tâm phục vụ cho đời sống tinh thần và vật chất của giới bình dân nghèo khổ; tích cực truyền bá tinh thần vui sống để gột rửa mọi tư tưởng bi quan yếm thế do phong trào lãng mạn suốt mướt đương lan tràn trong dân chúng, nhất là trong giới thanh niên và phụ nữ.

Sau cùng việc cải cách y phục phụ nữ do Tự Lực Văn Đoàn đề xướng với những kiểu áo mới do họa sĩ Lemure (tức Nguyễn Cát Tường) vẽ có thể coi như một cải cách vừa có tính cách mỹ thuật vừa có tính cách xã hội. Ông Nguyễn Duy Diễn đã không nói ngoa khi ông viết trong cuốn Luận về Tự Lực Văn Đoàn của ông (xuất bản Thăng Long – 1958): “Sự cải cách này thực là một sự cải cách quan trọng, quan trọng không kém gì những cải cách lớn lao về kinh tế, chính trị, xã hội bởi nó đã phụng sự cho cái đẹp của nữ giới khiến cho cuộc đời chúng ta thêm muôn phần mỹ lệ”.

Ngày nay năm châu đều công nhận cái đẹp uyển chuyển kín đáo và có cá tính đặc biệt của kiểu áo Việt Nam, há chẳng phải do công của họa sĩ Lemur với Tự Lực Văn Đoàn?

3. Về văn chương nghệ thuật

Tự Lực Văn Đoàn đẩy mạnh các thể văn mới mượn của Pháp như phê bình, kịch, phóng sự, tùy bút, thơ mới ...

Tự Lực Văn Đoàn là những người đầu tiên áp dụng cú pháp Tây phương, khai thác sự cải cách của Hoàng Tích Chu. Nguyên năm 1926, Hoàng Tích Chu từ Pháp về nước nhà mang theo hoài bão cải cách văn xuôi cho thoát ly khỏi lối văn biền ngẫu. Ông đã có dịp thực hiện hoài bão đó trên hai tờ *Ngọ Báo* và *Đông Tây* (khoảng năm 1932). Phàm có sự thay đổi lớn lao thì khó tránh được sự quá khích, nên văn Hoàng Tích Chu biệt lập thành một thứ văn cộc lốc. Tới Tự Lực Văn Đoàn thì lối hành văn đã uyển chuyển, trong sáng, nhẹ nhàng hơn nhiều.

Về thi ca, Thế Lữ được xem như là người có công đầu trong phong trào thơ mới. Đem những cái rạo rực, bông bột của Tây phương và thi ca Việt Nam thì có Xuân Diệu; và giữ được tính chất trào phúng đặc biệt Việt Nam có Tú Mỡ.

Về dịch thuật, trước Tự Lực Văn Đoàn, các ông Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh thường chỉ chú trọng dịch các văn phẩm cổ điển, tới Tự Lực Văn Đoàn, những nhà văn cộng tác của nhóm bắt đầu dịch những chuyện ngắn nổi tiếng của các nhà văn Pháp, Mỹ, Anh, Đức, Nga, Nhật... (Thế kỷ XIX, XX). Ngoài ra còn những bản dịch các truyện dài Quốc tế: Vũ Ngọc Phan dịch *Trésure Island* của Stévenson, *Anna Karénine* của Tolstoy; Huyền Kiêu dịch *The Good Earth* của P. Buck; *Tarlaria de Tarascon* của Alphonse Daudet... Những nhà dịch thuật này thường là những cây bút tài hoa nên dịch phẩm có phần đặc sắc hơn thời trước.

C. Lợi khí dã phá: Tinh thần trào phúng

Khí cụ hiệu nghiệm nhất của Tự Lực Văn Đoàn là tinh thần trào phúng dưới đủ mọi hình thức: tranh khôi hài, truyện vui cười, kịch hoạt kê, điếm người và việc... Chỉ cần nhớ rằng Lý Toét, Xã Xê, Bang Bạnh... đã thành nhân vật điển hình của cả mấy thế hệ liên tiếp và vẫn còn tồn tại đến ngày nay, đủ hiểu sự thành công của họ rực rỡ biết chừng nào.

Hãy nhớ lại những bức vẽ riều Phạm Lê Bông đeo kim khánh, đội mũ cánh chuồn một cánh, những bức vẽ riều Phạm Quỳnh nhảy một cái từ Hà Nội và Huế, những câu ca dao nổi tiếng:

Giấc Nam Kha khéo hữu tình,

Bùng con mắt dậy thấy mình Thượng thư.

Gió đưa cành trúc la đà,

Một thuyền chạt ních bài ngà Thượng thu.

Hãy nhớ lại những bài phỏng vấn không tiền khoáng

hậu các quan lại đương thời như Hoàng Trọng Phu, Vi Văn Định, đã khiến người đọc tuy cười mà dào dạt cảm hờn.

Hãy nhớ lại một bức tranh khôi hài vẽ Lý Toét đưa đến biểu Thôn Sứ Châtel một con gà mái với câu chú ở dưới: “*Vì biểu hiện của nước Pháp là con gà sống Gô-loa, xin biểu quý quan con gà mái cho có đôi*”, để chỉ trích thói vô cùng mất nhân cách của một số quan trường dâng vợ hiến con để mong được thăng quan tiến chức.

Còn một câu chuyện có thật. Trong một bài: *Tin vắn hàng tuần* kia, nhà báo có nói đến “ông” Toàn quyền Catroux. Ty kiểm duyệt coi sự gọi “quan Đại Pháp Toàn Quyền đại thần” như thế là một sự sách mé, bèn xóa chữ “ông” đi mà điền chữ “quan” vào. Sau đó Ty kiểm duyệt nhận được một bức thư phản kháng, trong đó nhà báo cho rằng Ty kiểm duyệt chỉ có quyền xóa văn chứ không có quyền chữa văn. Ty kiểm duyệt đành xóa chữ “quan” nhưng vẫn xóa nguyên chữ “ông”. Báo lên khuôn và trước chữ “Toàn quyền Catroux” người đọc thấy ba cái chấm xác định chữ trên đã bị kiểm duyệt bỏ rồi. Toàn quyền Catroux biết chuyện đó mới thông tri cho Ty kiểm duyệt là từ rày mặc nhà báo gọi mình bằng ông vì kiểm duyệt như thế chỉ là mắc mưu nhà báo và càng đề cao nhà báo trước mắt dân chúng.

D. Nhà xuất bản Đồi Nay

Cùng với *Phong Hóa, Ngày Nay*, Tự Lực Văn Đoàn còn lập thêm một nhà xuất bản lấy tên là Đồi Nay để xuất bản những tác phẩm của những nhà văn trong nhóm hoặc những nhà văn được Tự Lực Văn Đoàn mua bản quyền tác phẩm (như Vi Huyền Đức, Vũ Ngọc Phan...) hoặc những nhà văn được Tự Lực Văn Đoàn tặng giải thưởng văn chương hàng năm (Hàn Thế Du, Nguyễn Khắc Mẫn, Nguyễn Hồng...). Đề chủ trương của mình được phổ biến rộng rãi thêm, nhà Đồi Nay còn xuất bản một loại sách rẻ tiền bán giá đồng loạt 0\$25 đặt tên là loại sách *Lá Mạ* và đồng thời lại cho ra mắt một loại sách giáo dục trẻ em lấy tên là *Sách Hồng*.

VI. Ưu điểm và khuyết điểm của Tự Lực Văn Đoàn

A. Nhân vật điển hình

Con người điển hình thời *Nam Phong* với truyện dịch *Tuyết Hồng Lệ Sử* của Từ Trâm Á, Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách... là những kẻ than mây khóc gió, sầu muộn ủ ê, đau tim, coi việc khổ vì tình, chết vì tình là những hành động cao quý chẳng kém gì các vị anh hùng liệt thánh.

Tới Tự Lực Văn Đoàn, con người điển hình của thời đại có thể thấy ở Dũng: lãng mạn tinh tế, giàu lòng nhân đạo vị tha, luôn luôn muốn vươn lên cái cao đẹp trong sáng.

B. Giá trị xã hội, chính trị

Có công đả phá phong kiến, nhưng việc chế riều Lý Toét, Xã Xệ phải chăng là đả phá cường hào? Hình ảnh Lý Toét, Xã Xệ là hình ảnh người dân quê chất phác nhiều hơn là hình ảnh cường hào. Cho nên có thể nói Tự Lực Văn Đoàn làm một việc mâu thuẫn với chính chủ trương của họ. Việc chế riều Lý Toét, Xã Xệ đã gây chia rẽ giữa người thành thị và người thôn quê. Việc đả phá chế độ đại gia đình, đề cao cá nhân chủ nghĩa, đã đi quá trớn. Cho đến nay gia đình vẫn là cơ sở căn bản của con người. Phê bình óc quá khích đó của Tự Lực Văn Đoàn, giáo sư Dương Quảng Hàm có viết như sau đây trong V.N.V.H.S.Y. (tr, 454):

“... Phái ấy vì đã có thành kiến sẵn, nên chỉ trông thấy chỗ dở mà không trông thấy điều hay, thành ra trong sự mô tả, phán đoán có phần thiên lệch. Tỉ như tục đàn bà góa chồng ở vậy nuôi con. Đàn rằng tục lệ ấy làm cho một số người đàn bà còn trẻ tuổi mà muốn tái giá (vì cũng có người thực bụng không muốn tái giá), nhưng vì sợ dư luận hoặc muốn giữ gia phong mà phải chịu cảnh lẻ loi lạnh lùng, tức là phải hy sinh cái hạnh phúc cá nhân; song cũng nhờ có tục ấy mà biết bao gia đình đáng lẽ, sau khi người gia trưởng mất rồi, phải lâm vào cảnh “vỡ đàn tan nghé” vẫn được đoàn viên vui vẻ: biết

bao đứa con mồ coi cha đáng lẽ phải chịu số phận hẩm hiu, vẫn được nuôi dạy trông nom và thành người. Thật cái tục ấy đã gây biết bao là điều xả thân, tận tâm, biết bao người mẹ đáng cảm phục. Xem thế thì biết, trong sự phán đoán các tập tục xưa, ta cần phải đắn đo cẩn thận và xét cả mọi phương diện mới khỏi sai lầm”.

C. Giá trị văn chương, nghệ thuật

Nếu cho tới Hoàng Tích Chu tờ báo Việt Nam mới thành hình tờ báo thì chúng ta có thể nói cho tới Tự Lực Văn Đoàn tiểu thuyết Việt Nam mới ra hình tiểu thuyết.

- Tự Lực Văn Đoàn đã tạo ra một không khí văn nghệ sôi nổi chưa từng có trên văn đàn Việt Nam.

- Đã kết tinh được tấn bi kịch của giai cấp trung lưu Việt Nam giữa “Nho phong” và “Âu phong”.

- Đã có sáng kiến cho xuất bản những số đặc biệt về Trung thu, về số Xuân gây muôn phần thi vị cho đời sống văn nghệ.

D. Lê lối làm việc

Đã biết tập hợp thành nhóm và làm việc có tính cách tập đoàn, nhưng lại sa vào khuyết điểm nặng óc bè phái. Rất ít khi Tự Lực Văn Đoàn khen những tác phẩm ngoài nhóm mình (trừ trường hợp cuốn *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân), mà thường chỉ là cách phê bình bông đùa riếu cợt tàn ác nữa.

E. Thêm một điều ghi chú

Trên đây là những lời phê bình ưu khuyết điểm đúng mực khách quan. Chúng ta cũng nên biết thêm dư luận quá nghiêm khắc của Trương Tửu. Họ Trương kết tội Tự Lực Văn Đoàn là sản phẩm sì hơi cách mạng bằng phương tiện văn chương. Ông nặng lời đả kích lối văn chương mà ông mệnh danh là “Cách mệnh sa lông” đó. Ông lên án *Lạnh Lùng* của

Nhất Linh là cuốn sách khiêu dâm và đáng ném ra khỏi tủ sách gia đình. Ông kết luận về cuốn sách đó: “Chỉ có những người nào có tư tưởng nhất định, tính nết độc lập mới tránh được sức thôi miên của những hình ảnh xấu xa và quyến rũ tả trong một cuốn văn bằng ngọn bút tài hoa.”

KẾT LUẬN

Ngoài một số khuyết điểm trên, Tự Lực Văn Đoàn thực đã ghi được nhiều thành tích rực rỡ nhờ ở cách nhìn rộng rãi bao quát và tinh thần làm việc khoa học. Ảnh hưởng lớn lao của Tự Lực Văn Đoàn vào lối cảm nghĩ của thanh niên còn kéo dài mãi cho tới ngày nay. Sau sự tan rã của nhóm này, mọi người cảm thấy một sự trống rỗng mênh mông trên văn đàn trong một thời gian khá dài.

NHẤT LINH

Thân thế và sự nghiệp văn chương

THÂN THẾ⁹

Tên thật là Nguyễn Tường Tam, sinh năm 1905 tại phố Huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Thân phụ làm Thông phán Tòa Sứ, giọng dõng cừu nho.

Gia đình có bảy anh em sáu trai một gái, thứ tự như sau: Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế, Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam) và Nguyễn Tường Bách.

- Học tập và lập chí (1905-1930)

Học trường Bưởi (1920) đậu trung học (1923), làm Thông phán tại sở Tài chính, ở đây gặp gỡ rồi quen thân với Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Viết những tác phẩm đầu: *Nho Phong* (1925). Sau *Nho Phong* đến những tác phẩm: *Thôn Dã*, *Hai Chị Em*, *Người Quay Tơ*. Những tác phẩm này còn chịu nặng ảnh hưởng Nho giáo và do tác giả tự xuất bản lấy. Cũng vào

⁹. Chúng tôi theo cách chia thành từng thời kỳ có mạch lạc của ông Phạm Thế Ngũ tác giả “*Bài Việt Văn Kỳ Thi Tú Tài*” quyển III – Tài liệu theo ông Lê Hữu Mục tác giả “*Thân Thế và Sự Nghiệp Nhất Linh*”.

năm 1925, ông xin thôi công sở, thoát theo trường Thuộc được ít lâu bỏ Thuộc sang học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật. Năm 1927 du học Pháp. Đậu cử nhân khoa học. Khảo cứu thêm về văn học, báo chí, ấn loát, đến năm 1930 về nước.

- *Hoạt động văn hóa xã hội (1930-1938).*

Dạy học tại Tư thực Thăng Long. Bỏ dạy học đứng ra chủ trương tờ *Phong Hóa* đổi mới (kể từ số 14 trở đi ra ngày 22-9-1932). Lập Tự Lực Văn Đoàn(1933). Ra tờ *Ngày Nay* (1935). Khởi xướng Đoàn Ánh Sáng, xây nhà kiểu mẫu tại bãi Phúc Xá Hà Nội (1937). Viết các tiểu thuyết quan trọng của ông trong thời kỳ này.

- *Hoạt động chính trị (1937-1948)*

Lập Đảng Hưng Việt (1938) sau đổi thành Đại Việt Dân Chính (1939). Năm 1940 Pháp hàng Đức, chính phủ Pétain lên, tại Đông Dương Toàn quyền Catroux (chống Nhật) nhường chức cho Toàn quyền Decoux (nhân nhượng với Nhật). Nhật Bản tha hồ đặt căn cứ quân sự để tiến đánh Trung Quốc. Đại Việt Dân Chính Nguyễn Tường Tam hoạt động vào thời kỳ này. Năm 1942 ông trốn sang Trung Hoa đại diện cho Việt Nam Quốc Dân Đảng trong Cách Mạng Đồng Minh Hội. Năm 1945 về nước, tập hợp nhóm *Ngày Nay* cũ cho xuất bản một cơ quan ngôn luận mới lấy tên là Việt Nam. Năm 1946 đại diện cho Việt Nam Quốc Dân Đảng tham gia Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến giữ Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao. Là trưởng pháp đoàn Việt Nam đi dự Hội nghị Việt Pháp tổ chức tại Đà Lạt. Hội nghị này bế tắc ngay từ phút đầu vì thực dân Pháp ngoan cố không chịu để Nam Bộ sát nhập Trung Bộ và Bắc Bộ. Bỏ sang Trung Hoa tìm một giải pháp chính trị khác cho nước nhà, nhưng thất vọng với Bảo Đại. Thêm vào đấy cái chết của Hoàng Đạo trên chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu (thi hài được đưa xuống an táng tại trấn Thạch Long), càng khiến ông hết tin tưởng vào chính trị và quyết định rút khỏi chính giới (1948).

- *Trở về viết văn:*

Năm 1951 ông từ Trung Hoa trở về Hà Nội, tuyên bố không thuộc đảng phái nào, không hoạt động chính trị; sau đấy, ông vào Nam mở nhà xuất bản Phương Giang tái bản lại những sách của Tự Lực Văn Đoàn. Lên nghỉ tại Đà Lạt một thời gian, đến năm 1958 “*xuống núi*” chủ trương “*Văn Hóa Ngày Nay*” tập đầu ra ngày 17-6-1958, bắt đầu cho đăng *Cô Mùi*, một truyện trong tập trường giang tiểu thuyết *Xóm Cầu Mới*. *Văn Hóa Ngày Nay* ra đến số 11 (tháng 5-1959) thì đình bản, truyện *Cô Mùi* còn dở dang.

Tháng 8-1959 giai phẩm văn nghệ *Tân Phong* ra đời (hậu thân của *Văn Hóa Ngày Nay*) nhưng không thấy Nhất Linh cho đăng tiếp truyện dài, chỉ thỉnh thoảng có truyện ngắn của ông.

Tân Phong tập 17 (tháng 3-1960) bắt đầu đăng *Đỉnh Gió Hú* nguyên tác của Emily Bronte (*Wuthering Heights*) bản dịch của Nhất Linh.

TÁC PHẨM

Tác phẩm của Nhất Linh có thể phân loại một cách tổng quát như sau:

- *Nho Phong, Người Quay Tơ* là những tác phẩm đầu, còn nặng ảnh hưởng Nho giáo.

- *Đoạn Tuyệt (1935), Lạnh Lùng (1936)* là những tác phẩm luận đề, bài Nho.

- *Đôi Bạn, Hai Buổi Chiều Vàng* (tập truyện ngắn) là những tập truyện tình cảm nhiều tính cách lý tưởng.

- *Thế Rồi Một Buổi Chiều* là tập truyện ngắn vừa tình cảm¹⁰ vừa có tính cách xã hội. Những truyện trong tập truyện này gồm có như sau:

¹⁰. Chúng tôi biết danh từ “tình cảm” dùng ở đây hơi gượng ép, chỉ cốt để phân biệt với loại truyện ngắn tính các xã hội, đề cập đến cảnh nghèo.

- *Thế Rồi Một Buổi Chiều*: truyện tình cảm.

Sáu truyện này nhiều tính cách xã hội vì nói đến những cảnh khổ của kiếp nghèo:

- *Chết Dở*

- *Nghèo*

- *Hai Cảnh Ngoài Phố*

- *Hai Vẻ Đẹp*

- *Hai Chị Em*

- *Tiếng Kêu Thương*

- *Bướm Trắng*: Viết theo lối thám hiểm nội tâm con người

- *Đi Tây*: Truyện trào lộng

Viết chung với Khải Hưng:

- *Anh Phải Sống*

- *Gánh Hàng Hoa*

- *Đời Mưa Giá*

Phân tích tác phẩm *Đoạn Tuyệt*

A. Lược truyện

Đoạn Tuyệt chia làm ba phần:

Phần một (bảy chương): Giới thiệu các nhân vật chính. Loan, một cô gái mới yêu Dũng, nhưng bị cha mẹ ép gả cho Thân vì đã nhặt lời từ khi Loan còn nhỏ. Dũng, con quan Tuần, có những hành vi quá táo bạo (làm cách mạng), ông Tuần sợ lụy đến mình nên từ con. Ngày gia đình Thân đem đồ lễ đến ăn hỏi, Loan đến căn gác trọ tồi tàn gặp Dũng, quyết tâm hỏi thẳng về tình yêu của chàng để nàng quyết định về chuyện hôn nhân kia. Dũng vốn yêu Loan nhưng khi biết

Loan đã là vợ chưa cưới của người khác, không muốn gây thêm rắc rối cho đời Loan, chàng làm như chỉ coi nàng là bạn thôi. Loan thất vọng ra về. Lần thứ hai Loan đến Dũng thì chàng đã đi xa.

Trước ngày cưới Loan, một hôm Dũng về nhà ông giáo Lâm, vợ là Thảo. (Lâm, Thảo là đôi bạn chí tình của Dũng lẫn Loan). Vô tình Loan cũng vừa rảnh việc cỡ bàn lại chơi. Dũng toan tránh mặt mà không xong. Hai người gặp nhau bên lò sưởi, rồi cùng Thảo nâng cốc rượu ly biệt. Dũng lên đường gió bụi, Loan lên đường về nhà chồng. Ngày lên xe hoa, Loan có thoáng thấy Dũng trong đám đông. Đêm tân hôn Loan nghĩ đến Dũng trong khi đó chàng đáp chuyến xe lửa đêm đi Yên Bái.

Phần hai (mười hai chương): Những tình tiết xung đột giữa mới và cũ. Ông chồng (Thân) thì đàn độn, tầm thường, mẹ chồng thì cay nghiệt, em chồng thì đáo đẽ nhỏ nhen, vợ lẽ chồng thì ngu dốt mà lại muốn lãng loạn, các bà con nhà chồng thì về hòa nhau để khích bác hành hạ Loan. Sự đàn áp khắc nghiệt đến nỗi Loan sinh con trai mà hầu như chẳng có quyền gì về con. Khi con ốm nàng không được theo thuốc Tây. Bà mẹ chồng mê tín mang thằng bé đi chữa bằng tà nhang nước thải đến khi chết còn đổ vấy cho nàng. (Trong họ nhà chồng chỉ có Đức, người em họ làm thầy thuốc ở nhà thương Hà Nội là hiểu được Loan).

Phần ba (mười chương): Tới một buổi tối kia Loan không muốn cho Thân tắt đèn để lên xuống với Tuất ở nhà dưới, hai người cãi nhau. Bà Phán ở buồng bên cũng sang để sỉ vả Loan. Cuộc xô xát gây go dần rồi tới mức Thân hăng máu cầm chiếc lọ đồng xông lại đánh Loan. Loan hét hoảng cầm con dao rọc sách để đỡ. Thân mất đà ngã mạnh vào mũi dao mà chết. Vụ án giết chồng đưa ra công lý. Nhờ tài hùng biện của luật sư biện hộ cho Loan về tội ngộ sát và kịch liệt lên án chế độ gia đình cũ. Loan được tòa tha bổng. Cuộc xung đột chấm dứt: mới thắng cũ, cá nhân đoạn tuyệt với gia đình.

Bà Hai (mẹ Loan) mất, Loan bán nhà trả món nợ ba ngàn đồng trước đây vay của bà Phán, rồi thuê nhà mở trường dạy học tư. Bị bên nhà chồng phá, việc dạy học thất bại, một lần nữa Loan đổi chỗ ở, dọn đến một căn nhà tồi tàn nhưng rất quý đối với Loan vì ở nhà đó, Loan có cảm tưởng sống cái đời của Dũng sống trước kia, độ Dũng mới từ bỏ gia đình. Ngày ngày Loan đến làm việc tại tòa báo Minh Nhật: đánh máy chữ, dịch những bài lặt vặt ở các báo Tây.

Dũng vẫn theo dõi cuộc đời của Loan từ ngày nàng lấy Thân. Chàng hỏi vì đã để cho nàng đau khổ. Chàng viết thư cho Thảo kể hết nỗi niềm và mong Thảo thu xếp cho Dũng được cùng Loan đoàn tụ. Lá thư ấy Thảo đưa cho Loan xem đúng vào một đêm giao thừa dạt dào gợi cảm. Đọc xong thư, Loan từ biệt vợ chồng Lâm Thảo trở về nhà được yên tĩnh nghĩ đến cái sung sướng của mình. Thảo nhìn theo tình nghịch bảo chồng: *“Hiện giờ có một người sung sướng. Người đó đang đi ngoài mưa gió, quên cả mưa ướt, gió lạnh...”*

B. Loan và sự tiến triển tâm lý của nàng¹¹

Đoạn Tuyệt là truyện đời Loan. Thái độ Loan đã rút khoát quyết liệt với cái cũ, ở ngay chương đầu. Khi cùng Thảo nhắc đến chuyện cô Minh Nguyệt vì gặp mẹ chồng ác mà tự tử. Loan phát biểu ý kiến của nàng về nếp sống tự do:

“Việc gì mà hết hy vọng. Mẹ chồng ác thì đi chỗ khác mà ở, chồng ghét thì lại càng nên đi lắm. Khổ là vì cứ tưởng mình là thân con gái thì phải lấy gia đình chồng làm gia đình mình, nếu mất gia đình ấy là đời mình bỏ đi. Sao lại thế được. Mình sống, muốn sống thì sao không thể một mình mình sống được, nếu cái gia đình kia không cho mình được sung sướng. Sao đàn ông họ bỏ vợ này lấy vợ khác lại là sự thường.” (tr.4)

Một chỗ khác, ý nghĩ thiết tha của nàng về một nếp sống tự lập:

¹¹. Tất cả những đoạn văn trích sau đây, đều căn cứ vào cuốn *Đoạn Tuyệt* do Phương Giang xuất bản 1958.

Loan nhìn Dũng, ngắm nghía vẻ mặt cương quyết, rần rỏi của bạn nghĩ thầm:

- Học thức mình không kém gì Dũng, sao lại không thể như Dũng, sống một đời tự lập, cường tráng, can chi cứ quanh quẩn trong vòng gia đình, yếu ớt sống một đời nương dựa vào người khác để quanh năm phải kinh địch với những sự cố hủ mà học thức của mình bắt mình ghét bỏ. Mình phải tạo ra một hoàn cảnh, hợp với quan niệm mới của mình. (Tr.8).

Nghĩ thì thế, đến khi vào thực tế chính Loạn cũng gặp hoàn cảnh y hệt cô Minh Nguyệt, mà nào Loạn có thoát ly được?

Thoạt nàng đành chịu để cha mẹ mình ép gả cho Thân:

- Vâng, con nhận rằng con mới quá, nhưng con đã đi học, không thể không cư xử theo sự học của con được. Bây giờ thì tùy quyền thầy mẹ.

...

- Dẫu sao thầy mẹ cũng chó nên phiền muộn. Rồi con sẽ nghĩ lại và con sẽ trình thầy mẹ biết ý con nhất định về việc đó ra sao. (tr. 27).

Loan đã nhượng bộ cha mẹ vì chữ hiếu.

Khi về nhà chồng, nàng gắng yêu chồng mà không được vì Thân đàn độn quá. Tuy nhiên thái độ của nàng cũng rất mực phải chăng, không có chi là lẳng lơ. Loạn đề nghị với Thân, nên xin bà Phán cho ra ở riêng. Thân không bằng lòng. Loạn ghê tởm cho cái đời làm vợ giả dối của nàng, cho cái bản phận nàng là cái máy để, nhưng rồi cũng đành cam chịu. Theo Tây học, nhiễm đức tính thẳng thắn, Loạn có thể cam chịu mẹ chồng mắng chửi vào mặt mình nếu bà cho đấy là lỗi, chứ nàng không chịu được những lời bóng gió, mát mẻ, xa xôi. Nàng đã thừa lại với bà Phán bằng một giọng chân thành:

- Thừa mẹ, mẹ đã cho con về làm con, làm dâu, thì xin mẹ coi con như một người trong nhà, hay thì mẹ khen, có lỗi

thì mẹ mắng. Con xin nhận lỗi và nhận những lời mẹ mắng con, dạy con. Bởi vì con biết đó không phải là những dạy dốt làm con đau khổ vô ích mà là những lời của một người mẹ vì yêu mà mắng (tr.77).

Lời nói của Loan dễ thương như vậy mà nào bà Phán có hiểu. Bà vẫn cho là Loan hay lý sự và vẫn vẫn mát mẻ vẫn mỉa mai bảo Loan:

- Tôi đâu dám mắng cô, mà ai mắng nổi cô ở nhà này, cô cứ dạy quá lời. Giỗ tết nhà tôi, cô không thèm biết đến thì thôi ai bắt. Tôi chỉ nói để cô biết từ rày cô có đi đâu thì cô cho tôi hay, kẻ ở nhà này có kẻ ra người vào, lỡ mất mát cái gì thì một mất mười ngờ, người ta nói ra nói vào thêm khó khăn ra. (tr.78).

Như vậy là bà Phán nghi Loan khuân của về nhà bố mẹ đẻ. Khi Loan nói là biên mấy chữ để lại, thì đây là lời Bích – cô em chồng chúng tỏ hết cái nhỏ nhen của cảnh chị dâu em chồng:

- Biên chữ thì ai xem được, nhà tôi có ai đỡ bằng nợ bằng kia như chị dâu mà bảo xem nổi.

Rồi quay mặt đi, nói một mình, nhưng có ý để Loan nghe rõ:

- Hơi một tí là đem chữ ra khoe. (tr.78)

Ấy cảnh Loan bị hành hạ ở nhà chồng là vậy, nàng vẫn cắn răng chịu đựng. Rồi cầm bằng như đời mình bỏ đi, nàng nghĩ đến gây dựng tương lai cho đứa con trong bụng.

Sự chịu đựng của Loan thực đáng khen và đúng như lời luật sư sau này cãi cho nàng:

“Buộc cho Thị Loan cái tội quấy rối gia đình ư? Chính Thị Loan lại là người tha thiết muốn được yên sống trong gia đình. (tr. 169).

Cương quyết, dứt khoát trong ý tưởng, nhưng lại biết hy sinh, nhẫn nại khi vào hoàn cảnh, sự tiến triển của tâm lý Loan rất uyển chuyển và rất “người” ở chỗ đó.

Minh Nhật là tờ báo vẫn bình vực phái mới thì không còn ai quấy rối nàng được nữa. Sự thắng của Loan đẹp ở chỗ thắng thần địch đáng và hoàn toàn tự lập.

C. Mỗi tình lãng mạn của Loan, Dũng

Hình ảnh Dũng đã biến thành một ám ảnh đối với Loan từ đầu đến cuối truyện, ở ngay cuối chương đầu Loan đã thú thực tình yêu đó với Thảo:

Vậy chỗ chị em, em không giấu diếm, chị hẳn biết cái tình của em đối với anh Dũng. (tr.10)

Hai lần Loan đến nhà Dũng trước ngày quyết định lấy Thân.

Trong phòng cô dâu đêm tân hôn “*Loan nhắm mắt lại, rùng mình nghĩ đến rằng đó là nơi chôn cái đời thơ ngây trong sạch của nàng*” (tr.28).

Sự thực Loan có thiện chí muốn được yên thân vui với cuộc đời mới để quên mỗi tình với Dũng, mỗi tình không còn lý do tồn tại nữa.

“Loan cho việc đôi đũa với mẹ chồng không phải là việc khó khăn. Việc cần thiết là làm thế nào yêu được Thân. Vì nàng có yêu Thân thì đời nàng từ nay mới có nghĩa lý.” (tr.60).

Khi Thân đặt tay lên vai Loan, hình ảnh Dũng lại hiện rõ rệt trong trí tưởng tượng của Loan (phản ứng khởi đầu). Đến khi Loan thấy Thân giải một miếng vải trắng lên chiếu “*... nàng hiểu và cảm thấy tất cả cái mọi rợ trong cử chỉ của Thân lúc đó. Nàng mỉm cười khinh bỉ nghĩ thầm:*

- Chỉ có sự trinh tiết của tâm hồn là đáng quý thôi.” (tr. 61)

Rồi suốt trong mấy tháng chung sống, Loan muốn yêu mà không yêu được. Thân tầm thường đần độn, cô hủ quá thành thử cuộc hôn phối giữa Loan và Thân chỉ là mối tình của Loan với Dũng thêm phần xót xa. Trong cuộc đời làm vợ

bất đắc chí của Loan, hình ảnh Dũng luôn luôn xuất hiện như một niềm an ủi.

“*Chỉ có sự trinh tiết của tâm hồn là đáng quý thôi*”, ý nghĩ thâm trên đây của Loan trong đêm tân hôn, Loan đã biểu diễn thành lời nói thực với Thảo, khi nàng còn trên giường bệnh sau lần đẻ khó khăn và vẫn đinh ninh rằng mình khó qua khỏi được:

- “*Một người đàn bà như em mà lúc chết đến nơi không mảy may thương chồng, thương con! Chị tính như thế có đau lòng không... Vì Thân nào có phải là chồng em, đối với mọi người, em là vợ Thân... nhưng đối riêng với em, với chị, thì trước sau em chỉ là vợ Dũng, người vợ trong tinh thần của Dũng.*” (tr. 104).

Nằm bên chồng, Loan nhớ đến Dũng, khi ôm con, Loan nhớ đến Dũng. Con chết, nhân một chuyến đi chơi, bất ngờ gặp Dũng giữa đường rừng. Dũng xin đi nhờ xe (của bà Huyện Tịch) về Việt Trì buộc thuốc, Loan những “*thâm mong cho chiếc xe kia đâm vào thân cây hay hóc đá và tan tành ra như cám để nàng được hưởng một cái chết mạnh mẽ bên cạnh người nàng vẫn yêu mà lúc này nàng càng thấy yêu.*” (tr. 109)

D. Luận đề Đoạn Tuyệt

Trước hết chúng tôi hãy ghi nhận đây ý kiến của ông Phạm Thế Ngũ về *Đoạn Tuyệt*, tiểu thuyết luận đề:

“*Tiểu thuyết luận đề là tiếng dùng để dịch thành ngữ Pháp Roman à thèse. Luận đề đây là chỉ cái chủ trương, cái quan niệm có hệ thống của một tác giả về một vấn đề trọng đại của tư tưởng và liên quan đến xã hội nhân sinh. Nhà văn viết ra một câu truyện với chủ ý trình bày những nhân vật, dẫn dắt các tình tiết để đi đến một kết cục, tất cả nhằm bênh vực cái quan niệm riêng của mình. Thật ra thì tác phẩm nào chẳng mang tư kiến của tác giả và có rất nhiều tiểu thuyết phản ảnh những quan niệm của tác giả, tuy nhiên vẫn không*

được coi là tiểu thuyết luận đề. Người ta nhận ra tiểu thuyết luận đề ở chỗ tác giả đã rõ rệt chủ ý bênh vực một quan niệm để chống lại một quan niệm khác và rõ rệt uốn nắn câu chuyện, khuôn đúc nhân vật để phục vụ cho chủ ý của mình...

Đoạn Tuyệt được coi là tiểu thuyết luận đề vì Nhất Linh trong tác phẩm ấy đã chủ ý rõ rệt bênh vực quan niệm sống mới của cá nhân, chống lại quan niệm sống cũ của gia đình và rõ rệt khuôn đúc các nhân vật, uốn nắn câu chuyện để cho cuối cùng chủ trương của ông đắc thắng, người đọc có cảm tình với cá nhân và đứng vào phe mới. Ông đã đưa một nàng Loan bỏ hạnh phúc cá nhân, hy sinh bước vào gia đình cũ, để lần lượt chứng kiến và làm nạn nhân cho tất cả những cái cổ hủ lạc hậu ngu muội, tức cười hay thâm hiểm có thể thấy trong tục lệ và tâm lý của gia đình cũ; Rồi đến bước cùng, nàng mắc tội oan giết chồng phải vào khám và ra tòa. Kết cuộc nàng được tòa thấu nỗi oan và tha bổng, Loan đắc thắng trước pháp luật, đắc thắng ở hạnh phúc cá nhân (Dũng trở về với nàng), lại đắc thắng trong cảm tình của độc giả thông cảm nàng, chia sẻ những nỗi khổ và tán thành quan niệm của nàng, tức là gián tiếp bênh vực cho luận đề của tác giả".¹²

Vấn đề thời đại

Vậy ở Đoạn Tuyệt, tác giả nêu lên một vấn đề cấp thiết của thời đại: Vấn đề xung đột mới cũ. Ngay đến tác phẩm, tác giả có lời đề tặng như sau:

“Tặng KHÁI HÙNG tác giả ‘Nửa Chàng Xuân’, nhà văn cùng một quan niệm với tôi về xã hội hiện thời. Tặng các thanh niên nam nữ đã từng chịu những nỗi khổ khe của cuộc xung đột mới cũ.”

Nội dung cuộc xung đột mới cũ đó chúng ta đã cảm thấy ngay khi đọc mấy trang đầu. Nào tin cô Minh Nguyệt tự tử vì mẹ chồng ác; nào lời nói của Loan: “Mẹ chồng ác thì đi chỗ

¹². Phạm Thế Ngũ – Bài Việt văn kỳ thi Tú Tài Quốc học Tùng Thư tr. 244
- 245

khác mà ở... ”, nào lời nói của Dũng: “Chuyện gia đình bao giờ cũng rắc rối; nào tự do kết hôn, nam nữ bình quyền, mẹ chồng nàng dâu, bao nhiêu thứ lôi thôi...”

Hãy lần dở *Đoạn Tuyệt* từ đầu đến cuối, chúng ta sẽ gặp những cái dở của xã hội cũ:

- *Gia đình đàn áp cá nhân – Đại gia đình – mà đại diện là người gia trưởng – có toàn quyền đàn áp cá nhân, dư luận xã hội bao giờ cũng về phe gia trưởng. Dũng bị ông Tuấn từ chàng giải thích hành động đó của cha.*

“Thầy mẹ tôi dẫu đang báo hay nói khắp nước Nam rằng không nhận tôi là con, tôi cũng vẫn là con, vì đã đẻ tức là con rồi, không nhận cũng vô lý như khi mới đẻ lại bảo rằng không đẻ. Vậy từ con chỉ là không chia của cho con nữa...”

Tôi thiết gì của ấy. Tôi vẫn sẵn lòng không lấy. Hay nếu từ là để không muốn thấy mặt tôi nữa thì tôi vẫn sẵn lòng đi kia mà. Vậy từ chỉ có một sự ích lợi: là báo thù con vì ở xã hội ta, một người bị cha mẹ từ là một người bỏ đi, một người khốn nạn, đủ hết các tính xấu”. (tr. 16).

Con trai thì thế, về phía con gái như Loan, trong việc cưới xin chẳng hạn, thì cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đấy. Đây là lời Loan tự hỏi vào ngày Thân đem đồ lễ đến ăn hỏi:

“Sao nhà trai đến hỏi mà thầy mẹ lại không bảo mình đến nữa câu. Thế thì mình có hay không có ở nhà này, mình lấy chồng hay ai lấy chồng?” (tr. 23)

Sự uy hiếp của đại gia đình mạnh mẽ đến nỗi đứa con của Loan đẻ ra cũng không là con riêng của nàng:

“Loan chắc từ nay không có cách gì cho nàng thoát ra được, không những chỉ một mình nàng, đến ngay đứa con đẻ ra mà nàng cũng thấy nó xa nàng lắm. Nó không là con riêng của nàng nữa mà là của chung gia đình nhà chồng, mới ra đời đã thấy người ta lôi kéo đi, lôi về cái đời cũ, nàng biết

trước rằng không sao ngăn ngừa được. (tr. 98-99)

Đời Loan bị nhục nhằn tù hãm là thế mà mĩa mai thay nàng không dám sử dụng biện pháp ly dị chồng vì:

“Chắc em không nói chị cũng đoán ra. Mẹ em không đời nào hiểu được cái khổ, nhất là cái khổ về tinh thần của em. Mẹ em không thể tưởng tượng em có thể bỏ chồng được! Nếu em bỏ chồng thì lại làm mẹ em đau lòng hơn là trước kia em không nghe lời mẹ em.” (Lời Loan nói với Thảo tr. 123)

Vì hy sinh cho mẹ, Loan phải lấy Thân, rồi qua bao nhục nhằn đau khổ, tới ngày kia Loan mắc tiếng oan giết chồng, bà Hai (mẹ Loan) vẫn chưa hiểu thấu thảm cảnh của con, bà khóc tay đấm vào ngực than vãn:

“Nó làm khổ tôi. Nó làm dơ diều cả nhà tôi. Hai bác tính thôi hiem hoi có mỗi một đứa con, cũng tưởng gây dựng cho nó nên người, tử tế, có ngờ đâu bây giờ tôi hóa ra mẹ một đứa con giết chồng. Nhục nhẽ chưa?” (tr. 153)

Trong gia đình mẹ đẻ với sự thương xót của tình máu mủ mà Loan còn bị đàn áp là thế, huống chi về nhà chồng nơi khác máu tanh lòng, nơi câu nói cửa miệng là *“mất tiền mua mâm thì đâm cho thủng”*.

Người duy nhất có thể trực tiếp bênh vực Loan là Thân thì Thân chỉ là một người đàn ông ngu đần, không lý tưởng, không hiểu nổi những băn khoăn thắc mắc của vợ, luôn luôn sống như một vị thành niên dưới uy quyền của mẹ là bà Phán Lợi.

Vì vậy cuộc đời làm dâu của Loan, đơn phương độc mã, gặp biết bao cảnh đau lòng:

- *Mẹ chồng nàng dâu xô xát* – Bà Phán Lợi luôn luôn muốn tỏ uy quyền chuyên chế của mình khiến Loan phải ngại thờ, bà luôn luôn gây xô xát để được dịp dầy vò Loan.

- *Chị dâu em chồng* – Bích, cô em chồng, vô học, đánh

đá, không bỏ lỡ một dịp nào để hoặc trực tiếp gây chuyện với Loan, hoặc “bỏ mắm bỏ muối” cho câu chuyện thêm lằng lắt về phía Loan để dễ bề xúi bẩy mẹ và anh mà gây thêm sóng gió.

- *Họ hàng nhà chồng* – Họ hàng nhà chồng cũng tự thấy có quyền hành hạ Loan. Loan vô tình vắng nhà hôm có giỗ. Bà Huyện Tịch, một người cô của Thân tìm cách “đội đầu vào đám lửa”.

Bà Tịch cười hỏi bà Phán:

- “*Thế nào cô trắng răng đã về rồi đấy ư?*”

...

Đấy tôi đã can chị, chị không nghe, cứ đi rước những thứ ấy về. Rước những hạng tân thời ấy về để nó làm bại hoại gia phong nhà mình. Nó học giỏi mặc nó chứ, nhà mình là nhà có phép tắc nề nếp.

Rồi quay sang nói với Thân:

Thế nào là dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về. Cũng tại anh cả, quen chiều vợ, để mặc nó làm gì thì làm, bây giờ thì nó đã quen thân, mất nét, chặm quá rồi ... Hồng” (tr. 79).

Bên lề cuộc đời Loan là hình bóng một vài phụ nữ khác đã đi bước trước cùng cảnh ngộ Loan:

Cô Minh Nguyệt tự tử vì mẹ chồng ác.

Cô Lệ Hồng cũng tự tử vì cảnh làm dâu.

Cô cả Đạm bị cha mẹ ép gả cho con một ông Chánh tổng giàu có ở quê nhà từ năm mười sáu tuổi. Khi về nhà chồng mấy lần bị mẹ chồng đánh chửi thậm tệ. Thoạt cô cả Đạm còn phản kháng về với bố mẹ đẻ, nhưng bố mẹ đẻ cũng đuổi cô về nhà chồng. Sau cùng cô cả Đạm đành chịu vào khuôn vào phép nhẫn nhục như đầu khổ ngâm ngâm. Rồi hầu hạ bà mẹ

chồng ốm ho lao. Mẹ chồng chết, cô cả Đạm bị lây rồi cũng chờ chết.

Bên cạnh tấn thảm kịch mẹ chồng nàng dâu, còn những hủ tục khác của xã hội cũ như:

- *Trọng nam khinh nữ*: Bà Phán chỉ biết quý cháu trai, còn việc mẹ nó – Loan – thập tử nhất sinh trên giường bệnh bà coi nhẹ.

- *Nạn đa thê*: Khi Loan tuyệt đường sinh đẻ, Thân vụng trộm với Tuất, có mang rồi lấy Tuất làm lẽ. Khi sinh ra được thằng bé con trai, Tuất bèn tấp tễnh lộng quyền với Loan.

Ông Phạm Thế Ngũ có viết: “*Việc cưới Tuất cho Thân là vừa để công nhận một sự hoang dâm, vừa để thay thế cho Loan đã hết đường sinh đẻ. Nhìn Tuất, Loan tủi cho cái phận đàn bà nói chung bị người ta mua về, hì hục lạy người ta để nhận làm cái máy đẻ, làm con sen hầu hạ không công. Chế độ đa thê không thể có với quan niệm ái tình thanh cao và sự tôn trọng nhân phẩm người đàn bà.*”¹³

- *Những chuyện mê tính dị đoan*: Bà Phán tin ở sự bán khoán, tin ở tàn nhang nước thải, chứ không tin ở thuốc Tây. Về việc Loan ốm, bà Phán nói:

“- *Tôi sợ thuốc Tây lắm. Vài ngày nữa khỏe mợ về nhà uống thuốc ta hơn. Để chốc nữa tôi đi lễ cầu cho mợ khỏi... Mai, lúc thay áo cho con, mợ nhớ đưa cho tôi cái áo để tôi đem ra chùa làm lễ bán khoán cho nó.*” (tr.98)

Khi con nàng ốm, bà Phán đem giao nó cho một thầy bùa. Đứa bé ngày một gầy gò, Loan sinh nghi, đi hỏi chị em, mới biết phép chữa của bọn thầy bùa là cho uống tàn hương nước thải và có khi lại dùng roi dâu để đánh đuổi tà ma ám ảnh, nghĩa là đánh người ốm.

Thảm kịch tranh chấp giữa mới và cũ, sau rốt đưa đến

¹³. Phạm Thế Ngũ – Bìa Việt văn kỳ thi Tú Tài quyền III trang 247 – (Quốc Học Tùng Thư).

mối hàm oan giết chồng và đôi bên (Loan đại diện phái mới, bà Phán Lợi phái cũ) cùng ra trước tòa công lý, cũng là tòa án dư luận của thời đại. Qua lời buộc tội của ông Chương Lý, lời biện hộ của trạng sư, chúng ta thấy rõ thái độ của tác giả giữa hai quan niệm mới và cũ.

Ông Chương Lý kết tội:

“Thị Loan vì thông minh nên sinh ra kiêu hãnh không coi ai ra gì cả. Khinh mẹ chồng, khinh chồng, khinh bố chồng. Người nào thị cũng cho là vô học thức. Các ngài hẳn hiểu rõ cái hại độc tiểu thuyết của những bọn thanh niên biết tiếng Pháp: một luồng gió lãng mạn cuối mùa thổi qua đã để lại biết bao tai hại.

Vì kiêu căng, vì lãng mạn lại vì so sánh những cảnh thân tiên thấy trong tiểu thuyết với các sự thực tâm thường trước mắt, nên Thị Loan tìm cách thoát ly.

Cho là Thị Loan muốn thoát ly nữa, nhưng thiếu gì cách. Thị không nghĩ thế. Thị nữ giết chồng trong một lúc giận dữ...” (tr.162).

Ông xin Tòa trị tội thật nặng để bảo vệ nền tảng của xã hội là gia đình.

Trạng sư lần tìm nguyên nhân của thảm kịch gia đình đó:

“- Chính bà mẹ chồng đã giết cháu bà mà không biết. Bà lại còn đổ cho Thị Loan cái tội giết con! Đến nay, bà đổ cho Thị Loan cái tội giết chồng, nhưng bà có biết đâu, con bà chết là lỗi ở bà, lỗi ở cái luân lý trái mùa và quá ư nghiêm ngặt kia. Người có tội chính là bà mẹ chồng Thị Loan và cái luân lý cổ hủ kia.

Nhưng nếu vượt lên trên và nghĩ rằng, không kể đến cá nhân nữa, thì bao nhiêu những việc xảy ra không phải lỗi ở người nào cả mà là lỗi ở sự xung đột hiện thời đương khốc liệt của hai cái mới cũ” (tr.167).

Ông kết tội quan niệm “mua nàng dâu” cũ đã man chẳng

khác gì chế độ nô lệ:

“Giữ lấy gia đình! Nhưng xin đừng làm gia đình với giữ lại nô lệ. Cái chế độ nô lệ bỏ từ lâu, mỗi lần ta nghĩ đến không khỏi rùng mình ghê sợ! Ấy thế mà có ai ngờ đâu còn cái chế độ khôn nạn ấy trong gia đình An Nam.

Chắc các ngài sẽ sững sốt cho lời tôi nói là lạ. Nhưng thử hỏi: bị người ta bỏ tiền ra mua về và bị coi như thuộc quyền sở hữu của người ta, như thế không là nô lệ thì là gì nữa.” (tr. 168)

Phần cuối bài cãi, trạng sư dường như đời hẳn mảnh đất lý trí của nhà luật học mà sang hẳn miêng đất tình cảm, lời cãi thật thống thiết: *“Thị Loan chỉ có một tội là tội cấp sách đi học để rèn tập tâm trí thành một người mới, rồi về chung sống với những người cũ, Thị Loan chỉ có mỗi một tội đó. Nhưng tội ấy, Thị Loan đã chuộc lại bằng bao nhiêu năm đau khổ.*

“Tha cho Thị Loan tức là các ngài làm một việc công bằng, tức là tha cho một người đã bị buộc tội oan, tha cho một người đau khổ đã bị phí cả một đời thanh xuân và đã đem thân hy sinh cho cái xã hội mới cũ khắt khe này”. (tr.169)

Đó là luận đề mới cũ xung đột, luận đề chính của *Đoạn Tuyệt* xảy ra cho Loan là nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết.

Thiết tưởng chúng ta cũng không nên quên một luận đề phụ ở một nhân vật phụ, ấy là thái độ chính trị của Dũng mà cũng là của tác giả. Luận đề phụ này hoàn toàn xuất hiện ở phần hai chương bốn của câu chuyện.

Một buổi chiều về cuối năm, Dũng đứng chân ít ngày ở đồn điền một người bạn thân tên là Độ. Bằng những lời văn giản dị nhưng rất gợi cảm, tác giả thuật lại tình cảm, ý nghĩ rồi lời đàm thoại của Dũng:

“Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên khiến Dũng nghĩ đến cái đời của dân quê, cái đời lạnh lẽo, vô vị kéo dài đã mấy ngàn năm. Đã mấy ngàn năm, họ sống như bóm lầy

mảnh đất già cỗi, xưa thế nào giờ vẫn thế, vui ít, khổ nhiều, bao giờ cũng thắm đậm như buổi chiều đông này, không hề khao khát một cảnh đời sáng sủa hơn, mong ước một ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay.

Chiều hôm ấy Dũng cảm như thấy tâm hồn của đất nước, mà biểu hiện cho đất nước ấy không phải là những bậc vua chúa danh nhân, chính là đám dân hèn không tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân.” (tr..87)

“Dũng vẫn thấy mình là một người dân và cảm thấy cái thú man mác được hòa với đám dân không tên không tuổi, sống cái đời của họ sống, mong ước như họ mong ước, khác nào một cây cỏ lẫn vào trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội. Nhưng trong cái thú hòa hợp ấy có lẫn chút rạo rục, náo nức: vì chưa được thỏa nguyện về hiện tình của dân quê nên còn khao khát mà sự khao khát không diễn được nên lời ấy, nó bắt Dũng tin ở sự thay đổi, tin ở công việc Dũng làm trong bấy lâu và có lẽ còn làm mãi mãi, chưa biết bao giờ nghỉ.

Độ nhìn Dũng thương hại cho bạn bấy lâu sống cuộc đời gian nan, vất vả, phiêu bạt khắp bốn phương trời. Chàng gạt tàn thuốc lá thờ dài, nói vắn vơ một câu như để mong an ủi bạn:

- Sống không nghĩ ngợi như bọn dân kia thế mà lại sướng.

Dũng đáp:

- Tôi không nghĩ như anh, vì tôi tin ở sự tiến bộ. Ta có thể làm cho họ hơn lên được. Có lẽ họ đã quen với cái khổ lắm rồi, nên họ không biết khổ nữa, hay họ có biết cũng không tỏ ra được ... Ta phải diễn ra cho họ và những sự ta mong ước cho họ, ta phải làm cho họ mong ước như ta. Tôi vẫn hằng mong ước dân quê đỡ phải chịu hà hiếp, ức bách. Ta phải tin rằng sự ao ước ấy có thể thành sự thực và làm cho

dân quê cũng mong một cách thiết tha như ta”. (tr.88)

Vậy nói một cách tổng quát Luận đề chính của *Đoạn Tuyệt* là mối cũ xung đột, trong đó Nhất Linh kịch liệt đả kích quan niệm hôn nhân lỗi thời cũ, cùng những hủ tục khác và ông đòi giải phóng cá nhân khỏi xiềng xích cả gia đình. Cá nhân phải được tự do tự lập.

Luận đề phụ là thái độ của tác giả (qua nhân vật Dũng) về vấn đề cải thiện dân sinh. Tác giả tuy có theo nguyên tắc “Dân vi quý” của Mạnh Tử nhưng có thái độ tích cực hơn ở điểm đòi giáo hóa cho người dân biết ham muốn đời sống mới. Lòng ham muốn đó chính là động cơ thúc đẩy cuộc cách mạng dân sinh.

Phê bình *Đoạn Tuyệt*

I. Kết cấu và động tác câu chuyện

A. Nhận xét tổng quát

Khởi đầu hãy xin đơn cử ra đây những dòng nhận xét ngắn gọn và xác đáng của ông Phạm Thế Ngũ, sau đó xin có ý kiến bình luận thêm.

Câu chuyện kết cấu khả giản dị. Chủ ý tác giả là trình bày cuộc xung đột giữa mới và cũ, giữa cá nhân và gia đình. Phần một là sự trạng xui nên nạn nhân phải bước vào hoàn cảnh xung đột. Phần hai là tất cả tình tiết của xung đột và phần ba là cuộc xung đột chấm dứt đưa đến mới thắng cũ, cá nhân đoạn tuyệt với gia đình. Mặt khác thì lại còn là một câu chuyện tình, có ý vị lãng mạn nữa. Phần một là mối tình của Dũng và Loan. Họ chia ly để phần hai Loan bước vào con đường bất hạnh và phần ba nàng ra khỏi cơn ác mộng trở về với Dũng. Thành ra một câu chuyện hóa hai. Ta có cảm tưởng như nếu chỉ trình bày một bức tranh xung đột xã hội thì thiếu hấp dẫn, nên tác giả đã đem mối tình của Dũng mà dàn lên trên cho có thi vị lãng mạn, rồi bằng sự quay về của Dũng mà tăng thêm phần vẻ vang và sung sướng cho sự đắc

*thắng của Loan.*¹⁴

Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy cách kết cấu câu chuyện khá chặt chẽ và động tác khi khoan, khi mau, rất uyển chuyển, khiến câu chuyện giữ được vẻ hấp dẫn đặc biệt. Câu chuyện kết thúc bỏ lửng nhưng vẫn hé cho độc giả thấy cuộc đời toại nguyện của Loan được xum họp với Dũng sau này. Đúng như nhận xét của ông Phạm Thế Ngũ, lối giải kết bỏ lửng đó chính là đặc điểm của nghệ thuật mới vượt ra ngoài sáo xưa.

B. Một vài tình tiết không hợp lý

1. Một nét tâm lý của Loan

Ở ngay chương I phần một, tác giả đã cho chúng ta thấy cảnh Loan, Dũng gặp nhau với những cử chỉ ngôn ngữ tế nhị, chứng tỏ tình yêu kín đáo giữa hai người. Nếu chúng ta lại nhớ đến Đôi Bạn chỉ để tả mối tình kín đáo của Loan Dũng. Sang đến chương II của *Đoạn Tuyệt*, Loan đích thân đến thăm Dũng ở căn gác trọ tồi tàn của chàng. Dũng lúc đó đương sắp va-li để sửa soạn đi, Loan đã lò mò nhìn ra một cái ảnh nửa người của nàng chụp hai ba năm trước:

“Nàng lấy làm lạ vì nàng không hề tặng Dũng bức ảnh nào. Cảm động nàng nhìn bức ảnh của nàng mà Dũng có lẽ vì yêu nàng đã lấy trộm và lúc đi lại nhớ đem theo đi ... Nàng thấy trong lòng man mác, sung sướng...” (tr. 14).

Vậy thì mối tình đó có, Loan Dũng và cả độc giả nữa, tưởng không còn ai nghi ngờ được nữa. Ấy thế mà sau vài câu chuyện, Loan lại hờn giận nghĩ như sau:

“ ... Dũng nói luôn mấy câu nữa, nhưng nàng không để ý đến. Nàng đã biết được điều nàng muốn biết: là Dũng không yêu nàng, trước sau chỉ coi nàng như một người bạn.” (tr. 18).

¹⁴. Phạm Thế Ngũ - Bài Viết văn kỳ thi Tú Tài quyền III – trang 241 – Phạm Thế Ngũ –Quốc học Tùng Thư

Cả chương II, Nhất Linh tả tâm trạng thất lạc của Loan về tình yêu của Dũng, điếm mà lẽ ra không ai còn nghi ngờ nữa, nhất là – tôi nhắc lại – khi chúng ta liên tưởng đến *Đôi Bạn* (Điều này dưới đây khi bàn đến *Đôi Bạn* tôi còn nhắc tới). Cho đến khi đọc hết chương II này, người ta có cảm tưởng như chứng kiến Loan đến gõ một cái cửa bỏ ngõ rồi lại quay về mà than phiền rằng cửa vẫn đóng.

2. Loan sinh con trai và bị mổ

Chương V phần hai, Loan sinh con trai nhưng suýt nguy đến tính mạng vì đẻ khó, phải mổ và hết đường sinh đẻ. Cả một sự kiện quan trọng như vậy, tác giả chỉ thuật lại sơ sài:

Cô đỡ nói:

- Bà ấy sốt, lúc đẻ khó khăn lắm, phải mổ. Nhưng bây giờ đã khỏi. (tr. 96)

Từ lúc mổ đến lúc khỏi sao nhẹ nhàng thế? Và lẽ nào Loan đẻ khó phải mổ mà Thân không hề biết? Lông lẻo ở chỗ đó.

3. Loan hấp hối

Sang chương VI, Loan hấp hối, viết thư gọi Thảo đến giường bệnh căn dặn trả dùm tiền thuốc và tiền buồng, nhờ bạn nói dùm với Dũng là đến phút cuối cùng, nàng cũng không quên Dũng. Sang chương VII, chúng ta đã thấy Loan đi chơi đèn Mầu với bà Huyện Tịch và suốt mấy giờ nàng được thỏa thích chạy chơi hết các đồi gần đèn Mầu.

Đã đành việc khỏi bệnh bất ngờ đó đã được sửa soạn trước ở chương VI:

Thảo đoán là vì có chuyện bực tức gì khác chứ không phải là vì bệnh trạng nguy kịch mà Loan thốt ra những câu chán nản ấy. Thảo xem ra Loan cũng không ốm nặng lắm, tuy bệnh kéo dài đã gần một tháng...” (tr. 102).

Tuy nhiên ta thấy vẫn chưa đủ và chương VI này cũng lỏng lẻo như chương V trên.

4. Loan đi chơi đèn Mầu với bà Huyện Tịch

Bà Huyện Tịch là một người cô của Thân, xưa nay Loan vẫn ghét bà ta nhất vì bà hay súi bà Phán Lợi. Mới ngày nào bà Tịch cười hỏi Bà Phán:

“Thế nào, cô trắng răng đã về rồi đấy ư?”

Rồi lại nói:

“Đấy tôi đã can chị, chị không nghe, cứ đi rước những thứ ấy về. Rước những hạng tân thời ấy về để nó làm bại hoại gia phong nhà mình. Nó học giỏi mặc nó chứ, nhà mình là nhà có phép tắc nề nếp.”

Rồi quay sang nói với Thân:

“Thế nào là dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về. Cũng tại anh cả, quen chiều vợ, để mặc nó làm gì thì làm, bây giờ thì nó đã quen thân, mất nét, chặm quá rồi... Hồng” (Chương II, phần hai, tr. 79).

Ấy thế mà đến chương VII, Loan đã nghiêm nhiên được bà Tịch mời đi thăm đèn Mầu trên ô tô của bà y như chỗ thân tình, vẫn quý hóa nhau từ xưa đến giờ.

Đã đành có nhiều trường hợp trước ác cảm, sau cảm tình, nhưng sự biến chuyển tâm lý đó, đòi hỏi sự giải thích. Sự giải thích đã hoàn toàn không có ở đây. (Việc đi chơi xa này của Loan cần để có sự bất ngờ gặp Dũng bị thương và xe hỏng ở giữa đường rừng).

5. Các chị em nhà chồng có dám nói mĩa Loan?

Chương XII phần hai, nhà chồng có giỗ:

“Loan ngồi riêng ra một nơi, cúi đầu yên lặng, không dục vào câu chuyện của chị em họ. Nàng biết trước rằng sẽ có dịp

gặp nhau là họ nói cạnh nói khoe nhau và đem những chuyện tư chuyện riêng ra nói cho hả dạ. Ngoài những chuyện ấy ra, họ cũng không biết chuyện gì, cũng như sống ở trên đời ngoài những cỗ bàn bếp nước họ cũng không còn chuyện khác nữa .

...

Gớm, chị trưởng hôm nay sao mà nghiêm trang thế?

Loan phải vội ngừng lên mỉm cười vì nàng biết là họ bắt đầu muốn sinh sự. Một cô nữa vừa mỉm cười, vừa nói tiếp:

- Nghiêm trang không đúng. Phải nói chuyện khinh khỉnh. Người ta là nữ văn sĩ kia mà, ai thèm nói chuyện với bọn quê mùa như các chị". (tr.140)

Chúng ta đã biết Loan là một cô gái thông minh có học, bướng bỉnh, lý sự lại khôn ngoan ở chỗ bướng bỉnh lý sự trong khuôn phép, trong lễ phải (tỉ như lời nàng thưa lại với mẹ chồng (tr. 77). Chính bà Phán Lợi tuy ghét nàng mà vẫn phải gờm nàng. Bích là cô em chồng đành hanh, tuy có nhiều lần hỗn xược với nàng nhưng nàng khinh không thèm chấp. Loan như vậy liệu các chị em nhà chồng có dám nói mĩa nàng như trên không và Loan cố chịu mỉm cười im lặng không? Tôi tin là không! Vì vậy những nét tâm lý trên đây mất phần thống nhất.

6. Loan và Thân dọn nhà lên Hà Nội

Chương I, phần ba.

Loan thấy Thân nằm bên cạnh, chốc chốc lại vật mình thờ dài. Nàng biết Thân tức bực lắm, vì Thân chỉ đợi nàng tắt đèn đi ngủ là xuống nhà dưới với Tuất, vì từ hôm dọn nhà lên Hà Nội để chữa lại nhà ở dưới Ấp, Tuất về quê vắng, hôm nay vừa mới lên. (tr.144)

Trong chương này có vụ ngộ sát. Tác giả muốn vụ ngộ sát đó xảy ra tại địa phận Hà Nội chăng, nên mới có vài lời giải thích sơ sài là dọn nhà lên Hà Nội để chữa lại nhà ở dưới

Áp. Cho tới chương này độc giả mới đột nhiên được biết bà Phán Lợi vẫn có nhà trên Hà Nội. Nhà đó hẳn không nhà cho thuê bởi một lẽ rất giản dị là Thân và Loan dọn lên ở ngay khi nhà dưới Áp chữa lại. Như vậy khi cả nhà bà Phán Lợi ở dưới Áp thì nhà đó bỏ hoang? (Căn cứ vào các tình tiết trong truyện, độc giả nào cũng phải nhận rằng cả nhà bà Phán Lợi đều ở dưới Áp). Thành thử độc giả có cảm tưởng viết đến đâu thấy cần thêm chi tiết nào, tác giả tới lúc đó mới nhét thêm vài lời giải thích vào đó.

7. Sự tình cờ đẫm máu

Sau cùng trong phần nhận xét về kết cấu và động tác này chúng ta cũng nên nhắc đến sự tình cờ đẫm máu ở chương I, phần ba.

Trương Tửu chê *Đoạn Tuyệt* là đã phải nhờ ở một sự tình cờ và một nhà văn khác đã chê lối giải quyết ấy là đẫm máu.

Hai ý kiến đó đều không phải là không sáng suốt. Kể ra khi đọc xong cuốn truyện, gấp sách lại ta cũng phải đặt câu hỏi: “Ngộ không xảy ra sự tình cờ đẫm máu thì cuộc đời Loan sẽ ra sao, nàng sẽ hành động cách nào để chuyển bại thành thắng cho quan niệm mới.”

Sở dĩ độc giả khi vừa đọc tới chương đó không kịp đặt câu hỏi, vì động tác chương này dồn dập, tình thế căng thẳng dần cho đến lúc tai nạn xảy đến, lời văn thuật chuyện rất hấp dẫn. Chính phần nghệ thuật đã cứu vãn cho sự sơ hở của phần nội dung trong chương này.

II. Nhận xét về sự tiến triển tâm lý của các nhân vật

1. Loan

Tôi đã trình bày ở chương trên đây là sự tiến triển của tâm lý Loan rất uyển chuyển và hợp lý.

Ông Lê Hữu Mục viết trong cuốn *Khảo Luận về Đoạn Tuyệt* là “...Ông Nhất Linh đã thiên vị khi ông cho Loan

‘muốn yêu mà không thể được’, tuồng như ông cho rằng lời ấy không phải là ở Loan, nhưng là ở Thân với nét mặt và đời sống quá tầm thường của chàng. Ông có biết đâu lúc nào tâm hồn Loan cũng chứa đầy hình ảnh của Dũng thì còn yêu ai được nữa.’¹⁵

Không ai chối cãi tâm hồn Loan chứa đầy hình ảnh của Dũng, và sang thời mới, trai gái đã tương đối được tự do nhiều thì việc người con gái về nhà chồng mang theo trong lòng một vài vương vấn nào không có chi lạ. Tôi vẫn nghĩ rằng Thân có thừa ưu thế để xóa hình ảnh Dũng trong tâm hồn Loan, nếu Thân không quá đàn độn, tầm thường như vậy. Sự tan vỡ kia Thân hoàn toàn không chịu trách nhiệm.

Phê bình tâm lý Loan, ông Phạm Thế Ngũ viết:

“Người đàn bà ở thời nào cũng vậy, như chúng ta nghĩ, bản tính dễ quen, dễ hòa đồng, dễ uốn nắn, lại thường lấy sự thành thật, sự mềm yếu mà dễ gây thiện cảm với chung quanh. Ở đây ta thấy một mẫu phụ nữ ít có: không thẹn thùng, không e dè sợ sệt, chủ quan, cứng cỏi, kiêu hãnh, lý sự, mới đến cùng. Nhất là về sau, khi đã thoát khỏi gia đình Thân, trở về nhà, bán nhà cửa, dẹp bỏ bàn thờ tổ tiên, một mình lặn lội vào xóm nghèo, mở lớp dạy học, rồi lại giải tán lớp học, vào làm báo, hàng ngày đi bộ trên một cây số để đến nơi làm việc: Loan trở nên một phụ nữ phi thường, một nữ siêu nhân. Tâm lý Loan vì thế có chỗ thiếu sự thực linh hoạt”.¹⁶

Nhận xét của ông Phạm Thế Ngũ thật xác đáng, nhất là việc dẹp bàn thờ tổ tiên, tôi sẽ đề cập ở phần bình luận đề. Ở đây có lẽ chúng ta phải nghĩ: *Đoạn Tuyệt* là một tiểu thuyết luận đề, Loan chính là một phụ nữ lý tưởng thời đó mà tác giả nêu ra để chuyên bại thành thắng cho phái mới. Sau khi *Đoạn Tuyệt* ra đời, dư luận có xô xao, rồi rút cuộc quan niệm cũ phải tỏ vẻ kiên nhẫn và có thái độ hiểu biết hơn với quan niệm

¹⁵. Lê Hữu Mục – Khảo Luận về Đoạn Tuyệt – tr. 65 – Khai Trí xuất bản.

¹⁶. Phạm Thế Ngũ – Bài Việt văn kỳ thi Tú Tài – Quyển III – tr 243 – Quốc học Tùng thư.

mới, điều đó là công lớn của Nhất Linh bù vào cái tội quá khích của ông qua nhân vật Loan.

2. *Dũng*

Thoạt xuất hiện một cách êm ả, bình thường, nhưng về sau chàng trở thành một nhân vật huyền bí, ẩn hiện bất ngờ. Chính hành tung bí mật kèm theo mối tình u uẩn của chàng với Loan đã làm độc giả có cảm tình nồng nhiệt với nhân vật này. Dũng trong *Đoạn Tuyệt* có phong độ một Phạm Thái tung hoành với chí lớn nhưng vẫn mang trong lòng hình ảnh của Trương Quỳnh Như.

3. *Các nhân vật phụ khác*

- *Lâm, Thảo*, đôi bạn tốt của Loan-Dũng, luôn luôn biết thương bạn, hiểu thấu những thắc mắc của bạn và hết sức an ủi giúp đỡ bạn khi cần.

- *Thân*, một anh chồng tâm thường, ngu hèn từ nét mặt, cử chỉ đến ngôn ngữ.

- *Bà Phán Lợi*, người mẹ chồng cay độc, khi thì mát mẻ, khi thì hung hãn nhưng tất cả những lời nói cùng hành động khác nhau đó đều vụ mục đích hành hạ Loan.

- *Bích*, cô em chồng vô học, đánh đá v.v...

Mỗi nhân vật phụ đều có cá tính riêng và giữ được cá tính đó từ đầu đến cuối.

III. Nhận xét về luận đề *Đoạn Tuyệt*

Luận đề mới cũ xung đột! Ở *Đoạn Tuyệt*, Nhất Linh dụng tâm quy tụ mọi tật xấu của xã hội cũ: nhưng quan niệm lỗi thời về hôn nhân, cưỡng ép trong việc gả bán, hạ thấp nhân cách của người đàn bà, nạn đa thê, cùng những hủ tục khác như mê tín dị đoan.

Tuy nhiên, ở *Đoạn Tuyệt* có những điểm quá trớn.

1. Đối với mẹ chồng

Hãy nghe Loan đối đáp với mẹ chồng:

- *Không ai có quyền chửi tôi, không ai có quyền đánh tôi.*
- *Tao có quyền, mà chửi lại xem nào?*

Loan quay lại:

- *Tôi không quen chửi, chửi người khác tức bản mồm mình.*

Ở Tòa ra, Loan xin lỗi mẹ chồng bằng một giọng ngang hàng:

- *“Tôi xin lỗi bà ... còn như bà, nếu bà vẫn coi tôi như một kẻ thù, đó là quyền riêng của bà...”*

Đọc nhưng đoạn như vậy chúng ta chẳng khỏi cảm thấy bùi ngùi chua xót. Bùi ngùi chua xót cho sự va chạm đau thương giữa Mới và Cũ. Bùi ngùi chua xót cho giá trị đạo đức cố hữu của dân tộc bỗng chốc bị phá hủy vùi dập. Đạo đức truyền thống của dân tộc là đạo hiếu, là kính lão đắc thọ. Bậc làm cha mẹ hầu hết để lại những gương hy sinh đáng quý. Còn việc mẹ chồng nàng dâu thường xảy ra bất hòa cũng là lẽ dễ hiểu chung cho cả Đông lẫn Tây (các bà mẹ thường cảm thấy tình mẫu tử bị xâm phạm, chia sẻ).

2. Theo mới đến cùng

Theo Nhất Linh, tất cả những gì của xã hội cũ đều hủ bại, bởi vậy Nhất Linh đã để Loan đòi theo mới đến cùng. Sự thực có cái mới nào mà hoàn toàn ly khai hẳn cái cũ? Hiện tại luôn luôn bắt nguồn ở dĩ vãng để tiến triển vào tương lai. Mặc dầu cố tình thóa mạ cái cũ, mà vô tình đôi chỗ Nhất Linh vẫn để thoát ra những cái đẹp cố hữu của nếp sống cũ:

- *Tình bằng hữu đáng quý của Lâm, Thảo há chẳng phản ánh tâm hồn trung hậu của nếp sống cũ?*

Hãy nghe lời đối thoại giữa Loan với con sen:

- *Thưa cô, miễn ở với cô có đủ cơm ăn là con xin ở mãi. Tiền công cô cho mấy tháng nay, con chỉ ăn quà và tiêu nhảm.*

- *Thế còn chồng con chị?*

- *Thưa cô, con chưa có cháu nào. Còn chồng con nói đi làm thợ mộc cũng đủ tiêu, con không cần phải lo.*

Rồi con sen cười để che cảm động:

- *Ở với cô chẳng bao giờ sợ đói. Thế là đủ. Mà đâu có đói đi nữa thì hai cô cháu cùng đói. Xin cô đừng ngại. (tr. 195).*

Đó há chẳng là nghĩa tứ thầy vô cùng đáng quý của nếp sống cũ?

3. Cá nhân quá trớn

Chỉ cần đơn cử đoạn văn sau này ở đầu chương X, phần ba:

“Loan mở cửa bước vào nhà rồi uể oải đặt mấy cái gói giấy lên bàn. Nàng vừa ở phố về, mua mấy thức lặt vặt để dùng trong ba ngày Tết vì, sáng ngày con sen đã xin phép nàng về quê. Đưa mắt nhìn gian nhà vắng vẻ, tự nhiên Loan thấy buồn bã lạ thường. Trong lúc năm hết Tết đến, Loan còn cảm rõ nỗi cô độc của nàng, một thân một mình sống trôi nổi; gian nhà này mỗi khi về nàng thấy ấm cúng bao nhiêu thì chiều hôm nay có vẻ lạnh lẽo bấy nhiêu.”(tr. 205).

Sự thực cảnh lạnh lẽo này đâu chỉ vì thiếu có con sen? Đó chính là cảm giác cô độc của một cá nhân, không còn cha mẹ, không còn họ hàng thân thích. Niềm cô độc đó lại càng rõ rệt, chua xót giữa một nếp tình cảm truyền thống: năm hết Tết đến, ai nấy ao ước được đoàn tụ trong không khí ấm cúng của gia đình. Tới đây liệu Loan có dám thực tình ca ngợi tự do cá nhân như một cái gì siêu việt tuyệt vời? Tới đây liệu

Loan có thấy hồi nều nàng nhớ lại quan niệm quá khích của nàng khi xưa:

“Nó có đời của nó, nhón lên nó phải hoàn toàn sống cái đời của nó. Theo lệ cũ, thì con mình cả đời chỉ quanh quẩn lấy mình thôi, quanh quẩn với những bốn phận trong gia đình. Khi bố mẹ còn trẻ thì bố mẹ bắt con theo ý mình, đến khi bố mẹ già, nếu bố mẹ không lo liệu lấy thân thì tất nhiên con nó phải bận mưu sự sống cho bố mẹ. Tôi muốn nó có lòng kính yêu tôi mà không bao giờ phải bận vì tôi.” (tr. 84).

Khi còn bé, cha mẹ dạy dỗ mình, khi đã trưởng thành mãi mãi cha mẹ là cố vấn cho mình. Và khi cha mẹ đã về già, bốn phận cao quý của kẻ làm con là phải nuôi nấng, săn sóc lo lắng đến sức khỏe của các người.

4. Quá trớn trong quan niệm đã phá việc thờ cúng

Sau khi được tha trắng án, Loan trở về sống với cha mẹ. Ít lâu sau bà Hai cũng bị bệnh mà mất. Loan bán nhà, bỏ bàn thờ. Lời Loan nói với bà dì:

- Lư hương với cây nến cháu đã bán đi rồi, đấy chỉ là cái bàn không, cháu để lại cho chủ mới.

...

Cháu thì cháu chỉ biết thờ ở trong lòng. Cần gì phải thờ, cần gì phải người thừa tự. (tr. 185)

Đồng ý với quan niệm trọng nam khinh nữ phải bỏ, không cần lập người thừa tự, nhưng đâu có phải vì thế mà bỏ hẳn việc thờ cúng tổ tiên? Ông Phạm Thế Ngũ phê bình: *“Còn như chủ trương chỉ thờ tổ tiên ở trong lòng như lời Loan nói thì hoặc là nguy biện hoặc là lý tưởng cao xa quá. Sự thờ cúng nào mà chẳng cần đến một tối thiểu hình thức lễ nghi. Không có hình thức bên ngoài thì rồi đối tượng bên trong cũng không còn nữa.”*

IV. Văn Chương *Đoạn Tuyệt*

Lời văn trong sáng, nhận xét tế nhị, gợi hình gợi cảm.

Cả chương V, phần một, Nhất Linh đã khéo gợi lại được cuộc gặp mặt với những rung động tâm tình tế nhị của những cặp tình nhân muôn thuở.

Những câu tả cảnh của Nhất Linh ít khi là tả cảnh thuần túy, thường có lẫn quất tâm tình:

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như giấc mộng; mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng lặng yên đợi gió.
(tr. 86)

...

Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây, lướt thướt trên cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong queo như đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thổi com chiều của một vài nhà dân không còn có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám mầu lam ôm ấp lấy các mái tranh. (tr. 87)

Cảnh đêm giao thừa ở miền trung du, hòa với tình Dững yêu Loan khi chàng tha thiết nhớ đến nàng, tất cả đã được Nhất Linh ghi thành những dòng vô cùng gợi cảm sau đây:

“Lờ mờ dưới ánh sao, giòng sông lẩn trong sương lạnh lẽo, mơ màng uốn khúc. Sau những chòm cây đen rải rác dưới chân đồi, đèn nến cúng giao thừa ở trong các nhà dân quê thấp thoáng ánh lửa vàng.

Dững lắng tai cố nghe tiếng pháo ở những nơi xa xa rồi lại xa hơn đưa lại và tưởng tượng theo những tiếng pháo đó

cứ mỗi lúc một đi xa mãi cho đến tận phía chân trời, nơi Loan ở.”(tr, 93)¹⁷

Tổng kết về *Đoạn Tuyệt*

- Kết cấu khá chặt chẽ, động tác uyển chuyển. Tuy nhiên xét kỹ thấy có những chi tiết lỏng lẻo.

- Sự tiến triển tâm lý của các nhân vật (chính cũng như phụ) đều giữ được vẻ hợp lý.

- Luận đề *Đoạn Tuyệt*: đúng ở phần bài bác những hủ tục, nhưng quá khích ở một vài điểm khác.

- Văn chương *Đoạn Tuyệt*: trong sáng, gợi hình, gợi cảm.

¹⁷. Cả nửa bài “Giây phút tranh lòng” (cảm đề truyện *Đoạn Tuyệt*) của Thế Lữ là nói đến giây phút trên đây của Dững:

*Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan,
Trong lúc gần xa pháo nổ ran,
Rũ áo phong sương trên gác trọ,
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.*

*Ta thấy xuân nồng khắp mọi nơi,
Bên đường rộn rã tiếng đùa cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm nọ,
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.*

*Lòng ta tha thiết đượm tình yêu,
Như cánh đồng xuân nhuộm nắng chiều,
Mắt lệ đẫm trong miền cách biệt,
Phút giây chùng mồi gói phiêu lưu.*

*Cát bụi tung trời – Đường vắng vã,
Còn dài – Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy,
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân.*

ĐÔI BẠN¹⁸

I. Sơ lược câu chuyện

“Dững vì vui anh em bãi khóa để tang cụ Phan Chu Trình về quê ở với cha là ông Tuần. Chàng sống ngọt ngào trong nếp sống đồ kỹ và kiêu cách của một gia đình quan liêu. Chàng yêu Loan và Loan cũng yêu chàng, nhưng cả hai cùng không bao giờ ngỏ lời yêu ấy với nhau. Đồng thời chàng và Trúc, một người bạn thân nhất, vẫn đi lại với các đồng chí. Ông Tuần hỏi cô Khánh cho chàng. Chàng không chối từ. Gần ngày cưới, chàng và Trúc bỏ đi sang Tàu”.

Đây là cuộc sống của người thanh niên lãng mạn trong một khung cảnh ngọt ngào, tuy im lặng mà chứa đầy bão tố vì là một tổng hợp của những mâu thuẫn.

II. Phê bình tổng quát

Đôi Bạn ra đời nhờ sự thành công quá rực rỡ của *Đoạn Tuyệt*. Ở *Đoạn Tuyệt*, Dững là một nhân vật khi ẩn khi hiện, huyền bí. (Hãy nhớ lại cảnh chàng bị tai nạn ô tô, vấp xe đi nhờ thì lại gặp xe Loan). Hành tung bí mật của chàng, sự tự đầy đọa thân thể vì một lý tưởng nào đó mà tác giả chỉ phác

¹⁸. Những đoạn trích trong bài này căn cứ vào quyển *Đôi Bạn* do Văn học Hương Anh xuất bản tại Ba Lê – 1951.

qua, làm cho độc giả yêu say mê con người đó. Cho nên có thể nói: khai thác cảm tình của độc giả đối với Dũng với vòng hào quang lãng mạn của chàng, Nhất Linh đã viết *Đôi Bạn*.

Nếu trong *Đoạn Tuyệt*, vai chính là Loan thì trong *Đôi Bạn* vai chính là Dũng. Chúng ta ngạc nhiên thấy ở đây một cô Loan nhu mì yêu đương một cách hoàn toàn không vụ lợi, sung sướng với mối tình gần như tuyệt vọng của mình, khác hẳn con người kiêu hãnh và lý sự của *Đoạn Tuyệt*.

Ở *Đôi Bạn* trước hết, ta thấy trung tâm vũ trụ của Dũng là Loan và chính cả chàng nữa. Mỗi chương trong chuyện đều có ít nhiều dính dáng đến Loan.

Có thể nói Loan như một viên đa nam châm quy tụ tất cả những ý nghĩa của chàng. Yêu đến thế mà bằng một tình yêu vô cùng tế nhị, ta thấy từ đầu đến cuối chuyện, chàng không hề bao giờ ngổ lời nói chuyện yêu đương với nàng. Cái lối “yêu tôn thờ” luôn luôn chơi ú tim với chính mình, với người yêu là một lối cực lý lãng mạn nhập cảng từ Tây phương vào. Yêu đến thế mà chàng không muốn lấy nàng, sợ tình yêu sau này sẽ phai lạt, sẽ không đẹp đẽ bằng tình yêu tôn thờ hiện tại.

Đó là một người luôn luôn đau khổ ngấm ngấm, nét mặt luôn luôn đăm chiêu, luôn luôn tự chuốc cho mình những nỗi đau khổ lẽ ra không có hay không nên có. Tình yêu giúp chàng tưởng tượng sẽ lấy Loan, sẽ về ở ấp Quỳnh Nê. Những câu hỏi cuối cùng: “Rồi sao nữa, cứ thế cho đến suốt đời ư?”. Chàng nghĩ đến sự suốt đời một cách ghê sợ và tưởng tượng ra một cuộc sống đều đặn buồn buồn, điều mà chàng ghét hơn hết. Ở đâu cũng đau khổ, cái gì cũng làm chàng đau khổ. Chàng là người không ưa băng bó vết thương lòng của mình lại, mà cứ tìm cách cấu xé thêm lòng mình ra với một vẻ thích thú mà ta thường thấy có ở những nhân vật chính của Dostoievsky. Tựa như người lên nhọt biết nặn ra là đau đớn mà cứ nghiền răng cố nặn để rồi nước mắt chan hòa và miệng xuýt xoa một cách khoái lạc.

Ở con người ấy, tâm trí hoàn toàn ly dị nhau và luôn

luôn chống đối nhau. Với một lý trí vô cùng minh mẫn, chàng không ưa suy xét mà ưa cảm xúc. Vì thế cho nên đó là một con người rất ít hành động, tuy suy tính rất nhiều và mỗi khi hành động đều có tính cách liêu lĩnh. (Hãy đọc lại lý do khiến Dũng và Trúc bãi khóa, rồi đọc đến đoạn Dũng trốn sang Tàu). Nhưng nếu hành động không thực tế, suy nghĩ liêu lĩnh, trái lại đó là một nhà thơ hoàn toàn về lối cảm nghĩ. Chỉ một xúc động rất nhẹ nào đó cũng khiến chàng say sưa ngây ngất. Hãy đọc lại đoạn chàng trông thấy bóng cửa chan hòa ánh nắng in hình trong gương, hãy nhớ lại ý nghĩ của chàng sau khi qua bến đò Gió, đoạn ngồi uống nước trà, nghe mưa rơi... ta sẽ thấy chàng thanh niên ấy nghệ sĩ đến mức nào, cảm xúc của chàng mẫn nhuệ biết chừng nào. Bất cứ một chi tiết đẹp đẽ nào cũng làm cho chàng mơ mộng được: Một con bướm trắng bay lên trời xanh, những hoa cải vàng treo phơi trên dây thép, một đồng cỏ gió gợn...

Cuối cùng đó là một con người hay tủi thân vì rất nhiều tự ti mặc cảm và cũng lại rất nhiều tự thượng mặc cảm nữa. Chàng tự ti mặc cảm đối với đồng chí "*cái giàu sang của tôi đối với tôi chỉ là một cái nhọc*". Nhưng đối với các anh ruột chàng và những người ở cùng tầng lớp với chàng thì chàng rất nhiều tự thượng mặc cảm, chàng so sánh bà với một gốc cây cối, người ta đem khoe hôm thượng thọ. Chàng không hiểu về mặt hồng hào, phì nộn và thỏa mãn của những kẻ đến dự lễ thượng thọ bà chàng. Chàng khó chịu vì cha chàng đêm đêm lên sang nhà bà Ba. Sau cùng chàng vô cùng khinh bỉ lẽ lối cư xử đối đãi giữa hai anh và hai chị dâu của chàng.

Về phương diện xây dựng, ta phải nhận rằng quyển *Đôi Bạn* lỏng lẻo hơn các tác phẩm của Nhất Linh nhiều. Dây liên lạc của mỗi chương với nhau hờ hững đến nỗi có thể coi đó là những truyện ngắn liên tiếp.

Truyện gần như không có cốt truyện.

Nhưng ta cũng phải nhận rằng chưa bao giờ ngòi bút

Nhất Linh tế nhị như trong tác phẩm này. Nguyên bài đầu *Nhật Lá Bàng* thay lời tựa cũng đủ để so sánh với bất cứ bài thơ nào. Rồi suốt những chương sau cũng vậy. Mỗi lần tác giả tả cảm xúc của Dũng, của Loan hay cả của Trúc nữa, ta lại thấy xuất hiện những lời thơ xuôi sao mà tinh tế và trữ tình, nhất là ở chương cuối cùng kể lại cuộc đi chơi từ biệt của Dũng và Loan trước khi Dũng lên đường.

(Ý kiến của Giáo sư Lý Quốc Sinh)

III. Không khí Cách mạng trong *Đôi Bạn*

A. Những câu chuyện tình

Có thể nói *Đôi Bạn* là một tập truyện tình đan lát trên một nền hoạt động cách mạng bí mật.

1. Mối tình Loan - Dũng:

Mối tình này là mối tình chính yếu trong truyện. Sau cùng Dũng cùng Trúc trốn sang Tàu.

2. Mối tình Trúc – Hà:

Trúc là bạn học thân của Dũng. Không nhà, không cửa, không vương víu đến ai cả. Trước đây hai người đã cùng nhau nhảy ra khỏi trường trong dịp bãi khóa, rồi Trúc trông coi ấp Quỳnh Nê cho Dũng. Trúc là một thanh niên vui vẻ, hồn nhiên nhưng không kém phần tế nhị, tinh tình cao thượng vô tư.

- Tôi chỉ biết làm việc... làm việc, mình được vui thế không đủ à? Còn thóc ấy về phần anh Dũng hay về phần cô Loan chẳng nữa, tôi không kể đến (tr.202).

Hà là con cụ Chánh Mạc, người làng Ý Dương. Hà cùng chị ruột (Phương), anh ruột (Cận) đều có tham gia cách mạng. Đã một lần Phương bị bắt tình nghi được tha, về nhà ít lâu mắc bệnh lao chết. Hà cũng mắc bệnh lao. Nàng nhí nhánh vô tư, thái độ gia cách mạng của nàng cũng hồn nhiên.

Trúc sang Tàu. Hà ở lại với bệnh lao, với cảnh nhà nghèo

túng.

3. *Mối tình Tạo – Phương:*

Phương là chị Hà như trên đã nói. Hồi chưa bị bắt nàng thường nhanh nhẹn tươi cười đi hô hào các chị em buôn bán tẩy chay một cửa hàng Khách.

Tạo mồ côi cha mẹ khi còn học năm thứ hai trường Bảo Hộ. Một ông cậu làm án sát vì mến chàng nuôi cho ăn thừa tụi. Ông Án mất đi, chàng chán dần cái cảnh ngồi bó gối giữ ngôi nhà thờ, làm cỗ cúng quanh năm, nghe các bà dì hạch sách. Rồi các dì chọn vợ cho Tạo, một cô gái vừa béo, vừa rỗ, vừa đen. Tạo bỏ nhà ra đi gặp Thái (một nhà cách mạng chân chính) cùng mấy người bạn khác. Chàng tham gia cách mạng từ đây. Mối tình của Tạo với Phương cũng chỉ là một mối tình thâm kín thôi, vì Tạo nay đây mai đó, hành tung rất bí mật. Ngày đưa đám Phương, Cận thoáng trông thấy, Tạo quay mặt đi, vội lấy tay áo gạt nước mắt. Sau đây, Tạo cũng chết cô quạnh ở một đồn điền kia vì bệnh sốt rét. Tính Tạo hay khôi hài, đến lúc gần chết chàng cũng vẫn vui. (Theo lời ông chủ đồn điền).

B. Tâm trạng Dũng khi đi vào con đường cách mạng

1. Nhục vì cái giàu sang của mình

Là con quan, nhà giàu nhưng nhiều lần Dũng thú thật là chàng thấy nhục trong cảnh giàu sang bất nghĩa đó.

2. Một tâm trạng trống rỗng thê thảm

Sau ngày bãi khóa Dũng về ở với ông Tuần. Tâm trạng của Dũng, cũng như của Trúc trong những ngày đó là cả một sự trống rỗng kinh khủng, một sự chán chường phát ón lạnh. (Phải chăng vì cách mạng đương thời bị đế quốc đàn áp dữ dội nên mới có tâm trạng đau đớn ấy). Lời Dũng:

“No nê hết sức rồi. Nhưng nên uống cà phê vì cà phê lâu, mất được nhiều thì giờ hơn”

...

Muốn chiều cả anh lẫn chị, chúng tôi xin uống cả cà phê lẫn chè tàu. Cà phê trước, chè tàu sau.

Chàng tiếp theo:

Lưỡng cử lưỡng tiện vi, như thế vừa đau dạ dày, vừa đau bụng” (tr.58)

3. Một chút hình ảnh dân quê đã xúc động lòng Dũng:

... Dũng chăm một điều thuốc lá hút rồi đưa mắt ngắm nghĩa đám nhà quê thăm đạm, quần áo xơ xác trước gió, đương đứng đợi bên bờ sông. Họ đứng yên không nói, vẻ mặt bình tĩnh, không nghĩ ngợi gì. Chuyển đò mà họ đợi sang, Dũng thấy là hình ảnh của cuộc đời; họ sinh ra, sống thân nhiên trong ít lâu, không hiểu vì có gì, rồi lại khuất đi, những người bộ hành một buổi chiều đông, qua bến đò in bóng trong chốc lát trên dòng nước trắng của cuộc đời chảy mãi không ngừng. (tr.68).

Phải chăng chính nếp sống bình thản, vô tri, vô giác đó của người dân quê đã thúc đẩy Dũng sau này gia nhập cách mạng để đem lại cho họ ý nghĩa của cuộc sống?

Một chỗ khác, ký ức Dũng nhớ lại cảnh cha chàng dập đầu một người nhà quê vào tường và tát luôn mấy cái nữa, mặc dầu trán và má người kia đã ướt đẫm máu. Dũng không khó chịu vì cha chàng độc ác đánh người, chàng khó chịu vì những người bị đánh không kháng cự lại, không lấy thế làm nhục. Dũng cho là có lẽ cha chàng không độc ác. Có lẽ vì quen tay thấy dễ tức thì cứ tức, dễ đánh thì cứ đánh.

Phải chăng vì thế mà sau này Dũng chủ trương hòa đồng với dân quê để kích động lòng ham muốn một cuộc đời tốt đẹp hơn ở họ.

(Xem *Đoạn Tuyệt*, chương IV, phần hai)

C. Không khí cách mạng trong *Đôi Bạn*

Phản ánh đúng thời thoái trào của cách mạng vì đã bị đế quốc thẳng tay khủng bố tàn bạo. Không khí cách mạng rã rời, tê nhạt, Thái ám sát một ông Phủ không xong bèn tự sát:

“Dững nghĩ đến Trúc và các bạn khác ở rải rác trong các làng quê, giờ này có lẽ cũng đương như chàng nghĩ đến Thái và ngẫm đến thân phận riêng của mình. Các bạn chàng đối với nhau chỉ mỗi một dây liên lạc chung là tình bạn hữu, còn ngoài ra mỗi người đi theo một ngã đường, sống theo một đời riêng, yếu ớt, rời rạc. Thỉnh thoảng lại nghe tin một người trong bạn chết đi hay bị tù tội rồi ai nấy trước số mệnh, chỉ việc cúi đầu, yên lặng, nơm nớp đợi đến lượt mình” (tr.101)

IV. So sánh *Đôi Bạn* và *Đoạn Tuyệt*

A. Những điều *Đôi Bạn* bổ khuyết cho *Đoạn Tuyệt*

Đôi Bạn, như trên đã nói, ra đời nhờ sự thành công quá rực rỡ của *Đoạn tuyệt*. *Đôi bạn* tuy viết sau nhưng thuật lại thuở ban đầu của Dững Loan ở chốn quê nhà.

1. Gia đình Loan:

Về Loan, chúng ta được biết nàng là con bà Hai Hằng (ở *Đoạn Tuyệt* chỉ là Bà Hai). Cha nàng (ông Hai) là bạn học cũ của cha Dững (ông Tuần). Vườn đất xung quanh nhà, ông Hai vì túng quẫn đã phải bán dần cho ông Tuần, chỉ còn giữ lại hơn một mẫu làm chỗ ở.

2. Độ:

Ở *Đoạn Tuyệt*, chương IV, phần Hai, Dững trên bước đường phiêu lưu có dừng chân tại đồn điền người bạn tên là Độ trong dịp cuối năm.

Cũng ở chương IV, phần Hai, trong *Đôi Bạn*, lý lịch của Độ được soi sáng thêm chút nữa: Độ là con của bà huyện Thanh Thủy. Bà Huyện là chị ruột của bà Hai.

3. Trúc:

Ở *Đoạn Tuyệt*, chương IX, phần Ba, Dũng xuôi thuyền về đồn điền Độ nhưng tới Thanh Thủy thì tối, thuyền phải dừng lại. Trên thuyền có Trúc. Đây là một nhân vật vui vẻ, vô tư, rất đáng yêu. Nhưng phải đợi đọc *Đôi Bạn* chúng ta mới được rõ thêm: Trúc không còn người thân thích, là bạn học của Dũng, đã từng nhảy qua hàng rào nhà trường bãi khóa, rồi về trông nom ấp Quỳnh Nê cho Dũng.

B. Những điểm bất nhất giữa *Đôi Bạn* và *Đoạn Tuyệt*

1. Loan:

Ở *Đoạn Tuyệt*, Loan là một cô gái mới. Không e dè sợ sệt, chủ quan, cứng cỏi, kiêu căng, lý sự đến cùng. Ở *Đôi Bạn*, nàng quá ư thùy mị, đôi khi như thiếu tự trọng:

“Bên ông Tuần có mở tiệc thọ mừng cụ Bang, bà nội Dũng, Loan sang làm giúp từ sáng sớm; nàng cũng ríu rít vui vẻ vì công việc nhà Dũng, nàng coi không khác gì công việc nhà mình”.

Có lẽ chúng ta phải viện cớ vì sự sai biệt tuổi tác giữa hai cô Loan. Loan trong *Đôi Bạn* mới mười bảy, Loan ở *Đoạn Tuyệt* đã tới tuổi trưởng thành. Nhưng nếu Loan trong *Đôi Bạn* mới mười bảy tuổi thì chúng ta phải nêu lên điểm này: nhiều chỗ đối thoại giữa Loan và Dũng ta thấy Loan già dặn quá. Tỉ như đoạn nàng và Dũng triết lý về bắt đom đóm:

“Dũng nhìn lên mặt trăng cao mà tròn, khuất sau lá cây. Ở thành phố nên Dũng thấy mặt trăng có vẻ buồn bã, hình như đương nhớ những quãng rộng rãi ở các vùng quê xa xôi, nhớ những con đường vắng gió thổi cát bay lên trăng mờ mờ như làn sương, nhớ những con đom đóm bay qua ao bèo, lúc tắt lúc sáng như những ngôi sao lạc biết thổn thức... Chàng dịu dàng nói với Loan:

- Thế mà mới độ nào, cô còn nhớ không, những đêm

trắng sáng, chúng mình còn ngồi ở sân đợi có đom đóm bay qua rồi đứng lên reo: đom đóm xuống đây ăn cơm với cá.

Loan nói:

- Hình như nó biết chúng mình đánh lừa hay sao nên nó lại càng bay cao già. Lạ thật, đến khi nhón thì mình không biết là có đom đóm nữa. Tại mình không để ý.

Dũng nói:

- Mình lại để ý đến những cái khác, đi tìm những con đom đóm khác và cùng đánh lừa cho nó xuống.

Loan mỉm cười:

- Mà nó lại càng bay cao”.

(Phần Hai, chương IV, tr.118-119).

Ở *Đoạn Tuyệt*, Loan rõ ràng là một nữ sinh theo học chôn ngàn năm văn vật. Nhưng ở *Đôi Bạn*, Loan chỉ là một nữ sinh tỉnh nhỏ, nàng ra thăm Hà Nội lần đầu cùng với mẹ và Dũng; chính Dũng đưa Loan đi xem các phố.

(Phần Hai, chương IV, tr.112).

2. Ông Bà Hai:

Ông Hai ở *Đôi Bạn* là một nhà Nho lỡ vận, phải chật vật để mưu lấy cuộc sống thừa ấy. Ông Hai đã phải lên Hà Giang dạy học ở nhà một người bạn học cũ làm bố chánh; ông đi có lẽ vài ba năm mới về, có Quỳnh đi theo để hầu hạ. Quỳnh là người anh cùng bố khác mẹ với Loan. Bà Hai thì vẫn quanh quẩn ở quê nhà với cuộc sống túng thiếu. Sang *Đoạn Tuyệt*, chúng ta chứng kiến một hoàn cảnh khác hẳn. Ông Bà Hai có cửa hàng bán chiếu ở Phố Mới. Việc vay của bà Phán Lợi ba ngàn đồng chưa đủ chút nào để giải thích sự thay đổi hoàn cảnh đó. Còn nhân vật Quỳnh ở *Đôi Bạn* tuyệt nhiên không được tác giả nói đến một dòng trong *Đoạn Tuyệt*.

3. Mối tình của Dũng đối với Loan:

Ở *Đoạn Tuyệt*, chương II, phần Một, Nhất Linh viết: “Dũng bù nhìn nhớ lại, những ngày mới gặp Loan, mới quen Loan, nghĩ tới cái tình yêu Loan kín đáo lúc buổi đầu, nỗi thất vọng khi biết Loan đã là vợ chưa cưới của người khác...” (tr.19).

Nếu đem đối chiếu với *Đôi Bạn*, tình yêu của Dũng Loan đâu chỉ đơn giản như vậy. Mối tình đó tuy kín đáo nhưng cũng thắm thiết lắm, lâu bền lắm, cũ kỹ lắm. (Loan, Dũng ở cùng quê, lại cùng xóm với nhau).

Cần thêm một nhận xét này nữa, ở *Đoạn Tuyệt*, Dũng khi ẩn khi hiện, vừa yêu Loan vừa hoạt động cách mạng thật sự, thành thử tâm hồn Dũng vừa trữ tình vừa hào hùng (như Phạm Thái). Ở *Đôi Bạn*, Dũng chẳng còn gì là huyền bí. Dây tâm linh quá tế nhị của Dũng ở mọi chương khiến độc giả nhiều khi tự hỏi: con người ủy mị như vậy làm sao ra đi làm cách mạng nổi?

Tổng kết về *Đôi bạn*

- Đúng về phương diện văn chương, *Đôi Bạn* thành công rực rỡ ở nhận xét tâm lý tinh vi, tả cảnh vô cùng gợi cảm, lời văn trang nhã sáng sủa đẹp như thơ (nếu xét riêng từng đoạn).

- Xét về động tác, thì động tác ở *Đôi Bạn* hết sức ngưng trệ, từ đầu đến cuối chỉ là những sự kiện được nêu lên để tác giả được dịp tả tình, tả cảnh bằng ngòi bút lọc lõi. Vì vậy càng về sau người đọc càng có cảm tưởng được mời dự một bữa tiệc mà chủ nhân bắt phải ăn đến thừa mứa (dù là thức ăn ngon).

- Thoạt viết *Đoạn Tuyệt* trước, ngòi bút Nhất Linh phóng khoáng như múa gươm trên khoảng đất rộng không người, không đồ đạc. Lẽ ra khi viết *Đôi Bạn* sau này ông phải đọc lại *Đoạn Tuyệt* mà nép mình trong cái khung cố định do chính ông đặt ra nó, để tránh những điều bất nhất đáng tiếc như trên.

LẠNH LÙNG

Để việc nghiên cứu *Đoạn Tuyệt* cho thuật hoàn hảo tưởng chúng ta cũng nên xét qua tác phẩm *Lạnh Lùng* đôi chút.

Lạnh Lùng bắt đầu đăng từ *Ngày Nay* số 16 ngày 12 tháng 7 năm 1936 đến số 38 ngày 13 tháng 12 năm 1936. In xong thành sách vào tháng Giêng năm 1937. Tác phẩm này xuất hiện sau *Đoạn Tuyệt* và trước *Đôi Bạn*.

Tóm tắt câu chuyện như sau:

“Nhưng một góa phụ trẻ tuổi, con một ông Nghè và con dâu một bà Án. Nàng yêu người giáo sư tên Nghĩa. Tuy vậy nhờ sự khéo giấu diếm, nàng vẫn được mọi người quý trọng. Và ngay trong những lúc say mê nhất nàng cũng vẫn giả dối được. Sau cùng chính bà Án biết sự giả dối ấy cũng đành lờ đi như không biết, để mặc nàng tháng tháng nhân danh đi thu họ mà gặp gỡ Nghĩa ở trên tỉnh”.

Đây là tất cả cuộc sống ngọt ngào của một sương phụ còn trẻ tuổi vẫn còn yêu và được yêu mà bị dư luận gia đình, dư luận xã hội dồn vào chỗ thành một con người tiết hạnh bất đắc dĩ.

Nếu so sánh *Đoạn Tuyệt* với *Lạnh Lùng*, chúng ta thấy

ngay những điểm hoàn toàn trái ngược nhau.

- Loan trong *Đoạn Tuyệt* theo mới đến cùng. Nhưng trong *Lạnh Lùng* nhu mì nép vào khuôn khổ cái cũ.

- Bà mẹ chồng, chị em nhà chồng trong *Đoạn Tuyệt* là những hung thần (vì vậy Loan đoạn tuyệt với cái cũ), ở *Lạnh Lùng* không khí khác hẳn: mọi người nhà chồng đều quý mến Nhung, coi Nhung như bông hoa quý trang điểm cho đạo đức gia đình (vì vậy Nhung không thoát ly nổi, đành sống giả dối).

Tuy có những điểm hoàn toàn đối lập nhau nhưng cả hai tác phẩm kể trên đều vụ chung một mục đích: đánh những đòn chí tử vào quan niệm cũ.

Hoặc tích cực tranh đấu như Loan để thoát ly hoặc nép mình vào khuôn khổ đầy nhưng tiêu cực, hành động phản đối bằng cách lén đi vụng trộm ái ân, đằng nào thì những quan niệm cũ cũng bị sụp đổ.

Thâm ý của Nhất Linh chính là vậy.

HOÀNG ĐẠO (1907 – 1948)

Tiểu sử:

Tên thật: Nguyễn Tường Long

Đạo hiệu: Phúc Vân

Các bút hiệu khác: Tứ Ly, Tường Minh, v.v...

Nguyên quán làng Cẩm Phô, nay thuộc xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Ông nội làm tri huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (Bắc phần) và khi về hưu đã lưu cư tại đây, ông thân sinh là một nhà Nho không thành đạt và mất sớm, bà thân mẫu tần tảo buôn bán nuôi bảy người con, sáu trai một gái. Đến khi tất cả đều trưởng thành, bà cụ đi tu Đạo Phật, hiện trụ trì tại một ngôi chùa kế cận Sài Gòn.

Trong bảy anh chị em, ông là người thứ tư: 1) Nguyễn Tường Thụy, 2) Nguyễn Tường Cẩm, 3) Nguyễn Tường Tam tức Nhất Linh, 4) Nguyễn Tường Long, 5) Nguyễn Thị Thế, 6) Nguyễn Tường Lân tức Thạch Lam, 7) Nguyễn Tường Bách.

Ông sinh tại làng Hàn Giang, huyện lỵ huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (trên đường xe lửa Hà Nội – Hải Dương) ngày 11 tháng 10 năm Đinh Mùi tức ngày 16 tháng 11 năm 1907. Thuở nhỏ học ở trường huyện, ông tên là Nguyễn Tường Tư nhưng sau không đủ tuổi để đi thi nên gia đình khai tăng lên bốn tuổi, đổi tên là Nguyễn Tường Long và đổi ngày sinh là 3 tháng 4 năm 1903. Qua bậc tiểu học ông bị ốm nên tự học ở nhà. Năm 1924 thi đậu bằng Cao đẳng Tiểu học Pháp và liền đó đậu vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội. Tốt nghiệp năm 1927 ông vào làm Tham tá ngân khố Hà Nội. Tiếp tục học thêm, ông đậu Tú tài Pháp và chuyển sang ngạch Tư pháp, làm Tham tá lục sự năm 1929. Với chức vụ này, ông đã ngồi ghé lục sự khắp các tòa “Tây án” và vì thế đã có dịp sống ở khắp các tỉnh và thành phố từ Nam chí Bắc. Trong khi ở ngạch Tư pháp, đã có lần Chánh phủ Pháp bổ ông sang ngạch quan lại và bổ nhiệm tri huyện nhưng ông nhất thiết từ chối hành động mua chuộc này. Sau hơn mười năm ở ngạch Tư pháp, ông từ chức để chuyên tâm vào các hoạt động văn hóa và cách mạng.

Lập gia đình năm 1933, ông được bốn người con, ba gái một trai. Ông mất ngày 16 tháng 6 năm Mậu Tý tức 23 tháng 7 năm 1948 trên chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu, thi hài được đưa xuống an táng tại trấn Thạch Long. Thời gian này, ông lưu trú trên đất Trung Hoa sau khi lực lượng quan sự của hàng ngũ cách mạng dân tộc bị Việt Minh cộng sản tiêu diệt trong cuộc nội chiến kéo dài suốt từ 1945 sang đến cuối năm 1946.

Sự nghiệp văn hóa

Năm 1932, sau khi đã hoàn toàn dẹp xong cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân Đảng, thống trị Pháp mở một cuộc thuyên chuyển lớn trong hàng ngũ viên chức bốn xứ, nhằm giai đoạn liên lạc giữa những người trí thức Việt Nam yêu nước. Nhưng đối với Nguyễn Tường Long việc đổi từ Sài

Gòn ra Hà Nội lại là một dịp may để ông cùng với anh em hoạt động. Nghiên cứu những kinh nghiệm mang lại do cuộc khởi nghĩa thất bại của Nguyễn Thái Học và tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng, ông cùng anh ruột là Nguyễn Tường Tam và một người bạn là ông Trần Khánh Giur tức Khái Hưng tự vạch ra một con đường chiến đấu trường kỳ đi tới giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân Pháp.

Đó là con đường huấn luyện quần chúng bằng báo chí. Năm 1933 bộ ba này nhận lại một tờ báo đang sắp chết là tờ *Phong Hóa* của một người bạn là Phạm Hữu Ninh. Bằng một kỹ thuật học được của báo chí tiến bộ châu Âu, bằng một lối hành văn mới và nhất là bằng giọng hài hước, họ đã làm cho tờ *Phong Hóa* sống lại và truyền bá rất mau. Chủ trương của bộ ba này lúc đầu là dùng nghệ thuật, văn chương để thu hút quần chúng, dùng cái cười làm khí giới để chen vào cuộc xung đột giữa hai khuynh hướng “theo mới” và “tôn cổ” mà họ đứng hẳn vào khuynh hướng triệt để theo mới. Khi đã thu hút được quần chúng rồi, họ bắt đầu chuyển sang việc truyền bá những tư tưởng cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội, nhịp theo trào lưu tiến hóa của thế giới. Thanh thế của tờ báo càng lớn thì những người có tâm huyết có tài năng tìm đến hợp tác mỗi ngày một đông, và nổi bật nhất là Tú Mỡ tức Hồ Trọng Hiếu, Thế Lữ tức Nguyễn Thế Lữ.

Trong báo *Phong Hóa*, Nguyễn Tường Long lấy bút hiệu là Tú Ly. Sở dĩ ông chọn bút hiệu này là vì muốn đả phá thói mê tín bôc phệ, ông đã chọn giờ xấu nhất trong ngày là giờ Tú Ly là tên hiệu. Thời kỳ này Tú Ly rất ít khi viết những bài nghị luận chính trị, kinh tế hoặc xã hội mà chỉ chuyên về mặt đả kích. Bằng một lối văn hài hước, khi thì nhẹ nhàng thâm thúy kiểu nhà Nho, khi thì sâu cay độc địa kiểu những cây bút đả kích Tây phương, Tú Ly đả kích tất cả những người và những việc mà ông cho là tiêu cực, là hủ bại, là cản đường tiến của xã hội. Bất cứ một chuyện nhỏ hay chuyện

lớn ảnh hưởng quan trọng hay thoáng qua, tất cả đều có thể là những đầu đề cho Tú Ly đả kích để đưa chủ trương “theo mới” những tư tưởng tiến bộ của mình ra: một vụ kiện tranh ngôi thứ, một biện pháp hành chính mới của thống trị Pháp, một thay đổi chức vụ trong Triều đình Huế, một viên quan bị tố cáo ăn hối lộ, một câu văn viết không rõ ý của một tờ báo khác, một tư tưởng nhai lại, thậm chí một nét mặt, một kiểu phục sức như cái mũi đỏ của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, cái búi tóc củ hành của Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố... tất cả đều bị Tú Ly đưa lên mặt báo, mổ xẻ để đả kích bằng cả lý luận lẫn giọng cười.

Báo *Phong Hóa* càng ngày có ảnh hưởng càng lớn. Mật thám Pháp dò biết Tú Ly là linh hồn của cơ quan này nên đã ra lệnh đổi viên Tham tá lục sự Nguyễn Tường Long từ Hà Nội vào Đà Nẵng nhằm tách rời ông khỏi bộ tham mưu. Nhưng trở lại miền Trung là Tú Ly lại có thêm một dịp để đả kích chế độ cai trị cực kỳ khắc nghiệt của thực dân với những tay sai đắc lực của chúng trong hàng ngũ quan lại Nam triều. Vì thế, thực dân Pháp không còn cách nào khác là hạ lệnh đóng cửa tuần báo *Phong Hóa*. Lúc đó vào năm 1937.

Nhưng báo *Phong Hóa* chết, nhóm của ông đã có sẵn nhà xuất bản Đời Nay để làm cầu liên lạc với người đọc qua những tác phẩm văn nghệ đã đăng trong báo đó. Thời kỳ này, Tú Ly không có một văn phẩm nào để xuất bản. Ít lâu sau người anh thứ hai của ông là Nguyễn Tường Cẩm xin được ra một tờ báo khác là tuần báo *Ngày Nay*. Trong 18 số đầu, tờ *Ngày Nay* chuyên về hình ảnh và phóng sự với mục đích là tránh sự rình rập của thực dân Pháp. Từ số 19, tờ *Ngày Nay* bắt đầu đổi thể tài, chuyên về văn nghệ và Tú Ly đổi là Hoàng Đạo để thỉnh thoảng viết một vài bài đả kích nhẹ nhàng. Ngược lại với bút hiệu chọn lần trước, với tờ *Ngày Nay*, Nguyễn Tường Long lấy giờ Hoàng Đạo là giờ tốt nhất trong ngày để thay cho tên Tú Ly. Chính trong thời gian bắt

đầu xây dựng tờ *Ngày Nay*, tác giả đã ghi chép một số những vụ xử án điển hình tại Tòa tiểu hình Hà Nội trong khi ông ngồi ghế Lục sự tại tòa này và đăng trong mục “TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA”. Dụng ý của ông khi viết mục này là vẽ lại cảnh sống cơ cực, trình độ thấp kém của người dân Việt Nam dưới chế độ thống trị của thực dân Pháp qua sự xét định của tòa án Pháp, theo luật lệ của Pháp, thứ luật lệ mà người Pháp vẫn tự hào là nhất thế giới.

Qua nhiều lần thay đổi thể tài, phần văn nghệ dần dần được giới hạn và đưa từ trang đầu vào trang giữa rồi chuyển về những trang cuối của tờ báo, phần nghị luận chính trị kinh tế xã hội được tăng cường tùy theo tình hình chính trị và sự canh chừng của thực dân lúc đó. Cây bút nghị luận Hoàng Đạo càng ngày viết càng nhiều và không ngừng đưa ra những tư tưởng tiên bộ, giới thiệu những khuynh hướng chính trị và cách mạng trên thế giới, khảo cứu thực trạng của xã hội Việt Nam để dẫn dắt người đọc đi tới con đường cách mạng. Ông đã viết từng loạt bài nối tiếp, từ “Mười Điều Tâm Niệm” mà ông coi như kim chỉ nam cho thanh niên thời ấy..., đến Công dân Giáo dục để giới thiệu các chế độ chính trị, khuynh hướng dân chủ ở nước ngoài, cùng các chủ nghĩa chính trị, các đảng phái, từ chủ nghĩa Vô chính phủ đến chủ nghĩa Phát xít và chủ nghĩa Cộng sản. Các vấn đề trong nước được ông khảo xét một cách minh bạch, từ đời sống nông dân sau lũy tre xanh đến những cảnh vật lộn cực khổ của lao động thợ thuyền ở thành thị, với những loạt bài “Bùn lầy nước đọng” và “Vấn đề cần lao”. Trong thời kỳ Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp, ông đã có hoàn cảnh lên án cực kỳ nghiêm khắc chủ nghĩa thực dân xâm chiếm thuộc địa với loạt bài khảo cứu nhan đề: “Thuộc địa Ký ước”.

Trong báo *Ngày Nay*, ông cũng có viết một chuyện dài nhan đề *Con Đường Sáng* và một số truyện ngắn, nhưng ông chưa tìm ra được một lối viết truyện thích hợp. Sau này ông

có để riêng một thời gian để nghiên cứu kỹ thuật về tiểu thuyết và ông đã xây dựng một số tác phẩm lớn nhưng đều phải bỏ dở vì những hoạt động cách mạng.

Có thể nói rằng, sự nghiệp văn chương của Hoàng Đạo ngừng lại cùng lúc với tuần báo *Ngày Nay* bị đóng cửa năm 1940, sau khi nước Pháp bị Đức chiếm đóng. Và từ đó ông chuyên về những hoạt động cách mạng. Cuối năm 1940, vì tổ chức Đảng Đại Việt Dân Chính chủ trương xây dựng lực lượng lợi dụng các biến cố quốc tế để đánh đuổi thực dân Pháp, lật đổ triều đình Huế, xây dựng một nước Việt Nam Độc lập và Dân chủ mà ông cùng các đồng chí bị Pháp bắt giam và đưa đi đày tại trại an trí Vụ Bản thuộc châu Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Năm 1943 thực dân Pháp giải ông về quản thúc tại Hà Nội. Tháng 6 năm 1946, sau khi lực lượng cách mạng dân tộc bị kiệt quệ trong cuộc nội chiến chống Việt Minh Cộng sản, ông cùng các chiến sĩ Quốc Dân Quân rút sang Trung Quốc. Trú ở Côn Minh rồi sang Quảng Châu, ông bị bệnh đau tim và mất tại đó.

(Bản của Nhà xuất bản Tự Do).

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

(Những đoạn trích căn cứ vào bản của Nhà xuất bản Tự Do – 1958)

1. Điều tâm niệm thứ nhất

Theo mới

Hoàn toàn mới, không chút do dự

A. Sơ lược nội dung:

Thoạt tác giả ghi nhận sự sực tỉnh của người dân Việt, sực tỉnh một giấc ngủ cổ hủ tự ngàn năm. Tỉnh giấc như vậy là điều đáng mừng. Trước khi đề cập đến nội dung và phương pháp của vấn đề theo mới, tác giả thoạt cực lực đả kích thái độ bảo thủ cũng như thái độ trung dung:

- Phải bảo thủ muốn duy trì nếp sống cũ giản dị, chất phác, nên thơ: trai đọc sách ngâm thơ, gái ra vào canh củi. Nhưng trong cuộc đời cũ bề ngoài nên thơ đó ngấm ngấm biết bao đau khổ. Nào trong gia đình thì cảnh khổ làm dâu, làm con, nào ngoài xã hội thì cảnh khổ của lũ người cùng đinh khổ rách áo ôm chịu đủ thứ thiệt thòi.

- Phái trung dung muốn dung hòa cũ mới. Nhưng phái này tất nhiên thất bại vì không thể dung hòa được:

“Hai cái văn hóa như hai dòng nước chảy trên một trái núi xuống, nhưng một dòng chảy về phía Đông, một dòng chảy về phía Tây, không sao hợp lại làm một được” (tr.20).

Sau khi đã kích hai phái thủ cựu và trung dung, tác giả đưa đến quyết định: phải theo mới, theo một cách quả quyết.

Theo mới đây là Âu hóa. Cứ cho du nhập văn hóa Âu Mỹ vào đất nước, rồi người dân Việt sẽ biết cách dung hòa mà chọn lấy những cái thích hợp hoặc bỏ những cái không thích hợp.

Mỗi hành động của ta phải là hành động của người có óc tân tiến. Sau khi hành động phải tự kiểm thảo ngay xem tư tưởng của ta có còn rớt cặn bã của óc thủ cựu hay không để liệu mà khu trừ ngay.

Ngoài ra ta còn phải luôn luôn nỗ lực giảng giải, dẫn dụ cho người xung quanh ta cùng theo mới.

Và sau hết tác giả kết luận, giọng nhiệt thành, đanh thép: “Nào những ai thành thực muốn cho nước ta, dân ta sống một đời sống... đứng cả dậy”.

B. Phê bình

Chúng ta đồng ý với Hoàng Đạo ở điểm ông đã kích những cổ hủ của phái cũ. Và cũng chỉ riêng những cổ hủ của phái cũ thôi, bởi có phải đâu tất cả cái cũ đều dở.

Chúng ta cũng đồng ý với Hoàng Đạo ở điểm ông đã kích thái độ lưỡng lự, rụt rè của phái trung dung. Nhưng thiết tưởng chúng ta không nên lầm *nội dung* của thuyết trung dung với thái độ rụt rè của những người theo thuyết trung dung.

Nếu trung dung là “tùy cảnh tùy thời mà xử sự, mỗi lúc một khác nhưng bao giờ cũng hợp với thiên lý, hợp với lẽ phải, không thái quá mà cũng không bất cập”, thì sao chúng ta có thể chê được?

Sau khi hô hào là phải hoàn toàn theo mới và theo mới không chút do dự, tác giả viết:

“Văn hóa Âu Mỹ đem sang trồng ở đất ta tự nhiên sẽ biến những điều hợp với tinh thần An Nam sẽ còn và nảy nở ra, những điều không thích hợp sẽ tự nhiên bị đào thải. Không nên lo, ta sẽ hóa ra người Pháp nửa mùa, nói tiếng Pháp lai căng. Dân tộc ta hàng ngàn năm bị văn hóa Tàu đàn áp mà vẫn giữ được tính cách riêng không đến nỗi hóa ra người Tàu cả. Vậy bây giờ ta đem văn hóa Tây áp dụng vào cuộc đời, mũi ta không đến nỗi lỗ và ta không đến nỗi mất tinh thần riêng của ta”. (tr.22)

Cái gì đã khiến dân tộc ta hàng ngàn năm bị văn hóa Tàu đàn áp mà không bị “Tàu hóa”, cái gì khiến tác giả tin tưởng rằng văn hóa Âu Mỹ đem trồng xứ ta sẽ biến tính đi cho thích hợp? Phải chăng đó chính là năng lực đồng hóa làm nên cá tính của dân tộc nhà.

Giữ được cá tính dân tộc phải chăng là giữ được căn bản tinh hoa cái cũ?

Thu nhận văn hóa ngoại lai mà vẫn không bị ngoại lai đồng hóa, phải chăng vì chúng ta đã khéo biết giữ tinh hoa của cái cũ, làm chiếc đũa thần đồng hóa những cái mới? Và như vậy há chẳng là một hình thức của dung hòa?

2. Điều tâm niệm thứ hai

Tin ở sự tiến bộ

Một ngày có thể một hơn

A. Sơ lược nội dung

Có tin ở sự tiến bộ, ta mới có thể lo hành động để đi tới sự tiến bộ được. Tin ở sự tiến bộ của người về phương diện luân lý cũng như về phương diện tinh thần và vật chất.

Tin ở sự tiến bộ của người vì người có lương tri:

“Ta cần phải tin rằng hết thảy mọi đẳng cấp trong xã hội không khác nhau về lương tri, về tinh thần, chỉ khác nhau về học thức. Từ người phu xe cho chí ông tiến sĩ, ai ai cũng vậy, đều có thể thay đổi một ngày một hơn” (tr.29)

Về mặt luân lý, tác giả tin rằng luân lý hiện giờ nhân đạo hơn nên luân lý xưa nhiều lắm, mà rồi về sau đây quan niệm của ta về phương diện ấy chắc chắn là sẽ hợp với nhân đạo hơn quan niệm của ta hiện giờ.

Về mặt tinh thần và vật chất, tác giả nói điều cốt yếu là ta phải tin ở sự tiến bộ của khoa học. Theo ý tác giả, đời sống khoa học có nghĩa là đời sống cương cường, tác giả viết:

“Đời ta đương sống hiện thời là một đời khoa học: có cương cường mới sinh tồn được, còn nhu nhược ắt phải lặn hời đào thải” (tr.28).

B. Phê bình

Xưa Mạnh Tử tin ở tính thiện của con người, ở đây Hoàng Đạo tin ở sự tiến bộ tất nhiên của con người. Tự huấn luyện cho có lòng tin ở đó, cố thực hiện lòng tin đó để nhân loại cùng tiến bước trên con đường văn minh, còn gì đáng quý cho bằng?

Điều tâm niệm thứ nhất hô hào theo mới, điều thứ hai tin ở sự tiến bộ, hai điều một và hai như bổ khuyết cho nhau ở cùng một quan niệm: tin ở văn minh khoa học hiếu động của Tây phương, đã kích văn minh chủ tĩnh của Đông phương:

“Văn hóa Tây phương hiếu động, cốt ở chỗ luôn luôn thay đổi, không lúc nào ngừng, còn văn hóa Viễn Đông cũ chủ tĩnh, luôn đứng dừng lại ở một nơi”.

(Điều tâm niệm thứ nhất – tr.21)

“Về mặt tinh thần và vật chất, điều cốt yếu là ta tin ở sự tiến bộ của khoa học. Đời ta đương sống hiện thời là đời khoa học”.

(Điều tâm niệm thứ hai – tr.28).

Hai điều tâm niệm thứ nhất và thứ hai này hợp với điều tâm niệm thứ bảy (*Luyện lấy bộ óc khoa học*) và điều tâm niệm thứ mười (*Cần có trí xép đặt*) thành một “bộ bốn” để ca ngợi khoa học như một chiếc đũa vạn năng đã và đang xây dựng văn minh, hạnh phúc cho những dân tộc nào biết đến nó.

Hồ hào cổ động đem ánh sáng khoa học đến đả phá những lề lối làm việc luộm thuộm lạc hậu, những mê tín dị đoan hủ lậu là điều khẩn cấp hợp lý của Hoàng Đạo vào thời ấy. Tuy nhiên dầu sao chúng ta ngày nay cũng phải nhìn vào vấn đề cho thấu triệt và ghi thêm rằng: khoa học không phải là vạn năng, khoa học không thể giải quyết được những vấn đề con người. Einstein đã ưu tư khổ não bao nhiêu sau khi hai trái bom nguyên tử đầu tiên hủy diệt ngót một triệu sinh mạng ở hai thành phố Hiroshima và Nagasaki. Ông há chẳng đã tuyên bố: kiếp sau thà đi bán bánh mì kiếm ăn còn hơn làm nhà bác học.

Câu nói cửa miệng của người Tây phương: “Khoa học không lương tâm chỉ là bại hoại của tâm hồn” (*Science sans conscience n'est que ruine de l'âme*). Nhà bác học vừa ra khỏi phòng thí nghiệm với bộ mặt chiến thắng thì liền bị ám ảnh bởi những hậu quả vô kể mà sự phát minh của ông có thể mang lại hạnh phúc hay đau thương cho nhân loại.

Hắn cũng là thông cảm điều trên mà ông Phạm Thế Ngũ có đoạn viết về Hoàng Đạo như sau:

“Bởi vì con người khao khát tuyệt đối lại sống trong cõi thế đầy sự bất toàn này có quyền nhìn lên một lý tưởng toàn thiện toàn chân, thể hiện ở một tôn giáo để tìm một hướng đi cao siêu cho cuộc đời, một niềm an ủi tuyệt vời cho những nỗi đau khổ. Sự tín ngưỡng ấy không có chi là phản khoa học, trái lại được rất nhiều nhà khoa học chia theo. Mà chẳng nói ở phạm vi cá nhân về phương diện lý tưởng, nói ngay ra xã hội về phương diện thực tiễn nếu những mê tín nhằm nhĩ là có hại thì lòng tin vào một đấng chí công vô tư thường thiện phạt ác không phải là vô ích cho tinh thần đạo đức của dân chúng,

cho phong hóa, cho trật tự xã hội. Ở đại hạt này, chúng ta không dám nói là Hoàng Đạo chủ trương vô thần, nhưng lời lẽ cực đoan của ông khiến người ta có thể hiểu rằng ông đã loại bỏ tôn giáo, đã không công nhận cho tôn giáo một lợi ích gì trong đời sống cá nhân hay xã hội”.

(Phạm Thế Ngũ – Bài Việt văn kỳ thi Tú tài, quyển III *Quốc học Tùng Thư* – trang 273).

3. Điều tâm niệm thứ ba

Sống theo một lý tưởng

Sơ lược nội dung

Tác giả đã kích nếm sống các cụ đồ Nho xưa quá nô lệ cho những tư tưởng trong *Tứ thư - Ngũ kinh*:

“Các cụ Nho ta ngày xưa: hết đời này sang đời khác cứ bình tĩnh lần theo đường ấy, như con ngựa thấy cương cứ thẳng lối mà đi không lệch sang lối khác” (tr.31)

Rồi tiếng súng thần công của Tây phương đến phá đổ tòa lâu đài kiên cố của các nhà Nho, và các bạn trẻ sống vào buổi giao thời bị giăng co giữa hai lực lượng văn hóa cũ và mới:

“*Giáo dục ở nhà trường đưa họ đi một nơi, giáo dục trong gia đình kéo họ về một nẻo, bao nhiêu nỗi băn khoăn, đau khổ đều vì sự tương phản ấy mà ra*” (tr.33).

Trong tình trạng đó một số thanh niên không đủ can đảm chịu đựng được lòng băn khoăn bèn tìm quên lãng trong hoan lạc vật chất; một số khác không đủ can đảm tìm tòi nghĩa lý đời người cho đến cùng; chung cục cũng đành theo hoàn cảnh mà sống một đời vô vị.

Sau khi nhận định hai hạng người trên tác giả viết:

“*Thanh niên ta không thể sống mãi như vậy được. Ta muốn đời ta có nghĩa lý, muốn cho dân ta một ngày một mới, một ngày một hơn, ta phải tìm một lý tưởng mà theo*” (tr.33).

Đời có giá trị là đời có lý tưởng. Lý tưởng phải dựa vào những năng lực những tính chất cao quý của loài người. Có lý tưởng ta sẽ vui mà sống, tự hào mà sống.

4. Điều tâm niệm thứ tư

Làm việc xã hội

Sơ lược nội dung

Thời xưa, dưới trình độ nhà Nho, trí óc bo bo nhỏ hẹp trong gia đình, tầm mắt không vượt lũy tre xanh. Song thời đại văn minh cá nhân cần được giải phóng khỏi chế độ chật hẹp đó để gia nhập vào đoàn thể xã hội, đem hết tài trí ra làm việc cho xã hội, nâng đỡ những người yếu hèn khổ sở.

Phải đoàn kết để lập nên một sức mạnh mà bên vực giúp nhau cùng tiến. Lập hội học để mở mang trí thức; lập hội thể dục để gây tinh thần bằng hữu, vừa để luyện tập cho thân thể cường tráng; lập hội cứu tế để giúp đỡ những người khác, nuôi lấy một tinh thần nghĩa hiệp.

5. Điều tâm niệm thứ năm

Luyện tính khí

A. Sơ lược nội dung

Luyện trí não để mình thành người có học thức. Nhưng có học mà không có hạnh thì cái học đó cũng chẳng ích lợi gì hoặc có học nhưng đem áp dụng tài mình vào những dịp lừa bịp, bợ đỡ thì lại càng tệ hại hơn nữa.

Luyện tính khí để mình trở thành con người cương cường quả quyết, những khuynh hướng xả kỷ, nhân ái đè bẹp những khuynh hướng vị kỷ, đê hèn; luyện cho mình và cho người xung quanh mình có được tâm hồn cao thượng.

Luyện tính khí để can đảm chủ động, giữ gìn nhân phẩm chứ không nhân nhục ủy mị, hèn yếu: *cương phải thắng nhu*.

Luyện cho thân thể cường tráng để linh hồn minh mẫn,

không sợ, không nịnh, không ghét, vui vẻ và quyết đoán, luyện được tính khí như vậy là giữ được giá trị của con người.

B. Phê bình

Chủ trương của Hoàng Đạo ở đây là “cương” nhất định phải thắng “nhu” cũng nhằm tính cực đoan, một chiều. Gandhi chủ trương bất bạo động đã được cả thế giới tôn sùng là bậc thánh, Krishna Chaitanya, một bậc thánh khác khuyên: *“Hãy biết tự hạ hơn ngọn cỏ tầm thường, kiên nhẫn hơn một khúc gỗ, không đòi hỏi ai kính trọng mình mà mình thì kính trọng hết thầy chúng sinh”*.

Phải có một sức mạnh tinh thần phi thường mới thực hiện được cái dũng dưới hình thức nhẫn nhục đó của thánh nhân.

6. Điều tâm niệm thứ sáu

Phụ nữ ra ngoài xã hội

Sơ lược nội dung

Ở đây tác giả tán thưởng về kiêu diễn của cô gái tân thời nhưng tác giả nhấn mạnh rằng như vậy chưa đủ. Phụ nữ Âu Mỹ họ đòi bình đẳng không những về quyền lợi mà còn về nghĩa vụ nữa, họ có mặt trong hầu hết các nghề nghiệp: cảnh sát, thượng thư, dân biểu, lãnh sự... Tác giả hô hào chị em phụ nữ nước nhà *“cần phải mạnh bạo hơn nữa gom tài, gom sức để lập hội học, hội thể dục, hội cứu tế, đoàn hướng đạo... và những công cuộc khác bọn nam giới đang theo đuổi”* (tr.51).

Như vậy xã hội sẽ được hưởng thêm những tấm lòng từ thiện xả kỷ bấy lâu ảm núp trong gia đình.

7. Điều tâm niệm thứ bảy

Luyện lấy bộ óc khoa học

A. Sơ lược nội dung

Trong bài này tác giả cực lực đả kích óc mê tín dị đoan xưa và hô hào thanh niên phải luyện lấy bộ óc khoa học, tin ở sự màu nhiệm của khoa học:

“Vẫn hay khoa học hiện giờ không phải có phân giải được hết thiên tượng. Nhiều điều huyền bí vẫn còn nguyên là huyền bí. Nhiều luật thiên nhiên vẫn còn trong vòng mờ ám, chưa phát minh ra được. Song những người có óc khoa học đều tin rằng những điều còn huyền bí kia sẽ có ngày phân giải được, vì những điều ấy là sự phát dương của một luật thiên nhiên chưa minh hiển...” (tr.55).

Tác giả hô hào chúng ta chỉ nên tin phục chân lý của khoa học, chỉ nên tin là thật những điều mà khoa học đã chứng minh là thật.

Sau khi nêu những tỉ dụ tức cười về mê tín dị đoan, tác giả kết luận bằng lời hô hào khích lệ:

“Vậy bốn phận của thanh niên ta, không những là luyện lấy bộ óc khoa học mà còn phải luyện trí thức người khác cho trở nên có tính cách khoa học nữa.

Ta phải luôn nhớ rằng thiếu bộ óc khoa học, không thể có tiến bộ được” (tr.56).

B. Phê bình

(Xin xem phần phê bình Điều tâm niệm thứ hai ở trên)

8. Điều tâm niệm thứ tám

Cần sự nghiệp không cần công danh

A. Sơ lược nội dung

Tác giả đã kích thối chuộng công danh của người mình. Xưa kia đi học mong đỗ ông Nghè ông Cống để vống lọng nghênh ngang, nay thì đi học mong kiếm được chức quan tham, quan Huyện. Câu châm ngôn “Phi cao đẳng bất thành phu phụ” của nhiều thiếu nữ thực đáng cho ta ngao ngán không biết ngần nào.

Sau khi nêu gương sự nghiệp về cai trị của Nguyễn Công Trứ, sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du, Trần Tế Xương,

Cao Bá Quát (những vị này hoặc coi thường công danh hoặc không có công danh) tác giả khuyên bạn trẻ:

“Ta phải lúc nào cũng tự nhủ rằng công danh không đáng kể duy có sự nghiệp thôi” (tr.59)

“Ta phải chăm nom vun xới cho sự nghiệp của ta, ta sẽ được hưởng cái lạc thú vô song của một đời sống đầy đủ, của một đời có ích cho người chung quanh” (tr.60)

B. Phê bình

Ông Lê Hữu Mục có viết về Hoàng Đạo trong cuốn *Luận đề Hoàng Đạo* của ông như sau:

“Xuất thân trường Cao đẳng Pháp Chính, ông nhất định không ra làm quan như các bạn đồng liêu và đã dùng tất cả thời giờ của một ông Tham tá Lục sự để tranh đấu cho dân quê thoát khỏi sự bóc lột tàn nhẫn của quan trường, cởi bỏ những tập tục hủ lậu, những điều mê tín dị đoan để tự do sống trong một tổ chức hành chính và chính trị hợp lý.”

Chúng ta thấy gương sáng của tác giả *“Mười điều tâm niệm”* chính là ở chỗ lời nói với việc làm là một.

9. Điều tâm niệm thứ chín

Luyện thân thể cường tráng

Sơ lược nội dung

Các cụ đồ Nho ta trước đây thường trọng văn khinh võ, yên trí rằng sức mạnh thân thể sẽ lấp mất sự sáng suốt của trí khôn. Có biết đâu câu châm ngôn xác đáng của Hy Lạp xưa đã nói: *“Một linh hồn cường tráng trong một thân thể cường tráng”*.

Luyện tập thể thao còn có ảnh hưởng lớn đến tính khí của ta nữa, nhiều đức tính của ta nhờ đó mà tăng tiến, lòng dũng cảm, trí kiên nhẫn, lòng tự tin, và sự biết phục theo kỷ luật. Vậy bốn phận của thanh niên là phải kết đoàn lại lập hội

thể thao, luyện lấy thân thể cho cường tráng mà đạt tới những thành tích vẻ vang như người Đức, người Mỹ, người Nhật.

10. Điều tâm niệm thứ mười

Cần phải có trí xếp đặt

Dân ta sống hồn nhiên không biết giá trị của thời gian mà cũng không chịu vào khuôn vào phép, vào kỷ luật để mưu tồn những công cuộc to lớn lâu dài. Hãy noi gương người Âu Mỹ trong một công cuộc chung phải có tổ chức, xếp đặt để những phần tử đều có quyền hạn rõ ràng, có trách nhiệm phân minh, những phần tử ấy đều cùng hoạt động nhịp nhàng để mưu đạt mục đích chung. Hãy thay cái tinh thần luộm thuộm, cầu thả của các cụ xưa, bằng phương pháp xếp đặt của người Tây để các công cuộc chung của chúng ta đạt được kết quả rục rịch.

Tổng luận về Mười Điều Tâm Niệm

A. Phân loại

Căn cứ vào nội dung của từng bài chúng ta có thể xếp loại *Mười Điều Tâm Niệm* như sau:

1. Đề cao và khuyến khích tinh thần khoa học:

- Theo mới (điều 1)
- Tin ở sự tiến bộ (điều 2)
- Luyện lấy bộ óc Khoa học (điều 7)
- Cần có trí xếp đặt (điều 10)

2. Luyện tính khí và luyện thân thể:

- Luyện tính khí (điều 5)
- Luyện thân thể cường tráng (điều 9)

3. Lý tưởng sống:

- Sống theo một lý tưởng (điều 3)
- Cần sự nghiệp không cần công danh (điều 8)

4. Cùng làm việc cho xã hội:

- Làm việc xã hội (điều 4)
- Phụ nữ ra ngoài xã hội (điều 6)

Ở đây chúng tôi ghi nhận thêm một cách phân loại nữa của ông Phạm Thế Ngũ để học sinh tiên bè tra cứu:

- | | |
|------------------|----------------------------------|
| | - Thân thể: cường tráng (điều 9) |
| <i>Con người</i> | - Trí não: óc khoa học (điều 7) |
| | óc xếp đặt (điều 10) |
| <i>Tư tưởng</i> | - Tin vào sự tiến bộ (điều 2) |
| | - Có một lý tưởng (điều 3) |
| | - Xây dựng sự nghiệp (điều 8) |
| <i>Hành động</i> | - Làm việc xã hội (điều 4) |
| | - (cả giới phụ nữ) (điều 6) |

Và ta có thể tóm tắt những cái cũ tệ hại thành một bảng đối chiếu như sau:

Con người cũ

- Thân thể: yếu đuối nhu nhược
- Trí não: óc mê tín dị đoan, cầu thả, luộm thuộm
- Tâm hồn: mềm yếu, nhút nhát

Tư tưởng cũ:

- Không tin vào tiến bộ, đặt sự tân thiện mỹ ở quá khứ
- Không có lý tưởng tranh đấu. Xưa kia nhà Nho nhắm

mất tòng cổ, giờ đây nhiều người sống bơ vơ, vô lý tưởng

- Mưu công danh (địa vị, quan chức, bổng lộc)

Hành động cũ

- Chỉ làm việc cho bản thân hay cho gia đình
- Nhất là phụ nữ sống trói buộc hèn yếu.

(Xem quyển III, trang 270 – 271)

B. Tổng bình nội dung

Hầu hết những điều tâm niệm đều đả kích xã hội cũ mà đại diện là nhà Nho thủ cựu. Chúng ta đồng ý với tác giả ở thái độ sống phải có một lý tưởng, cần sự nghiệp, không cần công danh, cần làm việc với tinh thần khoa học... Nhưng về thái độ tác giả hoàn toàn đả kích những cái cũ và đề cao đến tuyệt đích khoa học thì chúng ta nên nghĩ rằng đó là thái độ hợp lý cho riêng thời tác giả. Vào thời đó tác giả cần phóng đại khía cạnh khoa học để đánh đổ những tập tục hủ lậu cũ, chúng ngăn cản bước tiến của dân tộc. Sự thực vấn đề cũ mới, vấn đề quá tôn sùng khoa học cần được nhận định lại cho sâu sắc và toàn diện hơn.

BÙN LẦY NƯỚC ĐỌNG¹⁹

Tiếp theo *Mười Điều Tâm Niệm*, đến tác phẩm *Bùn Lầy Nước Đọng* là tập nghị luận đặc biệt chú ý đến những vấn đề sinh hoạt của người dân quê, cả cuộc đời họ luẩn quẩn trong cảnh đói khổ, thối nát.

A. Kế hoạch về chính trị

Đề chống lại với những sự thối nát của quan trường (sự lạm quyền, nạn hối lộ), Hoàng Đạo đề nghị biện pháp phân quyền cho hợp lý, trừng trị những nhân viên thối nát và giáo dục dân quê về phương diện pháp luật.

Đề chống nạn trộm cướp làm cho dân quê luôn luôn sống trong tình trạng bất an, Hoàng Đạo đề nghị một tổ chức trị an chuyên nghiệp “có nhiệm vụ rõ ràng, có trách nhiệm hẳn hoi, hết sức tìm phương pháp ngăn ngừa những sự cướp bóc nơi thôn dã”.

Đề chống óc xôi thịt, Hoàng Đạo đề nghị phá đình, bãi bỏ sự tôn ti, để mọi người được bình đẳng ngò chiếu ngang nhau. Đình sẽ là một nhà họp sạch sẽ cao ráo, dân chúng thường lui tới để bàn luận về việc làng, mưu những ích lợi chung.

¹⁹. Phần này chúng tôi căn cứ theo ý kiến của ông Lê Hữu Mục trong quyển *Luận đề về Hoàng Đạo* của ông – Nhận Thức – Huế 1957

Hoàng Đạo đòi ban bố những quyền tự do dân chính. Theo ông muốn nâng cao trình độ của dân quê không gì bằng bảo đảm cho họ những quyền tự do, dân chủ.

B. Kế hoạch về kinh tế

Muốn cho nền hành chính và chính trị được vững vàng, điều quan hệ là phải đặt nó trên một căn bản kinh tế vững chắc.

Hoàng Đạo công kích chế độ thuế má nặng nề của thực dân bóc lột một cách dã man người dân quê.

Hoàng Đạo công kích chính sách của thực dân cố tâm đìm các công nghệ Việt Nam, cấm nhân dân nấu rượu, nhưng lại bắt mọi người uống rượu của hãng Fontaine, đồng thời lại cho phép tự do hút thuốc phiện để cho sinh lực dân trí bị hao mòn.

Hoàng Đạo tố cáo sự đòi bại, sự bất công trong việc quản cấp công điền, sự nguy hại của chế độ đồn điền mà quyền chiếm hữu chỉ ban bố cho người Pháp hoặc một vài người Việt có công lớn với Chính phủ Pháp.

Sau cùng Hoàng Đạo tố cáo nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê của bọn trọc phú. Có khi họ ăn lãi đến 20% nếu con nợ cần tiền.

Để đối phó với những khuyết điểm trên, Hoàng Đạo đã đưa ra những ý kiến rất cụ thể về những vấn đề chỉnh đốn thuế vụ, nâng cao tiểu công nghệ địa phương, bênh vực quyền lợi của công nhân tại các đồn điền, tiêu diệt nạn cho vay nặng lãi bằng cách nới rộng và bình dân hóa những nông phổ ngân hàng. Thành lập nhiều nông đoàn để tương trợ lẫn nhau, giáo dục dân quê.

Có áp dụng được những điều tối thiểu như vậy mới bảo đảm được đời sông ấm no, hạnh phúc cho dân quê.

B. Kế hoạch về giáo dục

Nền giáo dục ở thôn quê cần phải được triệt để phổ thông, Hoàng Đạo đề nghị một chương trình giáo dục đại cương gồm hai điểm căn yếu:

1. Phổ biến pháp luật:

Để người dân quê ý thức được quyền lợi, ý thức được nhiệm vụ của họ.

2. Truyền bá tinh thần khoa học:

Phổ biến những điều thường thức về vệ sinh, về y khoa, luyện cho người dân bộ óc tối thiểu về khoa học, để họ sống một cách lành mạnh.

Tổng luận về *Bùn Lầy Nước Động*

Ở đây chúng ta thấy Hoàng Đạo thiết tha với thân phận đám dân quê nghèo đói dốt nát biết là chừng nào. Những vấn đề ông nêu lên, những giải pháp ông đề ra rất sát với thực tế.

Đọc *Bùn lầy nước động* ta còn thấy rung mình về thái độ đàn áp ngu dân của lũ thực dân cướp nước và càng đem lòng cảm phục tâm tình cao thượng ưu thời mẫn thế của Hoàng Đạo.

CON ĐƯỜNG SÁNG

Con Đường Sáng là tiểu thuyết luận đề của Hoàng Đạo. Trong tác phẩm này ông muốn miêu tả một thanh niên nhà giàu, có học bỡ vờ trước ngã ba thời đại vì không biết mình đi đâu, nên chỉ còn biết lấy sự chơi bời trác táng làm mục đích. Nhưng trước cuộc sống lầm than của đám dân quê, Duy cảm thông và dần dần giác ngộ, chàng trở về đồn điền cùng với người yêu là Thơ, bắt đầu xây dựng hạnh phúc mình trong sự hy sinh làm việc để nâng cao đời sống của đám người nghèo khổ.

Trong tác phẩm này, lời văn của ông tuy vẫn có phần trong sáng, gợi hình gợi cảm nhưng cách bố trí những tình tiết câu chuyện không được uyển chuyển và hấp dẫn như tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh.

TRƯỚC VÀNH MÓNG NGỰA

Hoàng Đạo tỏ thái độ nhiệt thành trong việc cải tạo thôn quê ở hai tập lý thuyết *Mười Điều Tâm Niệm, Bùn Lầy Nước Động* và ở tiểu thuyết luận đề *Con Đường Sáng* nhưng về phương diện nghệ thuật sáng tác thì ông thành công hơn cả ở tập *Trước Vành Móng Ngựa*. Có thể nói đây là một thứ vui cười ở tòa án xếp thành những vở kịch nhỏ rất linh động.

Nhân vật thường xuyên là:

- Ông Chánh Ân: khi vui tính, khi hắc búa
- Thông ngôn: cũng vậy
- Ông Biện lý: thường thường vui tính, ưa khôi hài
- Các bị cáo: có tính cách quốc tế: Việt, Tây đen, Tây trắng,

Tàu; có đủ các hạng người: công chức, ăn cắp, ông Nghị, ông Đồ và những người dân quê nghèo đói, khi thì láu lỉnh, khi thì ngớ ngẩn

Ở tác phẩm này Hoàng Đạo đã chứng tỏ ông có con mắt nhận xét thật tinh tế.

Ông miêu tả những cử chỉ ngôn ngữ hoặc láu lỉnh hoặc ngây thơ dớ dẩn đến tức cười của lũ người phạm pháp bị ra

trước vành móng ngựa và chính ở nơi này ẩn dưới những nụ cười thông minh đó, ông đã lần lượt phô bày những mâu thuẫn đến rơi lệ của một chế độ pháp trị, vô nhân dưới thời thực dân.

Bài *Chỉ Vì Con Chó Săn* dưới đây, tác giả đã khéo tả cho ta thấy hình ảnh một tiểu nhân cậy thế hầu ông đội Tây và hình ảnh “nhỏ mọn” của một ông *phu lít* An Nam:

Chỉ vì con chó săn

Bùi Độ Diễm, có bộ mặt gân guốc bướng bỉnh của một anh bếp hầu một viên đội Tây, phải buộc vào tội thóa mạ viên chức nhà nước lúc đương hành sự.

Chắc Diễm thường được trông “quan” đội – mà Diễm được cái hân hạnh làm bếp – ra uy hống hách với bọn lính ở dưới quyền “quan”, nên Diễm coi thường bọn “phu lít” mà Diễm nhàm là lính tập.

Sự nhàm lẫn ấy đưa Diễm ra trước Tòa.

- Bẩm con không dám đánh ông ấy ạ.

ÔNG CHÁNH ÁN: - Thế sao áo người ta lại rách?

BÙI ĐỘ DIỄM: - Bẩm tại ông ấy ngã xe đạp. Thấy xe đạp con không có đèn, ông ấy đuổi con, chặn đường thế nào mà húc ngay phải vệ đường ngã sóng soài ra. Nếu con không đến đỡ dậy, thì ông ấy bắt thế nào được con.

ÔNG BIỆN LÝ: - À, ra làm ân nên oán đấy.

VŨ VĂN TƯ: - Người nhỏ và gầy, co ro trong chiếc áo bành tô rộng, để ý lắm mới trông thấy bộ mặt hốc hác, có vẻ khó khăn. Giả thử đem để bên một viên đội xếp, bên Anh hay bên Mỹ thì vị tất đã cao quá đầu gối họ. Trông bộ dạng viên phu lít Tư, người ta mới hiểu cái thái độ quật cường của Diễm.

- Hôm ấy tôi “xe vít” ở phố “Dô lăng”, tôi thấy “oong anh đi đèn” “lúy” đi xe đạp không có “lúy me”.

VIÊN THÔNG NGÔN: - Biết tiếng Tây thì có nói tiếng Tây bằng không thì nói tiếng ta, chớ đừng bắt chước ông nghị “phút, a la poóc” như thế (cử tọa cười).

VŨ VẤN TU: - Vâng (chỉ vào Diễm). Tên này đi xe đạp không có đèn, tôi bắt mang về bóp, rồi nó đưa tôi về nhà nó ở phố Sinh Từ, về đến đây nó chạy thẳng vào nhà, cho vợ ra “xin” tôi. Tôi không nghe, nó bèn ra sừng sộ, đâm tôi hai cái vào ngực, vỡ cả đồng hồ, gãy cả bút chì, rồi nó giật cuốn sổ tay của tôi lủi vào nhà mất.

Tư phanh áo bành tô, chỉ vào chỗ áo rách, lấy cái bút chì gãy và lấy cái đồng hồ quả quýt vỡ mặt kính để lên tay:

- Đây, quan xem. Tang chúng còn rành rành ra đây.

ÔNG BIỆN LÝ: Đồng hồ và bút chì của anh bị thương, còn anh có bị thương không?

VŨ VẤN TU: - Bẩm không việc gì. Duy nó bảo con là đồ chó săn, nên con xin quan tòa làm tội nó.

BÙI ĐỘ DIỄM: - Bẩm quan thực con oan. Con không bảo ông ấy là chó săn. Còn cuốn sổ tay, ông ấy đánh rớt xuống đất, vợ con nó nhặt được đem giả, thế là chúng con tử tế lắm rồi.

ÔNG CHÁNH ÁN: - Dễ thường anh đợi người ta cảm ơn nữa chắc? Anh còn điều gì nói nữa không?

BÙI ĐỘ DIỄM (ngập ngừng): - Bẩm... quan đợi con thường bảo ở bên Pháp, phu lít, mật thám lại thích cho người ta gọi là chó săn tốt, phanh ly-mê (fin limier) (cử tọa cười).

ÔNG CHÁNH ÁN: - Đây không phải ở bên Pháp. Bốn mươi quan tiền phạt.

Lần sau, trước khi dùng chữ dịch, chắc Diễm phải nhớ rằng mình ở bên An Nam.

Bài *Hai Nghìn Quan Tiền Tây* dưới đây rất linh động ở cách đối thoại, rất cảm động ở những nhận xét tỉ mỉ về những người dân cùng khổ và nhẫn nại ở chốn bùn lầy nước đọng. Tất cả cái phi lý, lạnh lùng của công lý thực dân thể hiện trong bài này. Tình cảnh người dân Việt thật đáng thương và càng đáng thương ở thái độ nhẫn nại của họ. Không khí dìm dỏm, ngộ nghĩnh, đùa cợt vụt biến. Chúng ta đi vào một thế giới của cảm uất bi phẫn. Quan tòa, thông ngôn ở đây càng đáng ghét.

Hai nghìn quan tiền Tây

Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử “tù rượu”, nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi băng khuông hơn.

Một dãy người khôn khó, ốm yếu, áo nâu tã, váy đụp, không dám ngời hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mắt ghế của nhà nước, một dãy người hóc hác, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, neoh nhóc ở nơi bùn lầy nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đi hiện hồn lên trách thảm cái phú quý của những người khác.

Mày có nấu rượu lậu không?

- *Bẩm có.*

ÔNG CHÁNH ÁN: - Phạt hai nghìn quan tiền Tây.

Sự thất vọng và tính nhẫn nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gày gò, xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, vá nhiều chỗ. Anh ta đã rời vòng móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nài điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng vô ích nên lại bước chân đi.

- *Mày có cơm rượu lậu không?*

- *Bẩm, con không nấu rượu lậu...*

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm có

ÔNG CHÁNH ÁN: - Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão già kêu van:

- Bẩm, con già nua... quan thương cho...

VIÊN THÔNG NGÔN: - Già nua mặc kệ, về việc đó, không ai thương xót đâu. Ra!

Bà lão thở dài, nước mắt rung rung muốn khóc, cố van lơn:

- Bẩm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy đâu con già?

VIÊN THÔNG NGÔN: - Tòa xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi! Đi ra!

Thấy bà lão trù trù, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đâu? Lôi nó ra!

Người đội xếp sấn sổ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, váy đụp, áo tứ thân rách, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mày có cơm rượu lậu không?

- Bẩm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm không ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bẩm ruộng con cách nhà con xa lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ,

- Có biết ai bỏ không?

- Bẩm không.

ÔNG CHÁNH ÁN: - Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kết tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ông chánh án không lần nào phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Sau cùng đến một người gù lưng ra van lạy:

- Bẩm, con tàn tật, tật...

- Tàn tật mặc anh, có cơm rượu lậu không?

- Bẩm có

- Anh đã bị án hai lần rồi. Sao lại còn phạm nữa?

- Bẩm con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật bỏ nghề ấy thì con chết đói mất

- Không biết, Hai nghìn quan tiền phạt.

Bài *Anh Hùng Mạt Lộ* cho ta thấy cảnh nhà Nho suy tàn gặp cái phi lý của công lý cảm phổ biến giáo dục. Một bức tranh ghi được đầy đủ những nét điển hình của một nhà Nho hết thời, để cười ra nước mắt:

Anh hùng mạt lộ

Nguyễn Xuân Bi là một nhà Nho, cứ trông ông ta cũng đủ biết. Từ cái áo the sòn vai xúng xính, cái khăn lượt chững chạc cho đến dáng điệu, ngôn ngữ, ông đều để lộ vẻ nhà Nho lúc quần.

ÔNG CHÁNH ÁN: - Thế nào, anh có nhận tội không?

BI: - Bẩm, chúng tôi làm gì nên tội?

ÔNG CHÁNH ÁN: - Không có tội sao lại ra đây?

BI: - Bẩm không biết. Chúng tôi chỉ biết theo lễ nghi của cổ nhân dạy bảo lũ trẻ... học đạo thánh hiền.

ÔNG CHÁNH ÁN (đặc thế) – Chính thế. Anh dạy học không có giấy phép. Anh muốn dạy đạo thì dạy, nhưng phải có giấy phép nhà nước cho.

BI: - Bẩm, vài đứa học trò nửa người nửa ngợm, làm gì mà phải phép với tấc.

ÔNG CHÁNH ÁN: - Anh dạy mấy đứa?

BI: - Bẩm, sáu đứa.

ÔNG CHÁNH ÁN (lại đặc thế): - Sáu đứa thì còn nói gì nữa. Lệ chỉ có năm đứa học trò mới không phải xin phép.

BI: - Bẩm, năm với sáu thì khác nhau cái gì? Thật tình chúng tôi không hiểu.

ÔNG CHÁNH ÁN: (mỉm cười) – Tôi cũng không hiểu. Nhưng luật pháp là luật pháp. Duralex, sed lex.

Một ông Tây nói tiếng La tinh cho một người An Nam thông chữ Tàu nghe, thì còn hiểu nhau làm sao được.

Ông Bi chỉ lấy cái mỉm cười ngây ngô đáp lại ông Chánh án.

ÔNG CHÁNH ÁN (tuyên án) – Chiều theo Nghị định ngày 14 tháng 5 năm 1924, phạt Nguyễn Xuân Bi trăm quan tiền Tây. Còn bút nghiên, giấy, mực bắt được, tòa tịch biên. Mà từ rây, không được dạy học như thế nữa, nghe!

BI (nảo nùng) – Vây đạo thánh hiền, chúng tôi cũng không được dạy à?

ÔNG THÔNG NGÔN: - Tòa tuyên án rồi, thôi đi ra.

Bi lặng lẽ đi ra, trên nét mặt hiện vẻ thất vọng chán nản và nhẫn nại. Bi ngửa mặt lên trời tặc lưỡi thở dài: ý chừng y tự nhắc đến câu: “Ta hồ! ngộ đạo suy- hĩ” của Đức Không khi xưa.

Trông Bi lúc bấy giờ có vẻ bi thương ảo não như cái biển hiệu của một thời đại tàn tạ, điêu linh.

Thình thoảng tác giả cũng cho chúng ta gặp một sự phi lý ngộ nghĩnh và nhân đạo. Giá tất cả nhân loại đối với nhau phi lý như thái độ của ông Vĩnh Thái dưới đây thì cuộc đời dễ thở biết mấy.

Năm trăm bạc

Xúng xính trong chiếc áo the mới Nguyễn Văn Cầu, cu-li xe, thình thoảng lại liếc nhìn ông Trần Văn Chương, đứng nhỏ xíu ở giữa ghé trạng sư, như anh ta sợ ông trạng sư biển mất thì không còn ai bảo vệ cho nữa vậy.

ÔNG CHÁNH ÁN: - Anh bị khẹp vào tội ăn cắp năm trăm bạc, có không?

NGUYỄN VĂN CẦU: - Bẩm, ăn cắp thì quả con không ăn cắp. Chỉ có cụ Vĩnh Thái bỏ quên trên xe con cái ví đựng năm trăm bạc, con đã trót lấy con tiền...

ÔNG CHÁNH ÁN (mím cười): - Lấy của người, cầm tiêu thế gọi là ăn cắp. Sao anh không đem số tiền bắt được trả lại ông cụ hay nộp trên sở cảnh?

NGUYỄN VĂN CẦU (thực thà) – Bẩm con nghèo.

Cử tọa cười, Ông Chánh án cũng cười. Duy Cầu ngờ ngác lấy làm lạ. Ý giả anh ta nghĩ làm cu-li xe kiết xác mà vớ được năm trăm bạc, bảo đem lên sở cảnh nộp, thì chẳng khác gì bảo ông Lý Toét đừng toét, bảo ông Bang Bạch đừng bạch, hay bảo ông Tôn Thất Bình đừng tán dương ai nữa vậy.

Ông cụ Vĩnh Thái là người mất tiền, có lẽ cùng đồng ý với bị cáo, vào khi người ta gọi vào làm chứng, một nụ cười bí mật nở ra sau bộ râu bạc phơ của ông cụ.

ÔNG CHÁNH ÁN: - Ông bỏ quên trên xe của bị cáo một cái ví?

ÔNG VĨNH THÁI: - Vâng

ÔNG CHÁNH ÁN: - Trong ví có năm trăm đồng bạc?

ÔNG VĨNH THÁI: - Bẩm không. Chỉ có năm đồng thôi.

ÔNG CHÁNH ÁN (ngạc nhiên): - Chỉ có năm đồng?

ÔNG TRẠNG SƯ TRẦN VĂN CHUÔNG: - Vâng, chỉ có năm đồng.

Cụ Vĩnh Thái từ trước đến giờ vẫn chỉ nhận có thế. Cụ là một nhà giàu ở Hà Nội, năm trăm đồng bạc đối với cụ không là bao nhưng đối với Nguyễn Văn Cầu thì thật là to. Cụ nghĩ như vậy, nên thương Cầu nghèo không nhận mất năm trăm đồng mà Cầu lấy của cụ. Như vậy ý cụ đã định cho Cầu số tiền ấy, thiết tưởng tòa cũng lượng cho mà làm án nhẹ cho một người cu-li nghèo khổ. Còn tiền 495 đồng kia, cụ Vĩnh Thái đã không nhận thì là tiền vô chủ. Mà đã làm tiền vô chủ, thì người bắt được đem nộp ở Cảnh hết hạn một năm sẽ có quyền lấy về làm của mình. Vậy xin Tòa lên án cho Cầu cái quyền ấy. Ngoài cái quyền ấy tòa lại gia thêm cho Cầu bốn tháng nhà pha. Ở bốn tháng nhà pha rồi được lĩnh số tiền 495 đồng về tiêu, nên Cầu bước ra khỏi vành móng ngựa, còn được lũ bị cáo nhân ngồi trong tòa nhìn theo bằng con mắt thèm thùng.

KHÁI HƯNG

(1896 – 1947)

Khái Hưng tên thật Trần Khánh Giur, sinh năm 1896 tại làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương, con cụ Tuần phủ Trần Mỹ, rể cụ Tổng đốc Lê Văn Đính. Ông con người anh cả là Trần Xuân và hai em giai là Trần Tự và Trần Tiêu. Ông theo học ở Albert-Sarraut, đỗ Tú tài ban Cổ điển rồi ra dạy học ở trường Thăng Long, tính tình khoáng đạt vui vẻ.

Năm 1930, Trần Khánh Giur bắt đầu viết cho tờ báo của Chu Mậu, viết những bài xã thuyết hoặc truyện vui hàng tuần. Năm 1931, ông gặp Nguyễn Tường Tam ở trường Thăng Long, cả hai bàn cách sáng lập một tờ báo có chủ trương rõ rệt.

Ngày 22 tháng 9 năm 1932 tờ *Phong Hóa* đời mới ra đời. Khái Hưng bắt đầu viết tiểu thuyết. *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933) là tác phẩm đầu tay của ông. Cho tới năm 1940 ông đã viết được nhiều tác phẩm.

Giai đoạn 1940 – 1945 giai đoạn đấu tranh chính trị, ông bị Pháp bắt giam năm 1941 ở lao xá Vụ Bản.

Sau vụ đảo chính Nhật, *Ngày Nay* kỷ nguyên mới ra đời (1945) ông viết *Xiềng Xích* tập truyện dài kể cuộc đời chôn lao tù, bị tra tấn dã man của chiến sĩ cách mạng. Khi Việt Minh nắm chính quyền. Nhất Linh ở Tàu về, ông viết báo

Việt Nam của Quốc Dân Đảng. Theo tài liệu của ông Tú Gầy, đăng trong *Tâm Tình số 1* thì khi cuộc kháng chiến bùng nổ, ông về quê ngoại ở làng Dịch Diệp, huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định, rồi bị công an Việt Minh bắt giam tại “Cải hối thất chính trị phạm Liên khu III” ở Lạc Quần (Trục Ninh). Ông bị chúng thủ tiêu ở bến đò Cựa Gà thuộc Phủ Xuân Trường vào năm 1947. Chúng hành quyết ông bằng hai phát súng lục cho xác vào bao tải rồi đẩy xuống sông cho mất tích. Tác phẩm của ông đại loại có thể tạm xếp như sau:

A. Tiểu thuyết dài:

1. Tiểu thuyết lý tưởng:

a. *Hồn Bướm Mơ Tiên* (ái tình lý tưởng nhuộm màu tôn giáo)

b. *Nửa Chùng Xuân* (ái tình lý tưởng nhuộm màu nhân tính)

c. *Trống Mái* (ái tình lý tưởng về cái đẹp của thể chất, tỷ như pho tượng đẹp)

2. Tiểu thuyết có tính cách lãng mạn tiểu tư sản (Loại này cũng là biến thể của loại trên, chỉ thiếu tính cách lý tưởng):

- *Những Ngày Vui*

- *Đẹp*

- *Thanh Đức (Bản khoản)*

2. Tiểu thuyết phong tục:

- *Thoát Ly*

- *Thừa Tự*

- *Gia Đình*

3. Tiểu thuyết tâm lý:

- *Hạnh*

4. Tiểu thuyết dã sử:

- *Tiểu Sơn Tráng Sĩ*

B. Kịch

- *Tục Lụy*

- *Đông Bệnh*

C. Những tập truyện ngắn:

- *Độc Đường Gió Bụi*

- *Tiếng Suối Reo*

- *Đợi Chờ*

- *Đông Xu*

D. Truyện loại sách hồng:

- *Ông Đồ Bể*

- *Cóc tía*

- *Đạo Sĩ..*

Dưới đây là những ý kiến của chúng tôi về riêng ba truyện được xếp loại là tiểu thuyết lý tưởng.

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN

A. Lược truyện

Ngọc sinh viên trường Cao đẳng Canh Nông, một thanh niên thông minh, lạc quan, giàu tình cảm từ Hà Nội về nghỉ hè với bác là sư cụ chùa Long Giác. Tới đây Ngọc gặp chú tiểu Lan mà chàng nghi là gái. Sau bao ngày quan sát, dò xét, mối nghi ngờ của Ngọc càng sâu đậm hơn. Rồi một hôm, sư cụ chùa Long Giác sai Lan mang bánh và chè sang tạ sư ông bên chùa Long Vân, Ngọc cũng xin phép đi theo chú Lan. Vì trời mưa, Ngọc và Lan phải ngủ lại chùa Long Vân. Ngọc muốn ép Lan cùng ngủ với mình, đôi bên người lười đi kẻ kéo lại, áo dài áo ngắn của Lan đều tuột cúc. Ngọc bỗng kêu rú lên một tiếng buông tay Lan ra. Chàng thoáng thấy ngực Lan quần vải nâu.

Lan sợ hãi bỏ trốn. Ngọc chạy theo xin lỗi. Ngọc tỏ tình yêu với Lan và nguyện sẽ vì nàng hy sinh hết thảy, kể cả ái tình tuyệt vọng của chàng. Thái độ quân tử của Ngọc làm Lan rất đổi cảm phục, Ngọc bỏ chùa về Hà Nội. Một chiều chủ nhật, Ngọc từ Hà Nội đạp xe lên Bắc Ninh thăm Lan (mấy lần trước chàng chỉ đạp xe đến chân đồi chùa Long Giác rồi quay trở lại). Ngọc hứa là suốt đời yêu Lan bằng tình yêu lý tưởng và xin phép Lan mỗi lần nghỉ học được lên chùa gặp Lan rồi quay trở về:

“Tôi xin thề với Lan rằng tôi giữ được mãi như thế. Tôi xin viện Phật Tổ thề với Lan rằng suốt một đời tôi, tôi sẽ trung thành thờ ở trong tâm trí cái linh hồn dịu dàng của Lan.

...

Gia đình? Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ mà tiểu gia đình của tôi là... hai linh hồn của đôi ta, ẩn núp dưới long từ bi Phật Tổ.

...

Yêu là một luật chung của vạn vật mà là bản tính của Phật giáo. Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng, Phật Tổ cũng chẳng cấm đoán đôi ta yêu nhau như thế”.

Và đôi tình nhân đã biết đồng hóa tình yêu vào tình yêu tôn giáo đó, từ biệt nhau trong một cảnh chiều tịch mịch đầy lá rụng.

“Ngọc từ già Lan, dắt xe đạp xuống đồi. Bấy giờ sắc trời dịu dịu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thong thả sắp rơi vào quãng êm đềm tịch mịch. Lan đứng chấp tay tụng niệm, con mắt lơ đãng nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu

Lá rụng!”

B. Phê bình

Trong truyện Atala của Chateaubriand, Atala yêu Chactas nhưng vì trót hứa với mẹ nàng sẽ đi tu, nàng chết vì tình yêu ấy. Ở *Hồn Bướm Mơ Tiên* ta cũng thấy Lan nhắc đến lời hứa với mẹ. Điều này chúng ta thấy phi lý. Vào bất cứ thời đại nào, người mẹ Việt Nam có thể buộc con phải hứa sẽ thành chiến sĩ cách mạng chứ không bao giờ buộc con phải đi tu thành “ni cô” như vậy.

Chúng ta có thể như một số nhà phê bình (trong số có ông Vũ Ngọc Phan) nêu câu hỏi: trẻ như Ngọc, đẹp như Lan, lãng mạn như cả hai, con đường từ Hà Nội đến chùa Long Giác lại không xa lắm, liệu Ngọc có giữ nổi lời hứa chăng? Nhưng dù sao chúng ta cũng phải công nhận là tác giả đã dừng lại ở chỗ đáng dừng, khiến câu chuyện tình ngọt ngào hương lý tưởng.

Cái thú của bản văn này chính là sự hiếu kỳ, ban đầu bị kích động ở trong lòng Ngọc rồi nó nhóm dần cảm tình của Ngọc đối với Lan. Và sự hiếu kỳ càng tăng, càng muốn điều tra ra tông tích chú tiểu Lan, Ngọc càng mắc vào bả tình mà không hay. Khi chàng biết được Lan là gái thì ý nghĩ về nàng đã chiếm cứ toàn thể tâm hồn Ngọc rồi.

Chúng tôi rất đồng ý với ông Trương Chính là với những tác phẩm sau, nghệ thuật của Khải Hưng đã điêu luyện lắm, nhưng *Hồn Bướm Mơ Tiên* vẫn giữ mãi hương vị êm dịu, ngọt ngào của những bông hoa đầu mùa. Chẳng khác gì "*Lettre de mon moulin*" của Alphonse Daudet so với những tác phẩm về sau của cùng tác giả.

Nửa chừng xuân

I. Lược truyện:

Truyện gồm ba phần:

PHẦN THỨ NHẤT

Mai từ quê nhà – Ninh Bắc – tới Hà Nội tìm em là Huy đang học năm thứ ba tại trường Bảo Hộ. Hai chị em đến nhà ông Phán Hai, ông bác họ nhưng bị ghẻ lạnh. Hôm sau Huy vào trường, Mai ra ga Hàng Cỏ để trở về quê. Nàng quyết định chuyến này sẽ bán nhà để lấy tiền cho em tiếp tục học. Trên chuyến xe lửa nàng gặp Lộc:

“Thưa cô, cô có phải cô Mai, con cụ Tú Ninh Bắc không?”

Mai ngược mắt lên rồi hỏi:

- Thưa ông, sao ông biết tôi?

Chàng kia cười:

- Thế ra cô quên tôi rồi, tôi là Lộc...

Mai vui mừng hỏi:

- Cậu Lộc, con quan huyện Kim Anh?

- Vâng, chính tôi là Lộc, Nhưng thầy tôi không làm tri huyện nữa. Thầy tôi đã thăng đến án sát và mất rồi.

- Khô! Thế cậu bây giờ làm gì?

- Tôi làm tham tá ở Hà Nội

Mai cười:

- Chóng nhỉ! Mới ngày nào!

Lộc đỡ lời nói luôn:

- Đã bảy tám năm nay rồi, cô còn bảo mới ngày nào.

Bảy năm về trước, quan huyện Kim Anh có mời cụ Tú Lâm đến dạy hai cô con gái học chữ Nho. Bây giờ cụ Tú đã gặp lúc quần bách vì luôn mấy năm buôn gổ bị thua lỗ, cái vốn dăm, sáu nghìn đã gần khánh kiệt, nên thấy người bạn xưa muốn tìm cách giúp đỡ thì nhận ngay.

Cụ Tú lúc đó góa vợ nên đưa cả con gái lên huyện cho tiện đường dạy dỗ, còn Huy thì Cụ đã cho trọ học ở nhà ông Phán Hai ở Hà Nội.

Trong hai năm, mỗi lần nghỉ lễ, hoặc nghỉ hè, Lộc về chơi nhà đều gặp Mai. Khi ấy Mai mới 11 tuổi mà Lộc thì đã lớn và theo học ở lớp ba trường Trung học Tây.

Lộc coi Mai như một người em nhỏ và yêu quý Mai lắm, mỗi lần ở Hà Nội về mua quà cho hai em thức gì thì mua cho Mai thức ấy.

Mai nhảm ôn lại chuyện xưa, mím mím cúi xuống nhìn guốc nói:

- Thế ra ông là anh Lộc của em đây?”

Mai đã cảm động buột mồm nói ra câu quá thân mật. Chính với câu nói thân mật đó, tác giả đã sửa soạn cho chúng ta thấy cảm tình của hai người đối với nhau sẽ một ngày thêm nặng nề sau này.

Vẫn trên chuyến xe đó, khi rõ tình cảm của Mai, Lộc nhất định giúp Mai một số tiền là 20 đồng để phòng khi chưa bán được nhà thì hãy tiêu tạm. Mai cương quyết từ chối mà không xong.

Việc bán nhà cho Hàn Thanh quả không xong, Mai còn đang phân vân, thì vừa hay Lộc tìm đến nàng.

Thái độ trang nhã, cao thượng của Lộc đã làm Mai tin cậy và cùng chàng lên Hà Nội. Lộc thuê một căn nhà ở phố Yên Phụ, bên hồ Trúc Bạch để hai chị em Mai ở, Huy tiếp tục việc học.

PHẦN THỨ HAI

Trong thời kỳ ba tháng đầu, Mai ở chung với em, không ngày nào Lộc không đến thăm, tình cảm mỗi ngày một nặng, chẳng bao lâu đã đôi ra tình yêu. Bà Án (mẹ Lộc) phản đối cuộc nhân duyên này vì bà đã hỏi con quan Tuần cho Lộc để cuộc nhân duyên được môn đăng hộ đối. Lộc nhờ một cụ già giả vờ làm mẹ đến tác thành cuộc hôn nhân giữa chàng và Mai. Câu chuyện vỡ lẽ, bà Án lập kế ly gián, gieo nghi ngờ vào đầu Lộc rồi trực tiếp đến gặp Mai, đuôi khéo nàng ra khỏi nhà mặc dầu khi đó nàng đã có mang.

Mai nhẫn nhục làm cô hàng quà. Huy bị ốm thập tử nhất sinh, may nhờ Diên mời đốc-tờ chữa giúp nên chẳng bao lâu Huy khỏi bệnh. (Diên là một gái giang hồ, em Diên là Trọng bạn học với Huy, Diên coi Huy như em, ông đốc-tờ là tình nhân của Diên).

Mặc dầu trái bao làm than khổ cực, Mai vẫn đương đầu được mọi cám dỗ, nàng từ chối lời hỏi của ông Đốc Minh, từ chối tình yêu của họa sĩ Bạch Hải.

PHẦN THỨ BA

Năm năm qua. Ông Tham Lộc đã thành ông Huyện Lộc. Vợ chàng, con gái quan Tuần – bị hai lần hữu sanh vô dưỡng, tính tình trở nên gắt gỏng, đôi khi hỗn láo cả với mẹ chồng.

Trong khi đó Huy đã thành tài và được bỏ đi dạy học ở Phú Thọ. Sống cùng với Huy là Mai, cháu Ái (con Mai) và ông Hanh, người lão bộc trung thành.

Vì một sự tình cờ gặp họa sĩ Bạch Hải mà Lộc hiểu rõ hết nỗi oan khổ của Mai. Bà Án lên tận Phú Thọ tìm Mai, những mong mang được cháu Ái về nhưng thất bại.

Lộc lên tìm Mai, gặp lại người cũ trên đời, rồi qua một đêm hàn huyên bên lò sưởi, tình cảm của Mai từ giận hờn tủi cực chuyển dần sang tha thứ, thương yêu.

Nhưng tình xưa dù nặng, Mai vẫn vì hạnh phúc thanh danh của người yêu mà hy sinh ái tình của nàng, dù nàng mới... nửa chừng xuân.

Tình yêu cao thượng của Mai, lòng hy sinh cao đẹp của Mai đã giác ngộ Lộc, đã mặc khải cho Lộc thấy một đường sống mới vị tha, đầy dũng cảm và hy sinh.

“Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa, anh sẽ vì người khác mà sống, vì người khác mà anh sẽ bỏ cái đời an nhàn phú quý mà dấn thân vào cuộc đời gió bụi...”

I. Phê bình tâm lý nhân vật

(Những dòng trích sau đây theo cuốn *Nửa Chùng Xuân*,
Phượng Giang – 1953)

MAI

Nàng là vai chính duy nhất trong *Nửa Chùng Xuân*. Được hưởng nền giáo dục khoáng đạt của cha (cụ Tú Lãm) nàng giữ lòng biết ơn, tha thứ và yêu thương rộng lớn, Chính vì vậy cả cuộc đời nàng là lịch sử cuộc đời hy sinh vì kẻ khác, hầu như không bao giờ nàng nghĩ đến mình.

Mai, một người chí giàu lòng hy sinh

Dưới đây là câu chuyện giữa Mai và Lộc trên xe hỏa:

“- Thưa ông lúc này là lúc phải liều. Thế nào em cũng phải để em Huy học đến nơi đến chốn, mà muốn được thế chỉ còn một cách là bán nhà.... Và nếu ông lo ngại cho em thân gái thì ở đâu mà không lo ngại. Ở nhà quê đã chắc đấu tranh khỏi bọn cường hào hà hiếp? Dầu sao em vẫn nhớ lời nguyện vọng cuối cùng của thầy em: là để em Huy học thành tài và trở nên người hữu dụng.

Lộc mỉm cười:

- Nhưng còn cô?

Mai ngơ ngác:

- Em không hiểu.

- Tôi hỏi còn cô thì trở nên gì? Từ này đến giờ tôi chưa hề thấy cô tưởng đến cô.

- Tôi ấy à?

Mai hơi lầy lăm lăm, Vì thực ra cũng không mấy khi cô tự nghĩ đến cô...” (tr.34)

Lời Mai nói với bà Ân:

“... Trong lúc quẫn bách, con đã toan lấy một ông Hà cự phú, không phải là để tìm chỗ nương thân, vì con xin thú thực, con không hề tưởng đến thân con, nhưng chỉ cốt giữ được lời hứa với cha con lúc lâm chung: là thay cha nuôi em ăn học thành tài và trở nên người hữu dụng” (tr.130).

Mai, một người tình giàu lòng hy sinh và chung thủy

Trước hết, Mai yêu Lộc không phải vì Lộc giàu sang mà vì cái đẹp tâm hồn của Lộc:

“Thực vậy, từ ngày nàng gặp Lộc đến nay, trái tim nàng đã nhiều lần hồi hộp vì những tính tình cao thượng, những cách hành vi quân tử của chàng. Nàng chỉ mong có dịp báo đáp ơn sâu...” (tr.80)

Và trong khi nghe lời trần tình thành thực của Lộc ngỡ ý muốn lấy Mai làm vợ, đây ý nghĩ thâm của Mai:

“Thì ông không biết rằng cái thân này, cái linh hồn này đã là của ông rồi hay sao? Hà tất ông còn phải xin, phải van” (tr.81)

Tin ở chân giá trị tình yêu cao thượng, trong sạch của mình, Mai bất chấp lễ nghi. Đây là lời tác giả nói về Mai:

“Kể ra chàng cứ thú thực với Mai rằng mẹ chàng không bằng lòng cho chàng kết hôn cùng Mai, nhưng ngoài Mai ra, chàng không thể yêu được một người nào khác thì có lẽ Mai cũng vì nàng mà hy sinh hết trinh tiết cùng danh dự, hy sinh cả cái đời thanh niên” (tr.80)

Là người tình chung thủy, Mai vượt mọi cám dỗ, ngay cả trong hoàn cảnh đen tối nhất (cự tuyệt ông Đốc Minh, tránh họa sĩ Bạch Hải). Tình yêu của nàng với Lộc sâu xa đến

nổi sau năm năm xa cách, giận hờn mà khi thoáng thấy màu giấy viết thư biết ngay là thư của Lộc:

“Huy toan nói dối là bức thư của bạn. Song hình như đọc được tư tưởng của em và muốn tránh cho em một sự nói dối vô ích. Mai cười gượng:

- Anh ấy vẫn dùng thứ giấy viết thư ngày xưa nhỉ?”
(tr.192)

Cái linh động ở nhân vật Mai còn có ở chỗ nàng rất “người”. Nàng có giận hờn tủi hổ về cách ăn ở tệ bạc của Lộc, cùng thái độ tàn nhẫn của bà Án nhưng rồi sau đó lại xúc động từ tâm.

Khi bà Án lên Phú Thọ tìm nàng, bà đã hai lần bị Mai mĩa mạt. Lần thứ nhất khi hai người mới chạm trán nhau:

“Kìa chào mợ! Mợ đi chợ về?”

Mai chấp tay đáp lễ rồi ngậy người đứng im.

Bà Án cười vui vẻ hỏi:

- Mợ quên tôi rồi?

Mai cũng cười chua chát trả lời:

- Bảm cụ bao giờ con quên được cụ...” (tr.231)

Lần thứ hai khi Mai mời bà Án ăn cơm:

“Huy bảo chị:

- Ấy em đã hết sức mời cụ nhưng cụ từ chối.

Mai mỉm cười:

- Hay cụ chê nhà chúng cháu nghèo, cụ khinh chúng cháu là con nhà hạ tiện” (tr.232)

Nàng cũng chỉ nói vậy cho vợi bớt nỗi sầu uất chứa chất trong lòng, còn thái độ thường xuyên của nàng tuy cương quyết đầy nhưng lễ độ, nhân ái.

Rất giàu tình cảm nhưng lý trí sáng suốt, nàng biết nhìn xa trông rộng, khuyên Lộc đừng tìm cách nối lại duyên xưa với nàng mà nên trở về với trách nhiệm nặng nề của chàng.

Tình cảm và lý trí quân bình như vậy, tâm hồn rộng rãi giàu tình thương, giàu hy sinh như vậy, Mai thực sự là một người đàn bà hiem có, cho nên chúng ta không ngạc nhiên khi thấy nàng ý thức được rõ rệt giá trị của nàng:

“Lộc ngắt:

- Thế còn em? Em không phó thác vào anh sao?

Mai mỉm cười:

- Không, em khác. Ở đời có phải ai ai cũng hy sinh được đâu?” (tr.258)

Điểm phi lý trong vai Mai và cũng là điểm phi lý của câu chuyện là:

- Mai đã từng gặp bà Án ở huyện Đông Anh khi ông Tú dạy học ở đấy, vậy mà nàng đã quên mặt bà Án đến nỗi Lộc có thể nhờ một người đàn bà khác giả làm mẹ mà ngay lúc đó Mai không một chút nghi ngờ.

- Suốt trong thời gian đã là vợ Lộc, ở ngay Hà Nội, việc con dâu đi lại thăm mẹ chồng là một việc tất yếu phải có, mà tuyệt nhiên ta không thấy Mai làm truyện đó.

LỘC:

Nếu tâm lý vai Mai được tác giả dựng chặt chẽ bao nhiêu thì vai Lộc lỏng lẻo bấy nhiêu. Tâm lý Lộc biến chuyển theo ba đợt tương ứng với ba phần của câu chuyện.

Đợt một:

Trong phần thứ nhất câu chuyện, Lộc xuất hiện như một Kim Trọng hào hoa phong nhã, tư tưởng phóng khoáng, hành

vi vô tư lợi. Việc chàng tìm đến Ninh Bắc gặp Mai rất đúng tâm lý chàng trai bắt đầu yêu.

Đợt hai:

Trong phần thứ hai câu chuyện Lộc nhờ một bà cụ già làm mẹ để xin hỏi cưới Mai cho chàng. Thế là tiểu gia đình này gồm: Lộc, Mai và Huy. Nhưng sang phần này Lộc biến thành một người đàn ông nhu nhược, ích kỷ bản tính, ghen một cách mù quáng.

Nhân danh chữ hiếu, chàng nép mình chịu khuất phục quan niệm cũ của mẹ:

Bà Án xia vào mặt con:

À mà y dờ vãn mình ra với tao à? Tự do kết hôn à? Mà y không bằng lòng nhưng tao bằng lòng. Mà y phải biết lấy vợ gả chồng phải tìm chỗ môn đăng hộ đối, chứ mà y định bắt tao thông gia với bọn nhà quê à? Với bọn cùng đinh à? Mà y làm mất thể diện tao, mất danh giá tổ tiên, mà là một thằng con bất hiếu. Nghe chưa?

Lộc thấy mẹ giận dữ quát tháo, liền cúi đầu tạ lỗi và xin cam đoan vâng lời mẹ dạy. Xưa nay Lộc vẫn là người con có hiếu” (tr.69)

Nghi Mai có ngoại tình, chàng đã mắc mưu mẹ một cách quá ngây thơ (vì cái thơ nặc danh ký tên NG.Y).

Đọc xong chương “*Mẹ con*”, chúng ta phải đi đến kết luận rằng: Cái thẳng thắn và trong sáng của tâm hồn Mai biểu lộ rõ ràng hồn nhiên như thế mà Lộc vẫn còn nghi ngờ, chàng thực là một người hết sức tầm thường. Đã đành một người sáng suốt có thể trở thành u tối, một người quảng đại có thể trở thành thiên cận hẹp hòi, nhưng sự biến chuyên tâm lý đó phải được giải thích bằng những sự kiện.

Vai Lộc của Khái Hưng sụp đổ chính vì không có sự giải thích đó. Lộc ở phần I với Lộc ở phần II như hai nhân vật khác biệt hẳn.

Đợt ba:

Khi gặp họa sĩ Bạch Hải, được họa sĩ cho biết hết nỗi oan tình của Mai. Lộc hối hận, rồi viết thư cho Huy... rồi bà Ân lên Phú Thọ gặp Mai... rồi Lộc gặp Mai trên đồi... Lộc xuất hiện phần thứ ba này không những nho nhã đáng mến như phần thứ nhất, mà còn đáng thương nữa, vì cảnh chàng bị dày vò bởi hồi hận.

Chợt tự nhiên tới đoạn cuối chương sau cùng, tình yêu cao cả của Mai đã giác ngộ, Lộc tìm thấy con đường lý tưởng phải đi:

“Lộc mắt lim dim cố tìm chân lý trong những ý tưởng phức tạp của Mai.

Trong đầu bỗng hiện ra hình ảnh một chàng thanh niên cứng cáp, quả quyết, theo đuổi việc xã hội, những việc mà tất phải đem hết nghị lực tài trí ra mới làm nổi..” (N.C.X. tr.279)

Sau đó Lộc nói với Mai:

“... Đòi anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa, anh sẽ vì người khác mà sống, vì người khác, anh sẽ bỏ cái đòi an nhàn, phú quý mà dấn thân vào một cuộc đời gió bụi...” (N.C.X. tr.280).

Sự biến chuyển tâm lý của Lộc ở đây cũng phi lý như ở phần hai. Ấy là không kể hình ảnh *“dấn thân vào cuộc đời gió bụi...”* hoặc *“... trong khi ấy tại một nơi hẻo lánh, một thiếu phụ yêu chàng, đương mong mỏi ở sự hành động của chàng, đương đếm từng bước chàng đặt trên đường đời...”* (N.C.X. tr.297) đều là những hình ảnh sáo rỗng, lãng mạn một cách rẻ tiền.

Một người nhu nhược như Lộc liệu có thể nhất đán trở thành một chiến sĩ của hỷ xả như vậy? Một người sống thuần về tình cảm như Lộc liệu có thể nhất đán cương quyết xa Mai

mãi? Nhận xét của Vũ Ngọc Phan không phải là không có lý: Ông Vũ đã lý luận về đoạn này như sau:

“Lần đầu Lộc gặp Mai xin nàng tha lỗi, Mai còn tỏ vẻ lãnh đạm, nhưng đã để cho Lộc cầm tay, lần thứ hai, Lộc trở về nhà Mai, Mai đã có thể ngồi suốt đêm để kể nỗi lòng với Lộc; vậy nếu Lộc cứ lên Phú Thọ, luôn luôn đã có đứa con trai là thằng Ái bắc cầu cho đôi bên, cặp vợ chồng ấy có thể nào xa nhau mãi được? Sự tái hợp chỉ là một sự rất thường”.

Tóm lại Khái Hưng đã thất bại khi dựng vai Lộc và sự đổ vỡ của vai này đã làm suy giảm khá nhiều giá trị tư tưởng của tác phẩm.

HUY:

Tuy là vai phụ nhưng Huy cũng nêu được tấm gương lớn về đức tính khảng khái, thẳng thắn. Điều đáng quý ở Huy là trong cảnh túng quẫn vẫn không thềm nhờ vả ai, cần răng chịu đựng, nhưng lúc thẳng thê chàng lại đầy lòng tha thứ. Thái độ điềm tĩnh, lễ phép khi chàng tiếp bà Án ở Phú Thọ, thái độ nhân đạo của chàng đối với Lộc ở chương “*Trên đồi*” chứng tỏ chàng thật xứng đáng là em Mai.

BÀ ÁN:

Bà là người đại diện cho phái cũ nệ cổ, nên bà quá chú trọng đến việc môn đăng hộ đối và nhất quyết liệt Mai vào hạng liễu ngổ hoa tường. Bà yên trí Mai sắp sửa làm hại đời con bà như con điều hâu định ăn thịt con gà con. Bà rất mực thương con nhưng nghiêm và cương quyết. (Bà thương con theo quan niệm của bà).

“Thế thì mày giỏi thật... Mày dối tao, mày đánh lừa tao...”

Giời ơi! Đẹp mắt! Ông tham con quan Ân mà làm những việc khốn nạn như thế. Nếu bên quan Tuần mà biết chuyện này thì mày bảo sao? Thì tao còn mặt mũi nào hờ thằng kia?

...

A! Thằng này giỏi thật, vượt quyền cha mẹ. Không còn biết ngũ luân ngũ thường là gì nữa...” (tr.107)

Trong chương “*Hội kiến*” bà Ân đã rất tàn nhẫn với Mai, buộc nàng phải dứt tình với Lộc cũng chỉ để bảo vệ hạnh phúc cho con bà. Sau này bà lên Phú Thọ tìm Mai để xin cháu Ái về, bà đã phải rất mực nhún nhường và có nhiều câu nói thành thực khiến ta cảm động. (Chương “*Cháu Ái*”)

Khi đọc hết cuốn truyện, ta thấy chỉ tại quan điểm mới cũng khác nhau chứ thực tình bà Ân không hẳn hoàn toàn đáng ghét.

Các vai phụ khác cũng đều rất thành công.

ÔNG HẠNH:

Người lão bộc trung thành, thực thà, chất phác một hình ảnh Việt Nam thuần túy và cổ sơ giữa một xã hội đã pha nhiều cái mới do ảnh hưởng Tây phương.

HÀN THANH:

Nhân vật điển hình, cường hào trọc phú.

DIÊN:

Cô gái giang hồ có hảo tâm, không muốn bạn (Mai) cũng sa ngã như mình.

CỤ TÚ LÂM:

Chúng ta không thể quên hình bóng một vai phụ khá quan trọng là cụ Tú Lâm, cha Mai và Huy. Mặc dầu cụ Tú không thực sự xuất hiện trong chuyện, bởi một lẽ giản dị là cụ đã mất, nhưng Mai và Huy (nhất là Mai) là hồi quang trung thành của nền giáo dục của cụ, nên ta không thể không nhắc đến cụ.

Cụ đã xuất hiện gián tiếp qua những hồi ức của Huy, của Mai hoặc lời giới thiệu của tác giả.

Một mẫu đời dĩ vãng chạy qua trí nhớ Huy: những lời giới giảng của cha nói với Mai:

“Lẽ tất nhiên, ai cũng phải chết. Các con không nên buồn. Lúc nào cũng phải vui thì mới đủ can đảm, nghị lực mà sống ở đời. Hai con nên theo gương cha. Cha vui đến giờ cuối cùng. Cha hy vọng thế nào các con cũng làm vẻ vang cho cha, cho linh hồn cha ở nơi chín suối. Cha hy vọng rằng thế nào em Huy cũng học thành tài và trở nên một người hữu dụng cho xã hội. Cha mất đi chẳng còn của cải gì để lại cho hai con. Cha chỉ có ba thứ gia bảo này ông cha để lại cho cha, nay cha truyền cho hai con mà thôi. Là giữ lòng vui, giữ linh hồn trong sạch, và đem hết nghị lực ra làm việc” (tr.12).

Lời giáo huấn của cha mà Mai hằng nhớ:

“Những khi nàng tưởng tượng tới cha thì lại nhớ đến lời phụ huấn: Ở đời không có sự gì xấu hơn sự quên ơn. Cứu

nhân ta không sợ bằng ân nhân. Ta chỉ lo sẽ xảy ra sự khiến ta không trả được ơn, chứ đối với kẻ thù thì không có thứ gì giới nào mạnh bằng lòng hữu ái. Lòng hữu ái ấy, nếu ta đem ra đối đãi với ân thì chẳng hóa ra ta đặt ân nhân ta ngang hàng với kẻ địch của ta ư?” (tr.80)

Vậy Mai biết nhớ ơn, hay tha thứ, có lòng yêu thương rộng lớn chính là nhờ giáo dục của cụ Tú, một nền giáo dục phóng khoáng, lãng mạn như lời tác giả công nhận²⁰. Chúng ta đã thấy một trong những động cơ chính thúc thúc đẩy Mai yêu Lộc là lòng biết ơn:

“Thực vậy, từ ngày nàng gặp Lộc đến nay, trái tim nàng đã nhiều lần hồi hộp vì những tính tình cao thượng, những hành vi quân tử của chàng. Nàng chỉ mong có dịp báo đáp ơn sâu” (tr.80)

Nàng những mong báo đáp ơn dày đó một cách xứng đáng, một cách phi thường:

“Nhưng người ấy là Lộc mà Mai kính yêu, thì đâu có xin nàng hết cả những đặc quyền, đặc ân nàng cũng chẳng từ chối” (tr.81)

Và khi Lộc đã thú thực cùng Mai vì chữ Hiếu mà chàng không dám đường hoàng cùng nhau chung hưởng hạnh phúc, Mai đã thốt ra câu nói lộ được hết tinh thần phóng khoáng lãng mạn của nền giáo dục của cụ Tú:

“Em chỉ tiếc rằng ngoài những tư tưởng Nho giáo, thầy em lại dạy em biết yêu người ở ngoài vòng lễ nghi” (tr.103)

Vậy cụ Tú cũng là môn đồ Khổng học nhưng tri thức, tư tưởng cụ đã vượt hẳn ra ngoài vòng kiềm tỏa của Nho giáo. Cụ cũng là nhân vật lý tưởng tiên phong dung hòa giữa cũ và mới. Vì đâu mà cụ Tú có được thái độ phóng khoáng và lãng mạn cấp tiến đến thế? Cụ có hoạt động trong Đông Kinh

²⁰. Ý tưởng ngộ nghĩnh ấy – ta cho là ngộ nghĩnh - chỉ là kết quả một nền giáo dục quá theo nhân đạo, quá theo lý tưởng của cụ Tú Lãm, một nền giáo dục có thể gọi là lãng mạn (N.C.X. tr 81)

Nghĩa Thục? Cụ có từng xuất dương (sang Tàu hay sang Nhật chẳng hạn) và do đó có dịp tiếp thụ trào lưu tư tưởng mới?

Không thấy tác giả nói rõ. Thoáng những mẩu hồi ức chúng ta chỉ biết cụ Tú đã có một thời buôn gỗ và là bạn cũ của cha Lộc:

“Bảy năm về trước, quan huyện Đông Anh có mời cụ Tú Lâm đến dạy hai cô con gái học chữ nho. Bấy giờ cụ Tú gặp lúc quần bách vì luôn mấy năm buôn gỗ bị thua lỗ, cái vốn dăm sáu nghìn đã gần khánh kiệt, nên thấy người bạn xưa muốn tìm cách giúp đỡ thì nhận lời ngay” (tr.29)

Ở đoạn Mai và Huy sắp bỏ nhà Lộc ra đi, tác giả có nhắc đến cụ Tú nhưng cũng không cho ta biết rõ gì hơn về dĩ vãng của Cụ:

“Cho hay tính liêu lĩnh, tính lãng mạn cũng là một tính di truyền ở nhà cụ Tú. Cụ khi xưa vì cái tính ấy mà mấy lần gia thế thăng trầm, rồi đến bị khánh kiệt gia sản. Mai với Huy cũng chỉ vì phần uất, vì tự do không chịu được một sự khinh mạn mà sắp liêu sống đời phiêu lưu” (tr.141)

Mai là linh hồn của câu chuyện, nền giáo dục của cụ Tú là linh hồn của Mai, vậy mà tác giả chỉ nói sơ sài về cụ Tú như vậy, kể cũng là một khiếm khuyết của câu chuyện.

II. Vài ý nghĩa về truyện *Nửa Chùng Xuân*

*1. So sánh Mai trong *Nửa Chùng Xuân* với Loan trong *Đoạn Tuyệt**

Nếu đem so sánh hai cô gái cùng thời đại này chúng ta thấy:

A. Về học thức:

Mai: Chỉ biết đọc biết viết đủ dùng và chịu đậm ảnh hưởng nền giáo dục Nho giáo – thứ Nho giáo phóng khoáng của cha.

Loan: Có một trình độ Tây học khá vững (nàng học đến năm thứ tư Trung học) và hoàn toàn đối lập với ý kiến gia đình.

B. Về tính tình, thái độ:

Mai: Ý thức được hành động và trách nhiệm của mình. Dịu dàng, chừng mực, lý trí tình cảm quân bình.

Loan: Cũng ý thức được hành động và trách nhiệm của mình. Bướng bỉnh theo mới đến cùng. Lãng mạn quá trớn về hành động cũng như về tư tưởng. Bị suy động bởi tình cảm nhiều hơn.

Chính vì tính Mai như vậy nên tình tiết câu chuyện đời nàng chuyển biến hợp lý và nhịp nhàng. Ngược lại chính vì tâm lý Loan như vậy nên nàng bị bao vây bởi hoàn cảnh, tác giả phải cầu cứu đến sự bất ngờ đẫm máu làm lối thoát.

2. Xét về sửa đổi đoạn kết của tác giả về sau:

So sánh truyện đăng trên báo với truyện in thành sách, ta thấy chương cuối mà tác giả đặt tên là “*Bên lò sưởi*” là chương được thêm vào sau. Có lẽ tác giả thấy trong truyện Lộc đóng một vai thảm bại quá: thiếu tinh thần tranh đấu, thiếu đức thành thực, nhu nhược, đa nghi. Ở chương cuối cùng này tác giả cho thấy, nhờ ảnh hưởng tốt đẹp của tình yêu của Mai với lòng hy sinh cao thượng của nàng, nên Lộc tìm thấy cho mình một đường lối sống. Thiện chí của tác giả thực rõ ràng, nhưng chính vì thế mà vai Lộc vốn đã đổ vỡ lại càng đổ vỡ.

“Đôi lòng yêu gia đình ra lòng yêu nhân loại, đem hết nghị lực tài trí ra làm việc đời” nói thì dễ biết mấy, nhưng giả sử ông huyện Lộc thay đổi nếp sống bênh vực dân tắt nhiên không khỏi bị thượng cấp, tay sai của thực dân và chính thực dân nghi kỵ, ở địa vị làm quan huyện của Lộc, với tính tình nhu nhược cố hữu của chàng, liệu chàng đứng vững trước đầu gió được bao lâu?

Hay chàng bỏ quan, xông pha mưa gió như Dững, xa hẳn gia đình?

- Hoàn cảnh cũng như cá tính của Lộc đầu có như Dững mà thoát ly như vậy được?

Thành thử tất cả cái thiện chí luân lý của tác giả ở chương cuối chỉ là một thứ hoa hữu sắc vô hương, làm mất tính cách nhất trí của tâm lý nhân vật và sự xây dựng cốt truyện vì vậy thành máy móc, gượng ép.

Theo ý chúng tôi nếu tác giả để nguyên như cũ, dừng lại ở chương Lộc Mai từ giã nhau ở trên đời, độc giả sẽ ngậm ngùi biết mấy. Kết cục ra sao, để mặc mỗi độc giả tùy ước muốn chủ quan của mình mà tưởng tượng lấy.

TRÔNG MÁI

Câu truyện

Trông Mái là truyện một cô gái giàu sang học thức (Hiền) yêu vẻ đẹp cân đối của thân hình một chàng thuyền chài chất phác (Vọi). Vẻ đẹp quyến rũ của Hiền đã xúc động Vọi. Anh chàng Vọi đáng thương này biết ghen tức những vẫn nặng tự ti mặc cảm trước Lưu, người bạn trai ở chốn kinh thành của Hiền. Rồi qua đi một mùa tắm, năm sau khi Hiền ra Sầm Sơn thì được biết Vọi đã chết trong một buổi “đi nghề”. (Như vậy là thời gian câu chuyện xảy ra vừa đúng một năm).

Nhân vật

HIỀN: - Nàng là một cô gái mới ngoài 20 tuổi lãng mạn một cách táo bạo, ưa thể thao, giỏi bơi lội và đẹp. Vì được mẹ (bà Tham Hậu) nuôi chiều, nàng có nhiều ngôn ngữ cử chỉ quá trớn. Nhận xét tổng quan tính cách của Hiền thì nàng là một cô gái vô tâm, nông nổi, thay đổi ý kiên như chong chóng.

Dưới đây là đoạn tác giả giới thiệu một cử chỉ lố lăng của Hiền với mẹ:

- *Hiền!*

- *Dạ!*

- *Mặc xong chưa, sao lâu thế?*

- *Xong rồi đấy ạ*

Hiền từ trong buồng ngủ vội bước ra, cúi rạp đầu xuống chào theo điệu ca kịch trên sân khấu. Bộ áo tắm màu xanh non rất ngắn để hở cặp đùi hồng hào, cái ngực trắng bong và cái lưng lẳn những bắp thịt khiến bà mẹ hơi chau mày (tr.11)

Đây là một cảnh khác trên bãi cát:

Nàng ông lấy mẹ vừa cười vừa hôn:

- *Mẹ tha lỗi cho con nhé.*

Chung quanh kẻ cười mát, người bĩu môi. Những bà đứng tuổi cho Hiền là Tây quá, quay lưng đi thì thầm nói chuyện với nhau để tỏ ý khinh bỉ.

Thấy thế Hiền càng làm già, nhảy theo nhịp khiêu vũ quan mình mẹ. Đoạn, ngả đầu chào rồi cắm cổ chạy thực mau về phía nhà khách sạn lớn (tr.17).

Nàng thay đổi ý kiến như chong chóng, điều này chính nàng cũng tự công nhận trong một bức thư gửi cho bạn là cô Oanh:

“Em vẫn dễ đổi ý kiến như khi còn đi học, tuy ngày nay em đã già hơn thời ấy những hai, ba tuổi...” (tr.56).

Tác giả không bỏ lỡ dịp nào để giới thiệu vẻ đẹp cân đối của Hiền:

“Hiền tuy không mặc quần áo trẽn, song thấy có gió mát mà bãi biển lại ướt nên nàng cũng tập chạy để được mệt và thở. Những vạt áo và ống quần lụa đồng màu cốm non, gió thổi ép vào thân thể làm nổi hẳn bộ ngực và hai cái đùi tròn của Hiền” (tr.43).

Bà Tham Hậu góa chồng, nhà giàu, sinh hạ được hai con gái, cô cả (chị Huyện Đài) đã lấy chồng và đã sinh một trai một gái, Hiền là út. Hiền có những cử chỉ quá trớn như trên, mà bà Tham Hậu không mắng bảo được vì:

“Tuổi bà quá gấp đôi tuổi Hiền, nhưng tính nết bà vẫn trẻ như tính nết Hiền. Chẳng thế, hôm đến một hiệu Tây mua áo tắm, bà lại vui vẻ nhờ Hiền chọn một bộ: bà biết rằng những kiểu áo Hiền ưng bao giờ cũng dễ coi và hợp thời trang” (tr.12).

VOI. - Vòi là một anh dân chài chất phác có thân hình nở nang cân đối, đẹp như một pho tượng Hy Lạp (hợp với sở thích của Hiền). Anh mồ côi cha từ thuở nhỏ. Bác Bật – cha anh – ngày đó cùng bạn chài ra khơi thả lưới, lưới bị mắc, bác Bật lặn xuống gỡ thì bị cá mập ăn thịt.

Sự quê mùa của Vòi đến mức khi anh thấy Hiền đánh răng tưởng đó là thuốc ruộm răng trắng. (xem tr.153)

Đây là vẻ đẹp của Vòi lần đầu tiên xuất hiện dưới mắt Hiền, đẹp theo nhà hội họa, nhà điêu khắc, nhà thể thao:

“Hiền ngạc nhiên: nàng thấy một nhà lực sĩ cường tráng, mỹ lệ như một pho tượng cổ Hy Lạp. Nàng không lưu ý đến mà râm nắng mà chỉ ngắm nghía những nét nhịp nhàng cân đối của một tâm thân thể hoàn toàn. Vòi lại có khuôn mặt đều đặn, cặp mắt hơi xếch và sang, cái cằm vuông và lồi, khiến chàng nổi hẳn trong bọn dân chài nặng nề, kém thông minh” (tr.20).

Vòi đẹp trai nhưng tính nết lại hay bẽn lẽn, then thùng, nhiều cô trong làng thường trêu gheo anh, hoặc đi sát vào anh hoặc ve vãn. Có lần, Vòi đưa Lưu ra khơi trên mảng của anh. Vì ngầm ghen với Lưu, lại bực tức vì nhiều lần bị Lưu chế giễu, Vòi lờn vờn có ý định chặt đứt các mối lạt cho các cây buong trôi phăng mỗi cây đi một ngã, Vòi sẽ bơi vào bờ, Lưu sẽ chết đuối. Vòi vô tội. Nhưng sau đó căn bản Thiện thắng, Vòi lại vui cười dựng buồm đưa Lưu trở về.

Các nhân vật phụ khác:

LUU: - Sinh viên trường Luật luôn luôn có thái độ khinh rẻ những người quê mùa như Vội. Ghen với Vội nhiều khi Lưu trở thành nhỏ nhen, bịa đặt ra câu chuyện không đâu để bảo cho anh đánh cá hiểu rằng cô Hiền không cảm động gì về anh ta hết.

PHỤNG: - Cũng là một cô gái mới giàu sang, có cảm tình với Lưu nhưng lại không được Lưu để ý.

BÁC GÁI BẬT (mẹ Vội) – Mẹ Vội thật thà chất phác. Nhiều khi có những cử chỉ cầu lợi đặc biệt của những người nhà quê nghèo, đang thương hơn đáng trách.

VỘI – Em gái Vội, cô bé quê ít tuổi nhưng tinh ranh, v.v...

Tư tưởng

Trống Mái trước hết là câu chuyện tình, tình vô tư và khách quan của Hiền, tình âm thầm tuyệt vọng của Vội. Nhưng lẫn trong chuyện tình đó có phần tư tưởng. Vậy tư tưởng *Trống Mái* ra sao?

Trống Mái đề cao nếp sống khỏe mạnh của con người hoạt động nhịp nhàng giữa thiên nhiên và đã kích nếp sống thuần trí thức nhưng yếu hèn. Có khỏe mạnh mới mong được bình đẳng với kẻ thống trị mình (thời đó là Pháp).

Hiền nghĩ thầm:

“Muốn bình đẳng phải đồng đẳng. Mà trước hết cần nhất phải đồng đẳng về thân thể tráng kiện” (tr.14).

Hiền thành thực – dù chỉ thành thực trong một thời gian ngắn – muốn lấy Vội vì cuộc đời hoạt động khỏe mạnh giữa thiên nhiên của Vội thật đáng ca ngợi, và cảnh trái ngược đáng bi là *“cảnh nhỏ nhen lợi sui, trưởng giả: chồng già đời mài đũa quần trên ghé các công sở, nào bị người trên quở*

mắng, nào phải tự hạ nịnh nọt kẻ nọ kẻ kia, trong khi ấy thì vợ vênh vang xe nhà ô tô ra phết bà lớn bà bé, với những bộ cánh sặc sỡ lòe loẹt” (tr.67).

Hiện cảm thấy rõ ràng cả một đời nên thơ của kẻ sống trong vạn vật, sống với vạn vật. Mỗi một cử chỉ của mình, mỗi một câu nói của mình đều liên lạc nhịp nhàng với cỏ cây, với đất nước, với ánh sáng; với không khí bao bọc quanh mình. Mỗi một hành vi của mình có một ý nghĩa, một nghĩa triết lý sâu xa, cái hành vi không giả dối vì nó vừa cần phải có để nuôi sống tâm than, vừa làm cho tấm thân nở nang khỏe mạnh (tr.68).

Mà hề nói đến Sầm Sơn là thế nào cũng nhắc đến tên Vội. Có lẽ Hiện làm thế chỉ cốt để trêu tức, để hạ cái tính kiêu hãnh của mấy chàng công tử, mấy chàng sinh viên: Dem cái đẹp nở nang của thân thể, cái sức mạnh đều đặn của gân cốt để đối với cái tinh thần ủy mị, cái tri thức cộp nhật trong sách mà bọn kia không lúc nào quên giăng diễn khoe khoang (tr.183).

Phê bình nhân vật

HIỆN: - Chúng ta thấy Hiện có những ngôn ngữ cử chỉ tự do quá lộ với mẹ ở trên. Đọc suốt cuốn truyện, nàng còn nhiều ngôn ngữ táo bạo. Một lần trên bãi tắm trước mặt Hồng bạn nàng, nàng đột nhiên hỏi Vội:

“Giá tôi lấy anh, rồi chúng ta ra làm nhà ở bãi Lăn này cùng nhau chuyên nghề chài lưới thì anh có bằng lòng không?”

Chỗ khác, sự trắng trợn của Hiện đượm tính chất tình dục khi nói về hai con bướm vờn nhau:

“Thấy Vội nhìn theo đôi bướm, nàng nói:

- Ở Hà Nội tôi chưa từng thấy có giống bướm đẹp như thế, một cánh xanh lam tươi như thế.

Vội yên lặng ngẫm nghĩ, Hiền nói:

- Rõ chúng nó gốc quá nhỉ, đuổi nhau đã hai ba giờ rồi đấy” (tr.84).

Hiền là cô gái ý thức được sắc đẹp của mình nên vô cùng kiêu hãnh? Lưu, sinh viên trường Luật được bao nhiêu cô mê, được bao gia đình có con gái chào đón, Lưu cố công theo đuổi Hiền mà vẫn bị Hiền “bóp chát” luôn, coi chẳng ra gì. Như vậy thì Hiền yêu Vội – hãy tạm gọi đó là tình yêu – cũng như nàng yêu một đồ vật đẹp, cả chỉ có thể coi Vội là quá chất phác, quá ngu si nàng mới có thể dám trắng trợn hỏi “*Giá tôi lấy anh... thì anh có bằng lòng không?*”. Câu hỏi đó còn là một hình thức của kiêu hãnh vì “*xưa nay nàng vẫn hay nghĩ đến những sự khác thường, thích làm những việc mà người ta không làm được hay không dám làm*” (tr.66)

Hai chương XVII, XVIII nói đến tiệc trà do Hiền tổ chức hồi năm giờ để mời các bạn đến nghe nàng kéo violon. Việc nàng mời Vội đến giữa đám bè bạn nam nữ trưởng giả đó để làm bia cười, là một việc làm vô ý thức, mặc dầu nàng có thiện ý khác.

Nhưng cái đáng ghét nhất là thái độ vô tâm tầm thường nông cạn đến phi lý của Hiền. Có cảm tình với Vội là thế, đã đi mắng ra khơi với Vội, dạy Vội tập bơi theo lối mới, mời Vội đến dự tiệc trà... Ấy thế mà sau tiệc trà, bốn hôm không gặp Vội (vì Vội sốt) nàng đã hoàn toàn quên anh chàng, coi như ở Sầm Sơn không hề có Vội (tr.133). Vụ hè năm sau “*vào Sầm Sơn đã gần nửa tháng mà không một lần nàng nhớ đến người năm trước đã làm cho vụ nghỉ của nàng đỡ buồn tẻ*” (tr.189).

Mãi đến hôm cùng Lưu, Phụng lên hòn Trống Mái, thấy chữ V.H đục sâu vào đá Hiền mới liên tưởng đến Vội.

Phụng tinh quái nói giỡn:

- Hay chị lại đặt một tiệc trà mời anh ấy đến dự?

Hiền vui mừng reo:

- Ô, phải đấy! Vậy ta đến mời anh Vội đi.

Dứt lời nàng đi thẳng, Lư và Phụng đưa mắt nhìn nhau rồi thông thả theo sau” (tr.191).

Đọc đến đây ta thấy Hiền chẳng còn gì là đẹp, tâm lý nhân vật hoàn toàn đổ sụp vì sự phi lý đó.

Tư tưởng của Hiền cũng nông cạn như những hành động của nàng:

“Ừ, họ cứ nói, cứ bàn suông rằng không nên phân đẳng cấp. Vậy sao ta lại không thể là vợ anh Vội được? Anh Vội và ta đều không thuộc đẳng cấp nào cả. Vì đã không chia đẳng cấp thì còn gì có đẳng cấp? Nhưng nếu người chồng có trí thức không làm cho sung sướng bằng người chồng kém trí thức?” (tr.69).

Nhưng hỏi Hiền có thực bình dân để dám lấy Vội, người thấy thuốc đánh răng cho là thuốc ruộm răng trắng, người mà khi đến dự tiệc trà được tả như sau:

“Một người nhà quê đi chân không, đầu chụp cái khăn lượt cũ, mình mặc chiếc áo lương dài, rứt rứt tiến vào phòng, ngơ ngác sợ hãi nhìn quanh”.

Thành thử những tư tưởng khác về sau của Hiền chỉ là những tư tưởng giả trá.

“Sẵn có một nền học vấn lãng mạn. Hiền bài trí rất mau ra một cuộc đời đầy đủ, êm êm: Hai vợ chồng cùng đẹp khỏe, chỉ biết yêu nhau và làm việc bằng chân tay” (tr.135).

Có lẽ chính tác giả cũng thấy chỗ cực đoan của tư tưởng đó nên đã có lần tác giả để Hiền nghĩ:

“Cái đẹp của hình thức khó cảm được trái tim của người có trí thức, nếu cái đẹp hình thức ấy không chứa một tâm hồn tương đương.

Nhưng Hiền liên miên nghĩ tiếp luôn: “Biết thế nào là tương đương? Tâm hồn không hẳn là tri thức. Có tri thức mà gian trá, lừa dối tàn ác không bằng có một tâm hồn ngây thơ thô lỗ mà thành thực”.

Chỗ này chúng ta đồng ý với Hiền! Gì bằng tri thức và hình thức tương đương. Những người ngây thơ thành thực như Vội ai mà chẳng quý, như vời những dữ kiện đã nêu lên chúng ta vẫn thẳng thắn hỏi: Yêu quý đến chuyển sang tình yêu trai gái, Hiền có thực dám lấy Vội và tìm thấy hạnh phúc trong chuyện lứa đôi đó?

VỘI. – Sự tiến triển tâm lý ở Vội khá hợp lý.

Đây là lúc sắc đẹp của Hiền sau một thời gian gần gũi đã có tác động đến tâm hồn chất phác của Vội. Anh đã biết đi dạo mát trên bờ biển và nhận xét thiên nhiên một cách tình tứ. Anh nói với bà Hậu và Hiền:

“Thưa bà, thưa có bàn chân đặt lên cát ướt sáng loáng như bạc”.

Trái tim xúc động nhưng vẫn là xúc động chất phác: *“Vội tuy khuyên nàng nên đi đường biển cho chóng chẳng về trễ “bà, cậu” mong mỗi chò com. Nhưng chàng vẫn lấy làm sung sướng được ở bên nàng lâu hơn một lát nữa: Cái sung sướng ấy chẳng một lần nào Vội nghĩ đến và tìm hiểu xem cội rễ từ đâu”* (tr.98).

Rồi vụ hè hết, những người nghỉ mát rời khỏi Sầm Sơn, Vội nhớ Hiền... Tác giả tả tâm lý Vội ở đoạn này vừa nhẹ nhàng vừa bình tĩnh mà thật là đúng:

“Đã hơn nửa tháng, ngày hai buổi, sáng và chiều, Vội vẫn thân nhiên cùng phường bạn ra bãi xóm Sơn, bãi Sầm Sơn đánh rút hay lên mảng đi đánh lộng, đánh khơi. Nhưng cái lòng yêu nghề, cái vui sướng tung lưới ở ngoài biển rộng, cái ham thích mạo hiểm phiêu dạt lang thang mấy ngày trời trên làn sóng dữ, Vội không còn có nữa” (tr.166).

Nhưng đôi chỗ tác giả cũng để cho tâm lý Vội đến chỗ tinh tế quá, mâu thuẫn với bản tính chất phác của anh. Tỉ như ở chương XXVIII, Vội dừng bước trước hòn Trống Mái, nhìn mảnh vỏ dừa khô nhớ lại một cảnh âu yếm rất lãng mạn:

“Hôm ấy cô Hiền bảo Vội đưa đi coi dãy núi Đường Trèo. Khi trở về Hiền kêu khát nước, tức thì Vội chạy vào làng mua được một quả dừa đem đến. Không có cốc, có bát, Hiền phải cầm quả dừa dốc ngược nước vào miệng. Uống xong nàng cười ngất dừa chỗ còn lại cho Vội. Trong đời Vội thật không lần nào Vội được uống một thứ nước dừa ngọt và dịu như thế, phảng phất mùi thơm hơi thở và mùi phấn hồng bôi môi.” (tr.173).

Lần đó dừng bước trước Hòn Trống Mái, ngắm nhìn mảnh vỏ dừa khô Vội đã bung mặt khóc rung rức.

Một lần khác, một chiếc lá lộc vùng đỏ rơi vào lòng Vội khiến Vội kinh hoàng kêu: *“Trời ơi, cô Hiền!”*. Vì màu chiếc lá rụng đỏ sẫm như màu vỏ xó vừa nhắc chàng nhớ tới bộ áo tắm Hiền thường mặc (tr.178).

LƯU. – Nhân vật này cũng giữ được tâm lý thống nhất từ đầu đến cuối, khinh rẻ những cuộc đời nghèo hèn. Duy có một điều khiến người đọc phải thắc mắc: không lẽ một sinh viên trường Luật (xin nhớ là thời này sinh viên đang được trọng vọng lắm lắm) mà kiên nhẫn, nhiều khi mất hết lòng tự ái đến thế?

Lưu đến sớm nhất trong tiệc trà được bà Hậu khen. Lưu cười trả lời:

- Thừa Cự, Thánh nhân đã dạy: “Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau”

Hiền lảm bảm (Lưu có nghe thấy).

- Nhạt (tr.112).

Đây là đoạn Hiền muốn rủ Lưu, Phụng cùng đi thăm Vội ốm. Lưu thoát kiếm có thoái thác. Hiền cáu.

Lưu cười gương:

- *Cô nóng quá, cô còn chẳng sợ lây nữa là tôi thân danh một nam nhi đồng cảm.*

- *Hiền vẫn còn căm tức và chẳng hiểu sao nàng cảm thấy nàng ghét Lưu về đủ các phương diện. Nàng díu đôi lông mày nhìn đi nơi khác và bật lên tiếng cười the thé chua chát, cay độc lạ lùng.*

- *Đi thì đi, không đi thì thôi, làm gì mà phải dở những thân danh nam nhi đồng cảm ra như thế, nó có vẻ... (tr.139)*

Phê bình tình tiết câu chuyện

Tình tiết câu chuyện được bố trí như sau:

Phụng có lòng yêu Lưu nhưng Lưu không để ý, Lưu yêu Hiền nhưng thường lại bị Hiền nhạo báng hất hủi nữa; Hiền có cảm tình với Vội nhưng Vội chỉ là một anh phờng chải chất phác đàn độn. Nhiều khi Lưu gận Phụng, tỏ vẻ thân mật với Phụng những mong gợi lòng ghen của Hiền nhưng Hiền dửng dưng. Tuy nhiên mối tình giữ Lưu và Hiền có cơ thành tựu. Tác giả hé cho ta thấy sự thành tựu đó ở chương XX:

“... Vâng, sao vắng mặt em Sâm Sơn lại buồn tênh được?”

Lưu không để ý đến câu nói của Hiền, chàng chỉ nhận thấy chữ “em” lần đầu thốt ra ở miệng người mình yêu nghe thấm thía đến tận tâm hồn khiến một lúc lâu chàng yên lặng mơ màng sung sướng...” (tr.126).

...

Hiền liếc mắt nhìn Lưu, cảm thấy Lưu đẹp lên bội phần và đương mỉm cười âu yếm nhìn mình (tr.127).

Và ở đoạn kết:

Trong bọn đó tất nhiên phải có Lưu, người vừa chiếm số một trong kỳ thi năm thứ ba trường Luật và có lẽ chiếm

cả số một trong những người hy vọng chiếm trái tim có Hiền (tr.187).

Mối tình Lưu – Hiền thì hợp lý, nhưng mối tình Hiền – Vội có thể được chăng? Sự thực mối tình đó chỉ là một sản phẩm của một trí tưởng tượng quá bùng bột của Hiền, đúng hơn là của tác giả.

Đó là một mối tình lý tưởng chăng? Lý tưởng là cái gì cao đẹp mà người ta ao ước đạt được hoặc có thể ôm ấp để an ủi. Mối tình Hiền – Vội chỉ là một mối tình không tưởng vì nó phi lý quá. Rồi mai đây ta theo kịp trình độ văn minh tri thức của nhân loại, anh dân chài của ta cũng có một trình độ tri thức đáng kể thì câu chuyện sẽ lại khác hẳn.

Chúng ta hãy đọc đoạn cuối của câu chuyện, tiện thể đặt vài lời để phê bình. Hiền đến thăm Vội, biết tin Vội đã chết vì cá nhà táng như cha anh xưa (cái chết của Vội cũng gượng ép):

Hiền cầm ba tờ giấy năm đồng đưa cho bác Bật:

- Chúng tôi dãi... (Thái độ cho tiền này sao mà khinh mat!)

Người đàn bà khổ sở đưa tay đỡ lấy tiền mếu máo nói:

- Ôn này tôi biết làm thế nào trả được.

Hiền buồn rầu đáp lại một câu rất bí mật:

- Tôi là một người có tội, dẫu làm phúc bao nhiêu cũng không chuộc được tội ác đau, bà ạ. (Sự hối hận của một cô gái vô tâm và nông cạn như Hiền, kéo dài được bao lâu?).

Đoạn nàng đứng dậy chào bác Bật, rồi cùng Lưu và Phụng ra về. Vội tiến đến cổng, Hiền ghé tai thì thầm bảo cô bé nhà quê láu lỉnh:

- Khi nào em cần chị giúp điều gì, thì cứ lại đằng nhà.

Đến hòn Trống Mái, Hiền cảm động quá, ngồi xuống

đôi, hai tay ôm đầu nghĩ ngợi. Phụng cùng ngồi xuống thở dài úa nước mắt lâm bầm:

- *Chỉ tại mình!* (Phụng nói câu này vì mấy tháng trước đây vào mùa đông, nàng ra sữa nhà gặp Vội. Vì ghen tức xa xôi nàng nói dối Vội là Lưu Hiền đã chính thức ăn hỏi, khiến Vội phải thất vọng.

Lưu đứng tựa tảng đá nhìn ra xa (Lưu hoàn toàn thản nhiên với cái chết của Vội).

Ngoài kia tiếng sóng vẫn rầm rộ đổ hồi.

Như trên chúng ta đã xét mối tình Hiền – Vội trong *Trống Mái* là mối tình không tưởng; tư tưởng ẩn trong truyện *Trống Mái* ca ngợi nếp sống bình dân không phân chia giai cấp, ca ngợi nếp sống khỏe mạnh của con người hoạt động nhẹ nhàng giữa thiên nhiên và đã kích nếp sống thuần trí thức yếu hèn. Tư tưởng đó đẹp lắm, ai cũng đồng ý, nhưng tư tưởng đó lại muốn được thể hiện ở Vội chỉ có đức tính thật thà chất phác nhưng hoàn toàn thiếu tri thức, ở Hiền một cô gái vô tâm, kiêu hãnh, nông cạn. Chính những nhân vật bất toàn đó làm sụp đổ những tư tưởng đẹp trên. Vậy ưu điểm *Trống Mái* chúng ta phải tìm thấy đâu?

Ưu điểm *Trống Mái*

Đây là một khúc trường ca, ca ngợi thiên nhiên, ca ngợi cuộc sống vất vả nhưng phóng khoáng của những người dân chài giữa khoảng trời cao biển rộng.

Với những địa danh xóm Sơn, khe Thờ, hòn Buồm, núi Mè, núi Đầu Câu... Với những danh từ chuyên môn: đánh rút, đánh mảng, đánh khơi... tác giả đã khéo gợi một bối cảnh chài lưới rất linh động.

Đẹp nhất là những đoạn tả cảnh với những nhận xét tỉ mỉ, đôi khi cảnh tình hòa hợp, dưới đây chỉ xin trích mấy đoạn đặc sắc nhất:

“Về phía Đông Nam, nơi chân trời mặt nước, những đám mây nặng nề, đặc biệt từ từ đùn lên và phản chiếu ánh chiều tà trở nên sắc tím hung, phớt màu vàng thẫm da cam (tr.31).

Bống Vọi rùng mình? Trăng vừa từ trong đám mây đen ló ra, gieo ánh vàng lóng lánh xuống mặt biển ngoài bãi Khe Thờ, ở khoảng giữa Hòn Buồm và núi Gầu Cao.

Bóng hòn Trống in xuống tảng đá bệ và gói lên đầu hòn Mái. Bống Vọi cũng nằm dài theo song song với bóng tảng đá chênh vênh (tr.41).

Trời đã tối hẳn vì là một đêm hạ tuần, vì mãi chín mươi giờ trăng mới mọc. Rặng đèn điện trên đường cao chiếu ánh xuống những đợt sóng thành những tình trạng rất lạ lùng: có lúc trông giống một đoàn quái vật vẩy dạt lân tinh. Chúng gặm hết đuôi nhau, biến đi, hiện ra mãi mãi không cùng” (tr.123).

Tổng kết

Phân tả người, tả cảnh, tả tình đặc sắc, nhưng một tác phẩm không phải chỉ cần có thế, còn phần tư tưởng đó tuy đẹp nhưng tiếc thay đã hoàn toàn sụp đổ ở những nhân vật bất toàn.

Trống Mái là tiểu tưởng lý tưởng của Khải Hưng chăng? Nếu cố tình gán ghép là thế, thì *Trống Mái* là cuốn tiểu thuyết lý tưởng cuối nhất so với hai cuốn trước: *Hòn Buồm Mơ Tiên* và *Nửa Chàng Xuân*.

Phải chăng vì thế mà ngày nay tuy có thể là vẫn còn được đọc nhưng ít người chú ý đến *Trống Mái*?

PHỤ LỤC
TRÍCH

ĐOẠN TUYỆT

Loan và Dũng

Một buổi trưa chứa nhật, về mùa đông. Trong gian phòng ấm áp, bốn người ngồi quây quần nói chuyện trước lò sưởi đỏ rực. Bên ngoài, mưa bụi lặng lẽ bay qua mờ mờ như hơi sương. Hai gốc hoàng lan cạnh cửa sổ đứng rũ rượi, cành lá nặng nề, ướt át.

Nghe có tiếng trẻ rao báo ngoài phố, bà giáo Thảo nhìn ra vườn hỏi chồng:

- Cậu đã mua báo hôm nay chưa?

Ông giáo Lâm đáp:

- Mua rồi, tôi quên không đưa mợ xem

- Thế họ có đăng tin gì thêm không, cậu?

- Không.

Thảo quay về phía một cô thiếu nữ ngồi ở ghế đệm dài, rồi hỏi:

- Thế nào, chị Loan đã biết tin cô Minh Nguyệt tự tử chưa?

Loan đáp:

- Tôi biết rồi, biết trước khi họ đăng báo, vì tôi có quen cô ta. Khốn nạn, việc quái gì mà phải tự tử. Mẹ chồng ác thì về nhà bố mẹ mà ở, tội gì rước khổ vào thân rồi đến nỗi tự tử.

Thảo nhìn bạn mỉm cười:

- Chị nói dễ quá. Còn chồng, còn con...

Loan ngắt lời:

- Cô ấy chưa có con.

- Vâng thì cô ấy chưa có con. Nhưng còn chồng... con gái đã bỏ chồng là mất cả một đời rồi còn gì. Mẹ chồng ghét, chồng bệnh mẹ đuổi đi, cô Minh Nguyệt cho đời mình là hết hy vọng.

Loan nói:

- Việc gì mà hết hy vọng. Mẹ chồng ác thì đi chỗ khác mà ở, chồng ghét thì lại càng nên đi lắm. Khổ là vì cứ tưởng mình là thân con gái thì phải lấy gia đình chồng làm gia đình mình, nếu mất gia đình ấy là đời mình bỏ đi. Sao lại thế được. Mình sống, muốn sống thì không thể một mình mình sống được sao, nếu cái gia đình kia không cho mình được sung sướng. Sao đàn ông họ bỏ vợ này lấy vợ khác lại là sự thường.

Thảo thấy bạn nói có vẻ giận dữ, mỉm cười đáp:

- Chị đã biết ở xã hội mình, lấy chồng là lấy cả gia đình

nhà chồng. Nếu không muốn thế thì chỉ có một cách là không lấy chồng nữa hay là chọn người nào không có gia đình mà lấy.

Rồi nghĩ đến việc riêng của Loan, thấy Loan hiện đang bị bố mẹ ép lấy một người mà Loan không thuận, Thảo liền ôn tồn nói tiếp:

- Nhưng nào mình có được tự ý kén chọn đâu mà bảo kén chọn.

Từ nãy đến giờ, Dũng ngồi sát lò sưởi, loay hoay xếp lại mấy thanh củi, không nói một câu. Thấy hai cô bạn bàn tán mãi về một câu chuyện đã cũ kỹ, chàng liền quay lại nói:

- Chuyện gia đình bao giờ cũng rắc rối; nào tự do kết hôn, nam nữ bình quyền, mẹ chồng nàng dâu, bao nhiêu thứ lôi thôi, muốn yên ổn thì đừng nghĩ đến nữa.

Thảo đáp:

- Anh thì anh cần gì gia đình mà bảo nghĩ đến. Còn chị Loan nay mai phải về nhà chồng, chị ấy không để tâm sao được.

Rồi nàng mỉm cười tinh nghịch:

- Chỉ trừ khi nào chị Loan lấy được người chồng không có gia đình như anh.

Câu nói đùa làm cho Loan buồn rầu cúi mặt nghĩ đến nhân duyên của nàng. Nàng bị cha mẹ ép phải lấy Thân, một người bạn học thuở nhỏ của nàng, con một nhà giàu ở ấp Thái Hà. Việc này nàng thấy cha mẹ nói từ hồi nàng mới đẻ tóc. Hai nhà trong mười năm trời nay vẫn đi lại thân mật, hai bên cha mẹ đã định ước cho Thân và Loan lấy nhau. Loan

vẫn nhất quyết không chịu không phải là Loan chê gì Thân, vì Thân đối với nàng chỉ là một người quen, nàng không yêu mà cũng không ghét. Nhà Thân lại giàu, Loan chắc chắn rằng khi về nhà chồng, sẽ được sung sướng, an nhàn. Nhưng chỉ vì Loan càng ngày càng thấy cái tình của mình đối với Dũng không phải chỉ là cái tình bạn bè như trước kia. Nàng yêu Dũng và cái hy vọng của nàng lúc đó là được làm vợ Dũng. Tuy định bụng không chịu lấy Thân, nhưng nàng cũng hằng lo lắng, vì nàng biết cha mẹ nàng đã quả quyết về việc đó. Nếu nàng cưỡng tất có sự rắc rối trong gia đình.

(Đoạn tuyệt – Phần thứ nhất – Chương I)

Hai quan niệm

Buổi chiều khi ăn cơm xong, bà Hai bảo con:

- Con đi với mẹ ra phố hàng Đào.

Loan hỏi:

- Thưa mẹ, mẹ muốn mua gì cơ ạ.

- Mua ít vải may áo cho cô... Cô ưa thứ nào thì đi với tôi mà chọn.

- Nhưng thưa mẹ, con đã đủ áo mặc chẳng cần phải mua thêm, tốn tiền.

Bà Hai nói:

- Nhưng lúc cần tốn thì phải tốn. Con thích nhưng hay gấm?

- Thưa mẹ, con ghét cả hai thứ. Ăn mặc xuề xoàng

thế nào xong thôi; vì những áo cũ của con còn dùng được vài năm...

Bà Hai ngắt lời:

- Cái cô này gàn lắm. Thôi, mặc áo rồi đi không có lại tối.

Loan vẫn vờ ngây thơ hỏi:

- Nhưng may rồi để đấy, không bao giờ mặc đến thì mất tiền toi vô ích.

Bà Hai gắt:

- Cô này định trêu tôi đấy à?

Loan trả lời vẫn tắt:

- Thưa mẹ, không.

Rồi nàng cúi đầu yên lặng một lúc lâu. Bà Hai đoán là con sắp giở chứng, vội dụ lời bảo:

- Thôi cái đó tùy cô.

Loan ngừng đầu nhìn thẳng rồi thong thả nói:

- Vâng thì xin mẹ để tùy con, và nhân thể mẹ để tùy con định có nên lấy chồng hay không nên lấy chồng. Con đã nhiều lần thưa với mẹ rằng con không thể...

Bà Hai giận dữ:

- À, cô không thể... Cô phải biết cô lớn rồi, cô phải biết nghĩ chứ!

Loan vẫn ung dung từ tốn:

- Thưa mẹ, chính vậy. Chính vì con lớn, con biết nghĩ

nên con mới thưa cùng mẹ rằng con không thể về làm dâu nhà ấy...

Bà Hai nói:

- Dễ thường cô tưởng chuyện chơi sao?

Loan đáp:

- Không, con không cho là chuyện chơi. Con cho là một chuyện rất quan hệ trong đời con, mà chỉ quan hệ đối với con mà thôi.

- Còn tôi? Ra cô không coi lời hứa của tôi vào đâu cả.

- Thưa mẹ, sao mẹ hứa với người ta, trong bao nhiêu năm mẹ nhận lễ của người ta. Nếu mẹ nghe con ngay từ trước? Người ta đến ăn hỏi, mẹ cũng cứ nhận, lỗi đó không phải ở con, vì mẹ không cho con hay. Việc của con mà thầy mẹ coi con như là không có ở nhà này.

Bà Hai vẻ mặt hàm hàm:

- À, ra bây giờ cô lại mắng cả tôi. Phải, tôi tự tiện, nhưng cô phải biết, vì lẽ gì nên tôi mới tự tiện chứ. À ra mất tiền cho ăn học, để cô văn minh, cô về cãi cả bố mẹ... Hồng!...

Bỗng thấy chồng đi qua hiên, bà Hai lên tiếng:

- Này ông, ông lại xem con ông nó mắng tôi kia kìa.

Ông Hai quay lại mắng con:

- Không được hỗn!

Loan nhìn ra đáp:

- Thưa thầy con không hỗn. Không bao giờ con dám vô lễ với mẹ con. Nhưng ít ra mẹ con cũng để con nói chuyện

phân bày phải trái về việc rất quan hệ đến đời con.

Ông Hai nghiêm nghị nhìn con rồi bảo:

- Việc ấy thầy mẹ định rồi và sẽ lo liệu thu xếp cho cô, cô không phải bàn. Cái thói ở đâu, hễ mẹ nói câu gì là cứ mồm một mồm hai cãi trả lại xa xả. Văn minh vừa vừa chứ, người ta mới chịu nổi!

Loan cúi đầu ngẫm nghĩ một lát, rồi nàng nói giọng cương quyết:

- Thưa thầy mẹ, thầy mẹ cho con đi học, thầy mẹ không thể cư xử với con như con vô học được nữa. Không phải con kiêu ngạo gì, đó chỉ là một sự tự nhiên. Lỗi ấy không ở con. Phân bày phải trái với bố mẹ không phải là bất hiếu như ý con tưởng.

Thấy mẹ ứa nước mắt khóc, Loan quay lại nói riêng với bà Hai:

- Thưa mẹ, con xin lỗi mẹ đã làm mẹ phải phiền lòng. Nhưng còn hơn là để mẹ buồn khổ mãi mãi. Nếu con không cấp sách đi học, con sẽ cho lời mẹ là một cái lệnh không trái được, con sẽ như mọi người khác bị ép uống, rồi liều mình tự tử. Đó mới là bất hiếu. Chớ nói rõ để mẹ biết chỉ làm phiền lòng mẹ chốc lát mà thôi. Thầy mẹ giận con, vì thầy mẹ không thể tưởng tượng được rằng làm phận con lại dám cả gan trái lời bố mẹ. Con cho thế mới là phải đạo.

Ngưng một lát, Loan nói tiếp:

- Vâng, con nhận rằng con mới quá, nhưng con đã đi học, không thể không cư xử theo sự học của con được. Bây giờ thì tùy quyền thầy mẹ.

Ông Hai, bà Hai tuy thấy con nói có lý, nhưng không khỏi ngạc nhiên, lo sợ. Ông bà mang máng thấy con mình xa

cách hẳn mình, thành một người ở xã hội khác hẳn cái xã hội Việt Nam bình thường... Ông Hai, bà Hai thuộc về hạng trung lưu, vốn sinh nhai về nghề buôn chiếu, chỉ biết theo những tục lệ của ông cha để lại, không hề để ý đến rằng ở trong xã hội hiện có một sự thay đổi to tát. Từ ngày cho con gái đi học, ông bà mới dần dần tiếp xúc với sự thay đổi đó. Đến nay, trước một việc quan trọng, ông bà càng cảm thấy rõ và lo sợ mà nhận ra rằng con mình không cùng một quan niệm về cuộc đời như mình nữa, cách biệt xa lắm.

(Đoạn tuyệt – Phần thứ nhất – Chương III)

Một quan niệm cách mạng

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như giấc mộng; mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng lặng yên, đợi gió.

Dũng và Độ, hai người thân thờ, không nói, ngả đầu vào lưng ghế, nhìn khói thuốc lá từ từ lan ra ngoài nhà rồi tan vào quãng không.

Trên bàn phủ vải trắng, có để một chai rượu mùi, hai cái cốc đầy rượu và một đĩa quả: sắc thủy tinh trong, pha với màu xanh, vàng, đỏ của trái cây diễn ra một quang cảnh âm áp.

Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây lứt thốt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thổi com chiều ở một vài nhà gần không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám màu lam ôm lầy các mái tranh.

Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên khiến Dũng nghĩ đến cái đời của dân quê, cái đời lạnh lẽo, vô vị kéo dài

đã mấy nghìn năm. Đã mấy nghìn năm, họ sống như bằm lấy mảnh đất già cỗi, xưa thế nào giờ vẫn thế, vui ít khổ nhiều, bao giờ cũng thảm đạm như buổi chiều đông này, không hề khao khát một cảnh đời sáng sủa hơn, mong ước một ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay.

Chiều hôm ấy, Dũng như cảm thấy tâm hồn của đất nước, mà biểu hiệu cho đất nước ấy không phải là những bậc vua chúa danh nhân, chính là đám dân hèn không tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân.

Quanh năm xuôi ngược, dừng chân lại ít ngày ở đồn điền một người bạn thân, ngôi nhà nhả uống cốc rượu tiễn năm trong một tòa nhà gạch sang trọng. Dũng vẫn thấy mình là một người dân và càng cảm thấy cái thú man mác được hòa với đám dân không tên tuổi, sống cái đời của họ sống, mong ước như họ mong ước, khác nào một cây cỏ lẫn trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội. Nhưng trong cái thú hòa hợp ấy có lẫn chút rạo rức, náo nức, vì chưa được thỏa nguyện về hiện tình của dân quê, nên khao khát mà sự khao khát không diễn được nên lời ấy, nó bắt Dũng tin ở sự thay đổi, tin ở công việc Dũng làm trong bấy lâu và có lẽ làm mãi, chưa biết bao giờ nghỉ.

Độ nhìn Dũng thương hại cho bạn bấy lâu sống cuộc đời gian nan, vất vả, phiêu dạt khắp bốn phương trời. Chàng gạt tàn thuốc lá, thở dài, nói vắn vơ một câu như để mong an ủi bạn:

- Sống không nghĩ ngợi như bọn dân kia thế mà lại sướng.

Dũng đáp:

- Tôi cũng nghĩ như anh, vì tôi tin ở sự tiến bộ. Ta có thể làm cho họ hơn lên được. Có lẽ họ đã quen với cái khổ lắm rồi, nên họ không biết khổ nữa, hay họ có biết cũng không

tỏ ra được... Ta phải diễn tả ra cho họ thấy và những sự ta mong ước cho họ, ta phải làm cho họ mong ước như ta. Tôi vẫn hằng mong ước dân quê. đờ phải chịu hà hiếp, ức bách. Ta phải tin rằng sự ao ước ấy có thể thành sự thực và làm cho dân quê cũng ước mong một cách tha thiết như ta.

(Đoạn tuyệt – Phần thứ hai – Chương IV)

Tám thăm kịch

Mợ tắt đèn!

- Để tôi đọc nốt đoạn này đã. Cậu cứ quen như ở ấp. Bây giờ mới hơn tám giờ, ở Hà Nội ai lại ngủ sớm.

Nói vậy song không phải vì Loan muốn đọc sách nên để đèn sáng. Tuy mắt nàng nhìn vào trang giấy, nhưng trí nàng để vào những chuyện đầu đầu. Thỉnh thoảng nàng lại với con dao díp để ở đầu bàn và thông thả đưa dao rọc sách, mắt vẫn nhìn vào trang giấy như một người đương xem mê mải.

Loan thấy Thân nằm bên cạnh chốc chốc lại vật mình, thở dài. Nàng biết Thân bực lắm, vì Thân chỉ đợi nàng tắt đèn đi ngủ là xuống nhà dưới với Tuất, vì từ hôm dọn nhà lên Hà Nội để chữa lại nhà ở dưới ấp, Tuất về quê vắng, hôm nay vừa mới lên.

- Sao bảo mợ tắt đèn, mợ lại không tắt đèn?
- Ô hay! Cậu cứ đi ngủ đi, tôi cần đèn để xem sách.
- Mợ để đèn tôi không ngủ được.
- Cậu xoay mặt vào tường mà ngủ.

Loan hơi lầy lăm lạp về câu nói gắt gỏng và lần đầu có ý trịch thượng của mình đối với chồng. Là vì bị bắt nạt lâu, đến khi muốn chống cự lại thì bao giờ cũng làm quá để tỏ ra rằng mình không thể chịu nhịn được nữa. Loan đã đến cái thời kỳ ấy. Mới hơn một tuần lễ nay, nàng có cái ý tưởng rằng: hễ người ta còn dễ bắt nạt, thì người ta còn bắt nạt mãi, và muốn cho người ta vị nể mình, thì không gì hơn là chống cự lại. Loan có ngờ đâu rằng làm như thế, chính là bắt đầu bắt phục tùng cái chế độ hiện có trong gia đình. Loan đã đến thời kỳ không cần nữa, nên nàng không hiểu được có sao bấy lâu nàng đã chịu nhịn được như thế. Nàng vẫn tự hỏi:

- Cái gì bắt ta phải đau đớn, khổ nhục mãi mãi?

Cái có hy sinh để được vừa lòng mẹ trước kia bây giờ không đủ sức mạnh để diu dặt nàng nữa. Nàng chỉ nhận thấy bấy lâu nàng đã hèn nhát sống theo tục lệ, không có cái can đảm phá tan những tục lệ mà cái học của nàng đã cho nàng biết được rằng đáng bỏ, đáng phá.

- Tôi bảo mẹ không nghe à? Phép ở đâu thế?

- Tôi xin cậu để yên cho tôi xem. Cậu muốn tắt đèn thì ra mà tắt.

Yên lặng một lúc rồi Loan thấy chồng giật lấy quyển sách ở tay nàng vút mạnh xuống đất. Loan đặt con dao lên bàn, cúi xuống nhặt sách, phủ bụi rồi lẳng lặng giở ra đọc, làm như không xảy ra sự gì cả. Loan thấy Thân ngồi nhóm dậy, liền quay lại hỏi:

- Cậu làm gì thế?

- Mẹ không được lão.

- Tôi láo cái gì?

Thân đập mạnh hai tay xuống chiếu quất:

- Mợ cãi à?

Rồi tiện chân đập mạnh vào lưng Loan, làm Loan ngã lăn xuống đất. Nàng vừa lóp ngóp dậy đương vẫn lại tóc thì ở ngoài nhà có tiếng bà Phán:

- Làm cái gì mà huynh huych trong ấy thế? Có dạy vợ thì lúc khác hãy dạy, để yên cho người ta ngủ.

Loan nói:

- Ai dạy ai? Động một tí thì dạy. Tôi không cần ai dạy tôi.

Thân cầm cái gối lăm le ném vào Loan:

- Phải, có thế mới là đồ mất dạy.

Loan đáp:

- Mất dạy là đánh người đàn bà yếu ớt, hèn nhát một lũ...

Bà Phán vội quá, đi chân đất vào buồng, nhìn Loan hỏi:

- Mợ nói gì thế?... Mày nói gì thế, con kia?

Loan quay mặt vào trong không đáp. Bà Phán nói tiếp:

- Bà thử đánh mày một cái tát xem mày còn bảo là hèn nhát nữa không?

Loan nói:

- Không ai có quyền chửi tôi, không ai có quyền đánh tôi.
- Tao có quyền, mà cứ chửi lại xem nào.

Loan quay lại:

- Tôi không quen chửi. Chửi người khác tức bản mồm mình.

Lần đầu bà Phán thấy một câu như vậy ở miệng Loan nói ra. Bà nhảy chồm lên, hai mắt tròn xoe rồi sấn lại nắm lấy Loan tát tui bụi. Con Bình thấy có tiếng động chạy vào xin hộ Loan:

- Con lạy bà, lạy cậu tha cho mợ con.

Bà Phán ngừng tay ngoảnh lại:

- Tha gì, đánh cho chết!

Rồi bà vừa thở vừa bảo Thân:

- Tao không thèm tát nữa bản tay. Mà dần xác nó ra cho tao.

Loan vuốt tóc ngừng lên nhìn thẳng vào mặt mẹ chồng:

- Bà cũng là người, tôi cũng là người, không ai hơn kém ai. Bà đánh tôi, tôi không...

Nói chưa dứt lời, Loan giật mạnh tay ra, đứng lúi lại sau. Bà Phán ôm lấy ngực rồi nằm vật xuống giường kêu:

- Trời ơi! Nó đánh chết tôi!

Loan nói:

- Bà đừng vu oan.

Rồi thấy Thân chạy lại, Loan bảo:

- Tôi xin cậu đừng chạm vào người tôi.

Vừa nói hết câu thì một cái đấm mạnh vào ngực làm Loan chau mày, cúi gục đầu vào tường, rồi người nàng bị đẩy ngã lăn xuống đất. Nàng cố sức đứng dậy đi lùi vào góc giường và cảm thấy cái phâm giá mình lúc ấy không bằng phâm giá một con vật.

- Mợ muốn sống thì đứng lại!

Bà Phán đã ngồi dậy, trở tay, mồm nói:

- Đánh chết nó đi cho tôi. Chết đã có tôi chịu tội.

Loan vẫn lùi. Thân hục hặc nhìn quanh, rồi tiện tay cầm ngay lấy cái lọ đồng sấn lại phía nàng. Loan thấy Thân đã đến gần mình, trong lúc hốt hoảng liền vớ ngay con dao díp rọc sách để ở bàn định giờ đỡ. Thân như con hổ dữ đập đổ một cái lọ đồng đập vào Loan. Loan né mình tránh được và trượt chân ngã xuống giường, con dao cầm chắc trong tay. Thân quá đà cũng ngã mạnh vào người Loan, Loan thấy cái cán dao ấn mạnh lên tay nàng và Thân kêu lên một tiếng. Con sen cũng kêu theo:

- Trời ơi, cậu giết chết mợ con rồi!

Loan buông dao, rút mạnh tay đứng dậy, còn Thân thì nằm ngửa ra hai tay ôm ngực. Bỗng Loan mở to mắt nhìn một

vết đỏ loang trên áo Thân. Nàng sợ hãi đưa tay lên che mồm, bỗng dừng lại: mấy ngón tay nàng vậy máu đỏ lòe.

Loan đứng sững không nhúc nhích trong lúc bà Phán kêu gọi thất thanh. Bích, Châu và Tuất ở ngoài chạy vào ngơ ngác, rồi xúm quanh chỗ Thân nằm. Loan vẫn đứng yên mê man, bên tai nàng văng vẳng tiếng nói cuống quýt lẫn với tiếng kêu khóc. Bà Phán đứng lên quay lại nhìn Loan, Loan suốt đời không quên được hai con mắt của bà Phán nhìn nàng:

- Con bà mà chết thì mày bỏ xác mày với bà.

Một y sĩ ở gần đó thấy tiếng kêu chạy lại. Mọi người đều dẫn ra. Y sĩ cúi xuống xem xét một lúc rồi lắc đầu nói:

- Trúng tim... cụ cho đi trình cấm và bảo người về nhà tôi lấy thuốc và bông lại đây ngay. Cụ cho thuê xe đưa ông vào nhà thương.

Nhưng nghĩ một lát, y sĩ lắc đầu nói:

- Không kịp.

Loan hiểu ngay, liền chạy vội lại chỗ Thân nằm. Thấy bà Phán kêu rú lên xua tay đuổi, y sĩ vội nói:

- Không sao, cụ cứ để bà ấy đến.

Vì chàng biết rằng Thân không còn sống được mấy lúc nữa.

Loan ngồi ghé bên giường nhìn Thân, Thân lúc bấy giờ mặt đã xám lại, hai con mắt nhìn hết cả tinh thần.

- Tôi xin lỗi cậu.

Loan ngừng lại vì nàng vừa thấy Thân trợn ngược mắt và y sĩ thốt ra một câu bằng tiếng Pháp:

- Thế là hết!

Y sĩ cúi mình, giơ tay vuốt mắt Thân. Loan phải đứng dậy, lùi ra phía sau để nhường chỗ cho bà Phán và Bích cùng Tuất. Thấy cái cảnh chồng nằm chết tự tay mình, với mấy người xúm quanh khóc lóc thảm thiết, Loan ngồi gục xuống bàn, mắt mở to nhìn thẳng ra trước mặt. Nàng lâm bảm:

- Đó, kết quả của một đời nhẫn nhục, đau khổ.

Rồi hai dòng nước mắt từ từ chảy xuống má.

(Đoạn tuyệt – Phần thứ ba – Chương I)

Tiếng nói của Trạng sư

Trạng sư bắt đầu cãi, tiếng nói to lớn làm át cả những tiếng thì thào trong phòng. Tuy không biết tên ông trạng sư, nhưng thấy ông còn trẻ và nói mấy câu đầu có vẻ thiết tha, Dũng đã vững tâm và mừng cho Loan có người hết lòng cãi hộ và cãi bằng một giọng hùng hồn cảm động.

Trạng sư đem hết lẽ ra để chứng minh rằng Loan không định tâm giết chồng, chỉ vì Thân muốn đánh Loan và vô ý ngã vào con dao. Ông đọc giấy chứng nhận của thầy thuốc khám nghiệm rồi kết luận:

- Loan không giết chồng! Điều đó là một sự tự nhiên rồi. Giấy chứng của độc tở, lời khai sự thực của con sen đúng với lời khai sự thực của bị cáo nhân, đã tỏ ra một cách rõ ràng rằng, những lời khai khác hẳn nhau của gia nhân người thiệt

mạng toàn là những lời vu khống vì thù ghét. Còn như Thị Loan cầm dao, đó không phải là một cái tội. Cái lọ đồng kia có thể làm chết người. Thị Loan có quyền giữ mình, giữ mình bằng cách gì cũng được.

“Tôi vừa nói đến chữ thù ghét, và nếu tôi không lầm, thì lúc này ông chưởng lý cũng nói rằng cả nhà ghét Thị Loan. Nhưng không có gì tỏ rằng lỗi đó về cả phần Thị Loan.

“Người ta lại ghét Thị, đó không phải là một chứng cứ rằng Thị kiêu hãnh. Thị Loan là một cô gái có học, nghĩa là một cô gái đã tiến, nhưng tiến không phải một nghĩa với lãng mạn. Thị Loan là một cô gái mới mà đã vui lòng nghe theo lời mẹ đi lấy một người chồng cũ, sống trong một gia đình cũ. Tôi nói thế là dựa theo chứng cứ hãn hoi”.

Rồi trạng sư giơ ra một tờ giấy và nói tiếp:

- Đây là bức thư của Thị Loan viết cho một người bạn là bà giáo Thảo hiện có mặt tại đây. Tôi xin đọc một câu của Thị Loan viết trong đó: “Em sẽ sống như mọi người khác, em sẽ cố thuần thực, lấy gia đình chồng làm gia đình mình, coi bố mẹ chồng như bố mẹ đẻ, biết đâu em không thấy được hạnh phúc ở chỗ đó”.

“Đấy các ngài nghe rõ chưa? Thị Loan muốn yên mà người ta không để Thị yên.

“Tôi không muốn nhắc đến người đã thiệt mạng, mà nhất là nhắc đến một cách không hay ho cho người đó, nhưng cái ngài hãy nhìn lại Thị Loan ngồi đây; một người có nhan sắc như Thị Loan...”

Nghe tiếng cười trong phòng, trạng sư nhắc lại câu đó:

- Phải, tôi cần nhắc đến nhan sắc của Thị Loan. Thị Loan có học thức, có nhan sắc, đương vào độ chan chứa lòng

nguyện ước về một cuộc đời tốt đẹp, thế mà vì hiếu với cha mẹ đã vui lòng lấy một người chồng dốt nát và bao năm đã cố yên vui với số phận mình. Và hơn nữa, Thị Loan, một cô gái mới, vì không có con nên đã lấy vợ lẽ cho chồng để gia đình nhà chồng có người nối dõi! Một người như thế không phải là một gái non quay cuồng như ông chương lý đã nói.

“Trong bao nhiêu năm, Thị Loan đã chịu bao nhiêu điều khổ sở cay đắng. Tôi chỉ xin nhắc lại việc đưa con trai Thị Loan chết oan”.

Rồi trạng sư kể lại việc bà Phán giao đưa cháu cho thầy cúng: câu chuyện đó, Thảo đã kể cho ông ta biết một cách rành mạch:

- Chính bà mẹ chồng đã giết cháu bà mà không biết. Mà lại còn đổ cho Thị Loan cái tội giết con! Đến nay, bà đổ cho Thị Loan cái tội giết chồng, nhưng bà có biết đâu, con bà chết là lỗi ở bà, lỗi ở cái luân lý trái mùa và quá ư nghiêm ngặt kia. Người có tội chính là bà mẹ chồng Thị Loan và cái luân lý cổ hủ kia.

“Nhưng nếu vượt lên trên, và nghĩ rộng ra không kể đến cá nhân nữa, thì bao nhiêu những việc xảy ra không phải lỗi ở người nào cả, mà lỗi ở sự xung đột hiện thời đương khốc liệt của hai cái mới, cũ.

“Ta không thể không nhận thấy điều đó. Chính người Pháp đến đây để đem văn hóa Tây phương, chính người Pháp đã dạy họ những lý lẽ mới, đã cho họ những quan niệm mới về cuộc đời.

“Ông chương lý có nói rằng người Pháp đến đây để giữ lấy nền tảng dân bảo hộ, và nền tảng ấy là gia đình. Tôi cũng nhận như thế. Nhưng ta đã hết sức dạy cho họ tiến thì phải cho họ tiến lên. Giữ họ lại là một việc thất sách, mà giữ lại cũng không được nào.

“Xã hội An Nam bây giờ không như xã hội An Nam về thế kỷ thứ 19. Gia đình bây giờ không thể để nguyên như gia đình về thế kỷ trước được nữa. Ở các nước Viễn Đông, Nhật, Tàu, Xiêm, nhất là nước Tàu thủy tổ của nền văn hóa Á đông, cái phạm vi gia đình bây giờ cũng không như trước kia nữa.

“Giữ lấy gia đình! Nhưng xin đừng làm giữ gia đình với lại giữ nô lệ. Cái chế độ nô lệ bỏ từ lâu, mỗi lần ta nghĩ đến không khỏi rùng mình ghê sợ! Ấy thế mà, có ai ngờ đâu còn cái chế độ khốn nạn đó trong gia đình An Nam.

“Chắc các ngài sẽ sừng sốt cho lời tôi nói là lạ. Nhưng thử hỏi: bị người ta bỏ tiền ra mua về và bị coi như thuộc quyền sở hữu của người ta, như thế không là nô lệ thì là gì nữa

“Bà mẹ chồng Thị Loan, vì vô tình, vì thói quen lưu truyền đã dùng đến cái quyền đó cũng như trăm nghìn bà mẹ chồng khác ở xã hội An Nam.

“Những người đã được hấp thụ văn hóa mới đã được tiêm nhiễm những ý tưởng về nhân đạo, về cái quyền tự do cá nhân, lẽ cố nhiên là tìm cách thoát ly ra ngoài chế độ đó, ý muốn ấy chánh đáng lắm. Nhưng thoát ly không phải dễ dàng như ta tưởng. Ngoài những người nhẫn nại sống trong sự phục tùng như Thị Loan đây, biết bao nhiêu người không chịu nổi cái chế độ cay nghiệt ấy đã liều mình hy sinh cho thoát nợ”.

Trạng sư rút trong cặp ra mấy tập thuật trình cũ có đánh dấu bút chì đỏ và đọc vài đoạn thí dụ:

- Đó, các ngài coi, chính chúng ta mới là có tội lớn. Cho họ học cái mới mà không tạo ra cho họ một hoàn cảnh hợp với quan niệm mới của họ.

“Buộc cho Thị Loan cái tội giết người ư? Thị Loan không giết người!

“Buộc cho Thị Loan cái tội quấy rối gia đình ư? Chính Thị Loan lại là người tha thiết muốn được yên sống trong gia đình.

“Thị Loan chỉ có mỗi một tội là cấp sách đi học để rèn luyện tâm trí thành một người mới, rồi về chung sống với người cũ. Thị Loan chỉ có mỗi tội đó. Nhưng tội ấy, Thị Loan đã chuộc lại bằng bao nhiêu đau khổ.

“Tha cho Thị Loan tức là các ngài làm một việc công bằng, tức là tỏ ra rằng cái chế độ gia đình vô nhân đạo kia đã đến ngày tàn và phải nhường chỗ cho một chế độ gia đình khác hợp với cái đời mới bây giờ, hợp với quan niệm của những người có học mới.

“Các ngài tha cho Thị Loan tức là tha cho một người đã bị buộc tội oan, tha cho một người đau khổ vì đã bị phí cả một đời thanh xuân và đã đem thân hy sinh cho cái xã hội mới cũ khất khe này”.

Tiếng trạng sư im bật, Dũng nhìn thoáng thấy Thảo ngồi cạnh Lâm đương đưa khăn lên thấm nước mắt. Đến lúc ông chánh án hỏi bị cáo nhân có muốn nói gì thêm không, Loan lạnh lùng đứng dậy, ra vịn vào vành móng ngựa và thong thả nói:

- Trạng sư đã nói thay cho tôi. Những ý tưởng về mới, cũ, trạng sư vừa phân bày rất đúng với tình cảnh bọn chị em bạn gái mới chúng tôi. Tôi tiếc rằng chính tôi là người ở trong cảnh mà không có giọng hùng hồn để nói cho mọi người cảm thấy rõ những nỗi thống khổ mà chúng tôi đã phải chịu. Không phải tôi cốt để tòa rũ lòng thương riêng đến một mình tôi, vì tôi đã đành cam chịu lấy hết các thứ hình phạt mà xã hội bắt tôi phải chịu. Tôi nói cốt để chị em gái mới, đến đây nghe, biết rằng nếu các chị muốn được hưởng hạnh phúc với chồng con, thì điều trước nhất, các chị em phải tìm cách sống một đời riêng, một đời tự lập, tránh sự chung sống với bố mẹ,

họ hàng nhà chồng và nhất là cố vượt hẳn ra ngoài quyền của cha mẹ chồng thì mới mong gia đình hòa thuận.

NỬA CHỪNG XUÂN

Một người lão bộc

Cơm nước xong, dưới ánh lù mù ngọn đèn Hoa Kỳ đặt trên ngưỡng cửa, hai người ngồi nói chuyện ở ngoài thềm nhà trên. Mai ngẫm nghĩ đến công việc rất hệ trọng đã dự định nên ngập ngừng chưa dám ngỏ lời cùng người lão bộc, mà Mai kính mến như một người trong họ. Con chó già nằm dưới chân Mai, hình như cũng đoán rằng sắp xảy ra sự việc phi thường, đặt mõm lên liếm bàn tay Mai. Trong đêm tối, Mai nhắm cặp mắt sáng sủa của con vật trung thành, tưởng như có long lanh giọt lệ thì lấy làm cảm động vô cùng, cúi xuống thì thầm, như nói chuyện với một người bạn:

- Chúng ta sắp sửa phải rời mái nhà này rồi.

Con vật tuy không hiểu lời chủ, nhưng chắc cũng đoán được chủ đương có điều gì lo nghĩ, nên thông thả đặt mõm vào lòng chủ để tỏ ý an ủi. Còn người lão bộc thì cất giọng run run hỏi Mai:

- Cô định rời đi đâu vậy?

- Tôi sắp bán nhà đây, ông Hạnh ạ!

Ông lão hốt hoảng lo sợ:

- Cô bán nhà?

- Phải, tôi bán. Ông Hạnh ơi, đó cũng là một sự bất đắc dĩ. Ông tính ruộng vườn không còn, tiền của cũng không thì lấy gì ăn tiêu mà chả bán nhà?

- Không được, việc ấy tôi xin cô. Bán nhà đi thì còn đâu là nơi thờ tự cụ Tú. Tôi theo cụ Tú ngày cụ còn giàu có, nhờ cụ mà các cháu tôi đều biết dăm ba chữ. Trước khi cụ mất, cụ đổi dặng giao cho tôi trông nom cô và cậu Huy. Việc ấy tôi nhất định không để tùy ý cô được.

- Vậy, ông để tôi chết đói hay sao?

Người lão bực cú đầu ngẫm nghĩ rồi nói:

- Thế này này, thằng cả nhà tôi đi lính khổ đở, tôi được làng cấp cho mấy mẫu ruộng. Vậy có lẽ cùng đủ gạo ăn. Chưa cần phải bán nhà.

Mai cảm động chảy nước mắt, gượng cười đáp lại:

- Tôi cảm ơn tấm lòng tốt của ông...Nhưng còn việc học của em Huy thì ông nghĩ sao?

Người lão bực giã đầu suy nghĩ rồi hỏi:

- Phải có bao nhiêu tiền?

- Ít ra cũng phải mỗi tháng một chục bạc.

- Thế thì khó lắm nhỉ?

- Vậy ta phải liệu chứ biết sao. Rồi sau này em Huy làm nên có tiền, ta lại tậu đất, ta lại làm nhà ta hay hay ta lại chuộc lại nhà cũng được.

Ông lão Hạnh không trả lời, hai bàn tay ôm trán: ông ta đương cố tưởng tượng ra ở trong trí chất phác cái cảnh gia đình tàn ác, cửa nhà cầm bán. Cái nhà này ông Hạnh đã ở hơn hai chục năm nay, từ ngày chưa có Mai và Huy, ông ta thuộc từng cái xà, cái rui, từng chỗ gỗ rác, gỗ mọt, từng viên gạch vỡ, từng góc tường sứt, bây giờ ông sắp sửa phải rời nó để đi nơi khác, để nhường lại cho người chủ mới, họ đem đồng bạc đến mà cưới, mà chôn biết bao những kỷ niệm của một nhà, biết bao sự vui, sự buồn, sự mừng, sự giận của gần một trăm năm. Cái nhà ấy ông ta ở đã lâu ngày, nên coi như nhà của mình vậy. Nay thấy cô chủ ngỏ lời đem bán đi thì ông ta bỗng có cảm tưởng bị ức hiếp, bóc lột.

- Ông Hạnh!

Lão bộc nghẹn ngào, cất giọng khàn khàn:

- Cô bảo gì?

- Ông khóc đấy à? Ông dờ hơi lắm. Can chi mà khóc. Nếu ông tĩnh tâm mà nghĩ kế giúp tôi thì còn hơn ngồi mà thương mà tiếc cái nhà này.

Ông lão trách Mai:

- Cô còn trẻ người non dạ lắm! Cô tính năm nay tôi ngoài sáu mươi tuổi đầu rồi, chả mấy chốc mà đã xuống lỗ...

Rồi khi tôi gặp cụ Tú ở dưới đất, tôi biết ăn nói ra sao?

Mai gắt:

- Thôi, ông đừng ngăn tôi nữa, tôi đã quả quyết rồi.
- Còn cậu Huy? Việc này tùy ở cậu Huy chứ?
- Em Huy cũng bằng lòng rồi. Vậy chỉ nhờ ông có chút việc, ông tìm hộ tôi một người mua nhà.

(Trích chương “Bàn việc nhà” – Phần một)

Hội kiến

Bà Án dăm dăm ngắm nghía Mai từ đầu đến chân, khiến Mai lo sợ, hai tay nắm chặt lấy lưng tựa ghế. Bà Án gật gù thông thả nói:

- Tôi nghe nói cô cũng biết chữ nghĩa, cũng học đạo thánh hiền thì phải?

Mai biết bà Án bắt đầu khai chiến, quả quyết ngừng đầu lên đáp lại:

- Bẩm bà lớn có thể. Thuở nhỏ con có được học chữ nho và khi thầy con ngồi dạy học ở nhà quan huyện Đông Anh, con cũng có theo học với các cô con quan huyện.

Bà Án vẫn nhớ rành rọt cái thời kỳ ở huyện. Bà cũng không quên được nét mặt và dáng điệu Mai nhưng bà không muốn nhớ tới, nên nghe Mai nhắc lại chuyện cũ, bà tìm cách nói lảng ngay:

- Năm nay cô bao nhiêu tuổi?

- Bẩm bà lớn, con hai mươi.

- Cha mẹ cô làm gì?

Nghe bà Án lục vấn như bắt một người có tội cung khai một điều. Mai cũng nén lòng tức mà trả lời cho xong xuôi:

- Bẩm cha con đậu tú tài và đã mất rồi. Mẹ con cũng qua đời.

Bà Án cười:

- Thảo nào!

Hai chữ thảo nào đi liền sau một tiếng cười khinh bỉ làm cho Mai ứa nước mắt. Nhưng bà Án sợ Mai không hiểu, lại nói tiếp luôn.

- Con có cha như nhà có nóc. Cô là gái mà mồ côi cha mẹ thì tránh sao cho khỏi được sự lầm lỡ.

Mai tái mặt, cất tiếng run run đáp lại:

- Bẩm cha con cũng mới mất, con vừa đoạn tang. Ý chừng bà lớn cho con là một đứa vô giáo dục?

Bà Án không trả lời, dăm dăm nhìn Mai, khiến nàng sợ hãi cúi mặt. Bà hỏi:

- Vậy cô có được cha cô thương yêu không?

- Bẩm bà lớn, cha con thương con lắm.

- Vậy chắc cô hiểu tình cha con thế nào thì tình mẹ con cũng thế, có lẽ tình mẹ con còn khăng khít âu yếm, thân mật hơn nhiều.

Mai biết là bà Án nói năng gang thép và chỉ bày mưu cốt đưa mình vào tròng, nên yên lặng cúi đầu không dám trả lời

hấp tấp. Thấy Mai đứng im, bà Ân lại nói:

- Đem chuyện mẹ con tôi mà nói với cô, tôi thực lấy làm ái ngại. Vì một là cô không muốn hiểu, hai là không đáng nghe. Thằng Lộc nó muốn nói tốt cô đến đâu với tôi, song tôi nhất định cho rằng ở ngoài vòng lễ nghi, vượt hẳn quyền thúc bá thì dầu sao người con gái cũng không thể là một người con gái có đức hạnh được. Bởi vậy, đã mấy lần tôi định đến đây nói rõ mọi lẽ cho cô hiểu, mà tôi vẫn ngần ngại không muốn đến.

Mai đưa vạt áo lên lau nước mắt, bà Ân mỉm cười:

- Cô đừng vội giận. Thà rằng mắt lòng trước thì rồi sẽ được lòng sau, cô ạ. Và tôi đến hôm nay mục đích chỉ cốt cùng cô nói hết các lẽ phải trái, hết mọi điều gần xa. Vậy cô nên ôn tồn, tĩnh tâm mà nghe tôi thì hơn. Cô khóc có ích gì?

Mai lau ráo nước mắt. Lòng phần uất của nàng đã lên đến cực điểm. Linh hồn lãng mạn của nàng đã bắt đầu bông bột.

- Cô ngồi xuống đây, đứng thế mỏi chân, vì câu chuyện của tôi nói với cô còn dài.

Mai lẳng lặng kéo ghế ngồi:

- Con xin phép bà lớn.

- Được, cô ngồi. Ban nãy tôi hỏi cô có hiểu lòng cha nhất là lòng mẹ thương con đến bậc nào không? Tình cốt nhục dầu loài cầm thú còn có, huống chi là người.... Chả nói thì cô cũng thừa biết rằng Lộc là con một của tôi thì tôi lại càng thương lắm.

Bà cảm động, ngừng lại mở chiếc hộp nhỏ lấy trà ra ăn rồi tiếp:

- Tôi chỉ có một mình nó là trai.... vì thế tôi muốn nó phải là người hoàn toàn.

Mai mỉm cười, ngắt lời:

- Bẩm bà lớn thế nào là người hoàn toàn?

Bà Án thông thả dẫn từng tiếng đáp lại:

- Cô không biết thế nào là người hoàn toàn? Điều thứ nhất là phải trai không trộm cắp, gái không ở thõa.

Bà vừa nói vừa nhìn Mai, nhưng Mai cũng chẳng vừa, rất lễ phép trả lời:

- Bẩm bà lớn nếu chỉ cần có thế thì ông tham nhà hẵn là một người hoàn toàn.

Bà Án điềm nhiên, làm như không lưu ý đến lời hỗn xược của Mai, nói tiếp luôn:

- Nếu tôi đoán không sai, thì cô kính trọng và yêu mến con tôi lắm.

Mai cố tâm kiên nhẫn, nhưng đến đây thì nàng không thể giữ được nữa, nước lên khóc. Bà Án lắc đầu:

- Cô nên noi theo gương tôi, ôn tồn mà nói chuyện chứ khóc có ích lợi gì?

Mai kể lễ:

- Nếu bà lớn hiểu được tấm lòng luyến ái của con, thì bà lớn không nỡ khinh bỉ con. Bẩm bà lớn, vì con yêu anh.... vì con yêu ông Lộc mà con đã hy sinh hết cả danh tiết cùng tính mệnh của con. Sau khi thầy con mất đi, con tưởng ở trên đời con chỉ còn yêu có một người là em Huy con, ai ngờ giờ lại run rủi con gặp ông Lộc.

Bà Ân vờ hỏi:

- Vậy ra cô có em nữa đấy?

- Vâng, em con đang theo học năm thứ tư trường Bảo hộ. Em con nó coi con không những như một người chị mà thực như một người mẹ. Mà đối với em, con có thể hy sinh tính mệnh để em con được sung sướng... Bẩm bà lớn, bà lớn có cho phép con kể lại đầu đuôi câu chuyện hầu bà lớn nghe không?

- Được, cô cứ kể.

- Bẩm bà lớn, sau khi nhà con bị sa sút, cha con mất đi thì chị em chúng con bị bơ vơ không nơi nương tựa. Nhà thì không bán được, con thì bị một người cường hào định hà hiếp, em Huy con thì vì không có tiền giả học phí sắp bị đuổi. Trong lúc quẫn bách, con đã toan lấy một ông Hàn cự phú, không phải để tìm chỗ nương thân, vì con xin thú thực, con không hề tưởng tới thân con, nhưng chỉ cốt giữ được lời hứa với cha con lúc lâm chung là: thay cha nuôi em ăn học thành tài và trở nên người hữu dụng.

Bà Ân không muốn để Mai trông thấy mình biểu lộ sự cảm động, liền vội gạt.

- Tôi hiểu cô rồi, nhưng....

- Bẩm bà lớn, con xin phép bà lớn được kể hết đầu đuôi câu chuyện. Trong khi con bị quẫn bách như thế thì con gặp anh, xin bà lớn cho phép con gọi anh là anh, tuy con chẳng xứng đáng với cái hạnh phúc ấy, trong khi ấy con gặp anh Lộc con. Anh con nhận được con là con gái ông thần học của các cô. Rồi anh đem lòng luyện ái con, cứu giúp con và em con. Chúng con được ngày nay thực là nhờ ở anh con, dẫu con ở lại thế nào cũng khó mà cân đối được cái lòng hào hiệp ấy. Huống chi anh con chỉ xin con có một điều là lấy anh con,

là yêu mến anh con. Một hôm anh con đưa một bà đến, nhận là mẹ, và bà ngỏ lời hỏi con cho anh....

Bà Án tức giận mắng:

- Thằng con bất hiếu bất mục đến thế?

- Bẩm bà lớn, vì anh con, nào con có vượt ra ngoài vòng lễ nghi đâu? Mà nếu, bẩm bà lớn, vì anh con, có phải hy sinh đến lễ nghi nữa, con cũng cam chịu.

Bà Án mỉm cười vì bà nghe Mai nhắc đi nhắc lại mãi chữ hy sinh thì bà đã lưu ý đến chỗ nhược điểm của bên địch rồi. Bà định sẽ xoay hết chiến lược về phía đó.

Nhưng bà còn vờ hỏi:

- Tôi nghe chuyện cô thì hình như cô cũng thâm hiểu lễ nghi, đạo đức của thánh hiền lắm.

- Vâng con hiểu! Nhưng thưở xưa cha con còn dạy con còn nhiều điều mà cha con cho là hay hơn, và quý hơn cả những điều lễ nghi.

Bà Án bĩu môi:

- Hay hơn! Tôi đây hủ lậu, vẫn tưởng sự quy nhất của ta là lễ nghi, là ngũ luân ngũ thường, là tứ đức tam tông của đàn bà. Vậy những điều hay của cô đó là những điều gì thế?

- Bẩm bà lớn, lòng thương người và lòng hy sinh.

- Có lạ gì điều đó. Chính là điều nhân của đạo nho.

- Bẩm bà lớn, vâng, chính thế, nhưng điều nhân của đạo nho ta, cũng chỉ là điều nhân trong phạm vi nho giáo mà thôi.

Bà Án mỉm cười:

- Cô biết rộng lắm. Nhưng có lẽ biết rộng như thế cũng chưa hay ho gì cho cô. Cô thấy ai cô cũng thương thì nguy hiểm cho cô lắm. Tôi chỉ thú thực với cô rằng tôi hủ lậu, nghĩa là tôi chỉ trọng có: lễ, nghĩa, trí, tín. Thí dụ như thằng Lộc con tôi, tôi đã hỏi con quan Tuần cho nó rồi, đã có đủ các lễ đạm hỏi tử tế thì dẫu sao tôi cũng không thể thất tín được, không thể bội ước được.

Mai nghe tái mặt, đứng dậy ngập ngừng:

- Bẩm bà lớn.... sao anh Lộc.... không cho con biết.

Bà Án cười:

- Cô còn lạ gì bọn đàn ông đang tuổi chơi bời!

Mai không nói, chỉ ứa hai hàng nước mắt. Bà Án lại bịa thêm:

- Có phải không, cũng có điều tôi theo lễ nghi, cũng có điều tôi không theo. Như cha mẹ thì vẫn bắt ép con lấy vợ mình chọn, chứ tôi, bằng lòng, tôi mới hỏi đấy.... Thôi, nói gần nói xa, chẳng qua nói thật. Bây giờ thế này này. Làm trai lấy năm lấy bảy. Tôi cũng chẳng bắt nó phải bỏ cô, nhất là cứ như lời nó thú thực với tôi, cô lại đương thai nghén. Nhưng đến tháng tám này, tôi cưới vợ cho nó, mà nếu bên nhà gái họ biết nó có nhân tình nhân ngãi, thì ai người ta chịu để yên. Vậy cô nghe tôi, tôi sẽ cấp vốn cho cô đi tìm một nơi khác ở tạm ít lâu, rồi khi nào nó cưới vợ cả về đã, tôi sẽ cho phép nó cưới cô làm lẽ.

Mai căm tức cười mũi:

- Bẩm bà lớn nhà con không có mà đi lấy lẽ.

Bà Án thở dài:

- Cái đó tùy cô! Nhưng đến tháng tám này, thế nào tôi

cũng cưới vợ cho con tôi. Tôi cam đoan với cô rằng thế nào tôi cũng cưới được vợ cho con tôi.

- Vâng, cái đó là quyền ở bà lớn.

- Đã cố nhiên.

Mai toan làm ra mặt lãnh đạm. Nhưng không thể chống nổi với lòng cảm xúc, đứng bưng mặt khóc. Bà Ân lẳng lẳng ngồi nhìn, cố không tỏ chút động tâm. Mai lau nước mắt rồi ngập ngừng nói:

- Bẩm bà lớn.... người vợ chưa cưới của anh Lộc con, nếu chẳng lấy anh con thì cũng lấy được người khác. Còn con thì trinh tiết, tính mệnh.... Cả một đời con, con đã gửi vào anh con.... con không thể lấy ai được nữa. Không phải con sợ mất, sợ thiệt sự gì cho anh con, nhưng xa anh Lộc, thì con không thể sống được. Mà con chắc anh con cũng yêu con như con yêu anh con. Vả lại bà lớn đã biết đâu người vợ chưa cưới của anh con yêu anh con, nhất là anh con thì thực không yêu người ta chút nào, vì nếu anh yêu người ta thì đã chẳng yêu con.

Vậy nếu bà lớn cho phép chúng con lấy nhau, bà lớn sẽ gây hạnh phúc cho ba người: cho anh con và cho cả con quan tuần nào đó. Trái lại bà lớn không cho phép con thì không biết ba cái đời ấy sau này ra sao. Nhất là con, không biết sẽ sa vào cái hang sâu vực thẳm nào. Vì con xin thú thực với bà lớn, con không thể nào yêu chồng người khác được. Thà con chết còn hơn lấy lẽ. Lương tâm con không cho con làm những điều vô nhân đạo như thế.

Bà án ngẫm nghĩ rồi mỉm cười nói:

- Ông cha ta lấy vợ lẽ là thường chứ. Có hề gì.

- Bẩm bà lớn, nhưng con thì con không thể được. Con yêu ai thì con chỉ muốn người ấy là người yêu hoàn toàn mà thôi.

- Vậy ra cô yêu Lộc lắm.

- Bẩm, hà tất bà còn phải hỏi.

Bà Ân cười khanh khách rồi nói:

- Tôi lấy làm lạ cho cô quá. Cô bảo cô yêu con tôi. Cô lại khoe cô giàu lòng hy sinh, thế mà cô chỉ nghĩ đến cô, chứ cô không hề tưởng đến con tôi!

- Bẩm bà lớn, sao bà lớn lại bảo con không tưởng đến anh con.

- Này, cô phải biết. Con đường tương lai của thằng Lộc còn dài. Thế nào nó cũng xuất chính nay mai. Tôi hỏi con quan tuần tỉnh kia là người có thể lực cho nó là tôi đã xét kỹ lưỡng lắm. Quan tuần còn trẻ, bước hoạn đồ còn dài, sau này con tôi tất phải nương tựa vào bố vợ mới mong chóng thăng quan tiến chức được. Nếu trái lại, tôi để nó tự do kết hôn với cô, thì không những nó mất chỗ nương tựa mà nó lại mang tiếng chơi bời bậy bạ, lấy người không xứng đáng, tránh sao được nốt xấu trong ly lịch. Đây cô nghĩ xem, nếu quả cô yêu con tôi và cô giàu lòng hy sinh thì chả còn sự hy sinh nào to bằng, quý bằng, cao thượng bằng sự hy sinh này. Vì cô sẽ giúp cho tương lai của người cô yêu.

Mai tức nấc lên, đã toan cãi lại, nhưng không tìm được lời kháng nghị, nên chỉ đứng nức nở khóc. Mãi sau cùng nàng mới ôn tồn nói:

- Bẩm bà lớn, xin bà lớn xét lại cho con được nhờ, con có phải người bậy bạ đâu, cha con cũng đồ đạt, nhà con cũng là một nhà đời đời theo Nho giáo.

- Đành thế, nhưng người ngoài người ta biết đâu. Thôi, tôi hiểu rồi, cô chẳng yêu con tôi đâu. Chẳng qua cô chỉ muốn làm bà lớn đấy thôi. Phải bà Tham rồi ít nữa lại bà Huyện. To lắm!

Mai đứng khoanh tay vào ngực mỉm cười nói:

- Bẩm bà lớn, còn kém bà Án một tí.

Bà Án hàm hàm tức giận đập tay xuống bàn:

- A con này hỗn thực! Mà phải biết bà gọi đội xếp đến tổng cổ mà đi bây giờ, không khó gì đâu!

Mai lẳng lạng ra gọi anh xe, người nhà bà Án:

- Bẩm bà lớn, anh xe đó, bà lớn truyền cho gọi đội xếp.

Bà Án biết Mai chẳng vừa, khó mà dùng oai quyền được, ngồi thử nghĩ tìm mưu kế khác. Một lát bà thông thả đứng dậy bảo Mai:

- Nhiều lời vô ích. Rồi tôi sẽ bảo thằng Lộc nó tự xử. Thôi chào cô.

Mai hoang hốt chạy theo, kêu van kẻ lẻ:

- Lay bà lớn, nếu bà lớn không rủ lòng thương con thì xin bà lớn thương đến đứa bé nằm trong bụng mẹ nó. Bẩm bà lớn, tình mẫu tử... Bà lớn thương anh Lộc con làm sao thì con sẽ thương con của con làm vậy.... Bẩm bà lớn, nó đã làm gì nên tội, mà nó chịu khổ ngay từ lúc ở trong bụng mẹ nó. Nếu bà lớn đuổi con đi, con bơ vơ lưu lạc thì không biết số mệnh con sau này sẽ ra sao. Bẩm bà lớn, hai tính mạng ở trong tay bà lớn, xin bà lớn nghĩ lại cho.

Bà Án hơi cảm động, nhưng cố giữ mặt lãnh đạm:

- Về làng mà đẻ!

Mai cười gằn:

- Người ta sẽ bảo con chữa hoang.

Bà Ân bữu môi:

- Người ta bảo! Cần gì người bảo?

Mai đứng phắt dậy, lạnh lùng đáp:

- Bẩm bà lớn, thôi được. Tôi không ngờ! Thực là tôi không ngờ... Tôi không ngờ bà lớn lại là sắt đá. Bẩm bà lớn, xin phép bà lớn... Bà lớn chỉ là một người ích kỷ. Bà lớn theo Nho giáo mà bà lớn không nhớ câu: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”.

Bà Ân mỉm cười, khinh bỉ:

- Chữ nghĩa cũng khá đấy! Hữu tài vô hạnh!

- Thôi bà không cần nhiều lời. Tôi sẽ đi. Tôi rời cái nhà này ngày hôm nay. Trách nhiệm nặng nề sau này bà chịu lấy.

Bà Ân ngơ ngác hỏi:

- Trách nhiệm cái gì?

Mai mỉm cười lắc đầu:

- Tôi quên, không, chẳng có trách nhiệm gì hết! Vì hai mạng hà tiện này có chết đi nữa, lòng bà lớn cũng không rung động.

Hai giọt nước mắt nhỏ trên gò má răn reo. Bà Ân thông thà ngồi xuống ghế:

- Cô im ngay!

Ngẫm nghĩ một lúc, bà nói:

- Trước khi cô đi, cô lại đàng nhà, tôi sẽ giúp cô một số tiền, xứng đáng với sự hy sinh của cô, với tấm lòng hào hiệp của cô, và khi nào cô có cần điều gì đến tôi giúp, cô cứ lại nhà tôi, bao giờ tôi cũng sẵn lòng giúp cô.

Mai lạnh lùng:

- Cảm ơn bà lớn, nhưng tôi không phải hạng ăn xin.

Bà án chỉ lưu ý đến một việc là Mai đi, nên lại hỏi như để nhắc:

- Vậy bao giờ cô đi?

Mai cười:

- Thưa bà lớn, một lời đã hứa thì bao giờ cũng phải giữ. Tôi nói nội nhật ngày hôm nay thì chắc không phải ngày mai. Bà lớn cứ yên lòng. Trong năm điều nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, bà lớn viện ra ban này. Có hai điều tôi trọng nhất là: nhân và tín. Bà lớn không lo tôi thất tín.

Bà Án lộ vẻ vui mừng, kể lễ:

- Cô nên nghĩ đến lão già này tuổi tác chỉ có một trai. Nếu nó say hoa đắm nguyệt mà sinh ra bất hiếu bất mục, thì tôi đến buồn mà khô héo, mà chết mất. Đó là một sự hy sinh cuối cùng mà tôi xin cô ban riêng cho tôi.

Mai mỉm cười:

- Vâng bà lớn nói đúng. Tôi có thể hy sinh được chứ bà lớn thì khi nào lại phải hy sinh vì một đứa con gái ti tiện. Thôi được! Bây giờ bà lớn xin tôi ở lại, tôi cũng không nghe lời kia mà. Biết đâu con bà lớn lên lại không giống bà lớn?

Mai ngẫm nghĩ nhớ lại cử chỉ, ngôn ngữ của Lộc mấy hôm trước, trong lòng ngờ vực. Bà Án đứng dậy ra về:

- Thôi chào cô. Tôi xin cậy ở cô. Chốc nữa lại đăng nhà, thế nào cũng lại đây. Nhà tôi ở phố H...

Mai tiễn bà Án ra tới cổng rồi quay vào trong nhà ngôi

phịch xuống ghế, bùng mặt khóc.

(Trích chương “Hội kiến” – Phần hai)

Cháu Ái

Ái chơi ô tô ở chung quanh nhà. Trí tưởng tượng của trẻ con rất dễ dàng mà rất có tài khiến một vật hay một việc trở nên sự thực như ý muốn. Ái chỉ một mình lượn vòng tròn trong miếng đất, mà mắt nó trông thấy biết bao thứ vô thanh. Mồm nó kêu luôn: «Bí bo? Bí bo!» là một cái kèn ô tô rất tốt, hai tay nó khuỳnh ra làm như hết người tài xế lái ô tô, chân nó giậm xuống đất bành bịch đề bắt chước tiếng bánh xe lăn trên đường đá. Thình thoảng nó dừng lại quay ra hỏi một cái thân cây bên hàng giậu:

Có lên xe không?

Nó lại trả lời ngay một câu hỏi tưởng tượng:

- Đây đi Phủ Đoan sáu hào... Không được! Giá nhất định sáu hào, không bớt một xu, không đi thì thôi.

Rồi nó cắm đầu chạy.

- Bác tài ơi, cho tôi lên với.

Ái đứng lại quay cổ nhìn sang hai bên, hỏi:

- Ai gọi xe đây?

Có tiếng trả lời ở cổng:

- Tôi!

- Mấy người.

Sau một dịp cười, bà Ân - vì người ấy chính là bà án, - đáp:

- Có hai người thôi.

- Vào mà đi!

- Nhưng cửa đóng khóa vào sao được?

- Vậy đứng ngoài đợi một tí để em gọi ông Hạnh cho nhé.

Ái lại mồm kêu bí bo, chân giậm bành bạch lượn về lối sau. Một lát nó cùng ông Hạnh đi ra. Ông lão bộc nhác trông thấy bà khách có một người đàn ông vận áo lương theo hầu, thì đoán chắc là quý khách, liền cung kính chấp tay chào:

- Lạy bà ạ! Thưa bà hỏi gì à?

- Không dám. Ông giáo có nhà không, ông?

- Thưa bà, cậu giáo tôi đã đi dạy học, cũng sắp về đây. Vì tàu đã ngược thì cũng đến quá mười giờ rưỡi rồi.

Lúc bấy giờ chiếc ô tô hàng chạy qua cổng.

Ông Hạnh liền trở vào bà Ân:

- Đấy, xe Tuyên đấy! Gần mười một giờ.

Rồi ông ta vừa mở khóa vừa nói:

- Thưa bà, vì cả nhà đi vắng tôi lại bận dọn cơm ở dưới bếp, nên phải đóng khóa cổng, sợ em Ái ra đường.

Bà Ân có vẻ thất vọng, ngơ ngác hỏi người lão bộc:

- Vậy cô.. Vậy bà chị... ông giáo cũng đi vắng à?

- Thưa bà, cô Mai?

Bà Án chưa kịp trả lời, ông Hạnh đã tỏ ý buồn rầu và nói luôn:

- Thưa bà, kể thì là bà Tham cơ đấy, nhưng cô tôi không cho gọi là bà Tham, bất cứ phải đọc tên tục ra như thế.

Bà Án làm bộ không hiểu:

- Thế à? Vậy cô... Vậy bà ấy đi vắng ư?

- Nhưng mời bà cứ vào chơi. Ý chừng bà muốn mua sơn hẵn thôi. Cô tôi cũng sắp về.

Ông Hạnh đưa khách vào và anh người nhà vào sân rồi lại toan khóa cổng, thì bà án vội gạt đi:

- Thôi được, ông để tôi coi cháu cho, chả cần phải đóng cổng.

- Thưa bà chả dám... Nhưng mời bà vào chơi trong nhà. Thưa bà, bà hỏi cậu giáo tôi có việc gì thế? Hay bà đến mua sơn?

Bà Án đương ngẫm nghĩ tìm câu trả lời, thì Ái lượn ở phía sau ra, vẫn cái mồm “bí bo! bí bo!”. Thấy bà Án đứng cười, nó vội kêu:

- Kia! Xe ô tô bóp còi mà không tránh!

Bà Án cúi xuống toan bế Ái lên, nhưng Ái giật mạnh tay ra:

- Ô kia! Sao lại ôm ô tô?

Bà Án cười:

- Ô tô ngoan nào, tôi hôn cái nào!

Ái vỗ tay cười hét lên:

- Ô tô lại ô tô ngoan! Mà ai lại hôn ô tô bao giờ?

(Trích chương “Cháu Ái – Phần ba)

Bên lò sưởi

Lộc hai tay ôm đầu đăm đăm ngẫm nghĩ.

Trong lò trên đồng tro tàn màu trắng xanh, mấy mẩu củi cháy dở đã tắt hẳn. Mai lại nói:

- Đấy anh coi, ta mới tưởng tới mà cuộc đời tương lai ta muốn cùng nhau gây dựng đã hiện ra khắt khe, ghê gớm biết bao. Huống nữa là ta sống thực trong cuộc đời ấy.

Lộc thở dài cúi mặt như sợ không dám nhìn Mai: Những lời lẽ phân trần quá hợp lý của Mai khiến chàng ngỡ rằng Mai không còn yêu chàng nữa. Cái giọng bình tĩnh dễ dàng của Mai chàng cho là không phải giọng ái tình. Chàng có hiểu đâu rằng thống khổ trong mấy năm trời đã làm cho Mai trở nên kiên nhẫn và biết phục tùng số mệnh. Chàng có hiểu đâu rằng những lời dẫn đo trước sau của Mai, Mai đã từng bao phen tự thì thầm trong những đêm dài đằng đẵng. Những ý tưởng kia, Mai đã suy đi xét lại hàng nghìn hàng vạn lần thì làm gì nay Mai không diễn đạt được chu đáo. Mai nhớ những đêm giá rét một mình ngồi bên đồng than hồng sau khi Huy đi ngủ. Nhưng nào Lộc có hiểu tình cảnh một người thiếu phụ

xa chồng. Chàng chỉ thấy đêm khuya lạnh lẽo và cảm thấy vì thiếu tình yêu của Mai mà lòng chàng lạnh lẽo hơn tiết trời đông. Tương lai chàng tưởng tượng hình dung ra một con đường vạch giữa bãi cát trắng, mờ mờ tro bụi và đưa chàng đến một nơi vô định mịt mù. Sẽ sẽ chàng bảo Mai:

- Em lý sự quá!

Mai cười đáp lại:

- Không, em không lý sự đâu. Em chỉ bàn hết điều phải, điều trái với anh thì thôi. Chúng ta không nên sợ lẽ phải, anh ạ. Anh thử nghĩ lại mà xem. Ngày nay mới có hai người chịu đau khổ, là anh và em. Nếu ta đi trốn thì ta cũng chẳng bớt khổ, có lẽ ta còn khổ hơn, mà ta làm cho biết bao nhiêu người vì ta bị khổ lây: đằng anh thì cụ Án, vợ anh, con anh, bạn bè anh, đằng em thì em Huy. Vậy sao ta không vì người khác mà hy sinh ái tình cùng hạnh phúc của ta. Ta hy sinh hạnh phúc mà ta mới tưởng sẽ được hưởng thì ta càng nên hy sinh lắm.... Em không biết anh nghĩ sao, chứ em, hễ em thấy anh sung sướng thì em cũng sung sướng nhất là từ nay trở đi, vì nay em không ngờ vực bụng anh chút nào nữa. Vậy anh nên vui vẻ mà gánh vác trách nhiệm của anh, anh làm hết bổn phận của anh đối với gia đình và xã hội. Trong khi ấy, ở một nơi xa xăm, một người anh yêu và yêu anh sẽ luôn luôn tưởng nhớ tới anh và ngày đêm mong mỏi cho anh sung sướng.

Như đã bày tỏ hết các lẽ, Mai chờ câu trả lời của Lộc. Nhưng Lộc không đáp chỉ đăm đăm nhìn lò đậy tro tàn mà ngẫm nghĩ đến những lời Mai nói.

Bỗng Mai rùng mình, thấy hai bàn chân tê buốt. Nàng bảo Lộc:

- Chắc anh rét lắm.

Lộc chưa kịp trả lời, nàng đứng dậy xuống nhà. Một lát

sau, nàng mang lên một ôm củi, rồi lúi húi nhóm lửa. Lò nóng nên lửa bén rất mau. Chẳng bao lâu củi đã lách tách nổ. Có tiếng gà gáy. Mai hỏi Lộc:

- Anh không buồn ngủ?

- Không.

Gà gáy sáng rồi đấy.

Lộc vẫn yên lặng nhìn lò sưởi... Mai đăm đăm suy xét. Rồi hình như sự nghĩ ra nàng bảo Lộc:

- Ô này! Sao hai ta lần thân lại cứ quanh quẩn mãi trong vòng ái ân, trong sự sum họp nhỉ. Ta không yêu nhau ở ngoài sự sum họp được ư?

Lộc mắt lim dim cố tìm chân lý trong những ý tưởng phức tạp của Mai.

Trong đầu Lộc bỗng hiện ra hình ảnh một chàng thanh niên cứng cáp quả quyết theo đuổi việc xã hội, những việc mà tất phải đem hết nghị lực và tâm trí ra mới làm nổi. Trong khi ấy, một nơi hẻo lánh, một thiếu phụ yêu chàng đương nhớ tưởng tới chàng, đương mong mỏi ở sự hành động của chàng, đương đếm từng bước chàng đặt trên đường đời.

Rồi Lộc nói:

- Cái ý tưởng cao thượng ấy sẽ làm cho anh phấn khởi. Phải, thở than, buồn bực có ích chi! Cái đời tẻ ngắt của anh mà anh cho là hết hy vọng, anh sẽ cam đoan với em rằng vì em nó sẽ thành một đời đầy đủ.

Thất Lộc mặt đỏ bừng và mắt long lanh, Mai lo lắng:

- Anh không nên nghĩ xa xôi quá. Anh sung sướng là em sung sướng rồi.

Lộc như mê man:

- Nhưng em ạ, sao anh không nghĩ tới xã hội, đem hết nghị lực, tài trí ra làm việc cho đời. Rồi thỉnh thoảng hưởng một vài giờ thư nhàn mà tưởng nhớ tới em, mà yêu dấu cái hình ảnh dịu dàng của em, cái linh hồn cao thượng của em. Trời ơi! Anh sung sướng quá, anh trông thấy rõ rệt con đường tương lai sáng sủa của anh rồi. Đời anh từ nay thế nào rồi cũng đổi khác hẳn. Đời anh từ nay sẽ không riêng của anh nữa. Anh sẽ vì người khác, anh sẽ bỏ cái đời an nhàn phú quý mà dấn thân vào một cuộc đời gió bụi. Anh đã trông thấy hiện ra trước mắt những sự cay cực lâm than đương đợi anh. Nhưng anh không ngại, vì có em.

Lộc ngược mặt nhìn Mai:

- Em sẽ là người an ủi và khuyến khích anh.

Mai mỉm cười.

Trong lò sưởi ngọn lửa đỏ tươi vui vùn vụt bốc lên. Bụi than văng lấm tẩm như hoa, tiếng củi cháy lách tách reo vui. Hạnh phúc như bao bọc, như âu yếm hai tâm hồn khoáng đạt, đã siêu thoát ra ngoài vòng tư tưởng nặng nề, u ám.

Ngoài đường có tiếng người đi chợ sớm.

Mai trông qua khe cửa ra sân trước bảo Lộc.

- Kia! Giờ sáng rồi anh ạ.

Lộc ôn tồn nói:

- Thôi, anh đi, anh vui vẻ mà đi. Chúng ta sẽ xa nhau, mỗi người sống riêng một cuộc đời. Đời em, anh chắc sẽ được yên lặng. Còn đời anh, anh nói sắp sửa đổi khác hẳn, anh chưa biết rồi nó ra sao. Anh chỉ biết anh sẽ mãi mãi được sung sướng, vì anh tin rằng ngày ngày, tháng tháng lúc nào

em cũng âu yếm nghĩ đến anh, như thế cũng đủ an ủi anh rồi...
Em ở xa anh, nhưng tâm trí hai ta lúc nào cũng gần nhau, thì
trọn đời hai ta vẫn gần nhau.

Tia vàng ánh sáng mặt trời xuyên qua khe cửa, Lộc tưởng
tượng ngoài kia cảnh vật đương tung bừng đón chào một
ngày quang đãng...

HẾT

